

Quỹ VCBF-TBF đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ (“Giấy Chứng Nhận”) bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“SSC”) của Việt Nam. Giấy Chứng Nhận này chỉ hàm ý sự đăng ký thành lập quỹ và phát hành Chứng Chỉ Quỹ đã được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và không hàm ý rằng SSC cung cấp bất kỳ sự bảo đảm, xác nhận hoặc bảo lãnh nào về nội dung của Bản Cáo Bạch, mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

Quỹ giới thiệu trong Bản Cáo Bạch này được thành lập theo Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với SSC ngày 16 tháng 9 năm 2013

Bản Cáo Bạch cung cấp các thông tin chính xác về Quỹ mà nhà đầu tư tiềm năng nên biết trước khi đầu tư. Nhà đầu tư nên lưu lại Bản Cáo Bạch này cho mục đích tham chiếu trong tương lai. Nhà đầu tư cũng cần cập nhật bất kỳ thay đổi nào của Bản Cáo Bạch sau ngày công bố. Các nhà đầu tư nên đọc các tài liệu bổ sung như Điều Lệ Quỹ và báo cáo hoạt động của Quỹ (khi Quỹ đã đi vào hoạt động) trước khi quyết định đầu tư.

Bản Cáo Bạch

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF (VCBF-TBF)

PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG & GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013

Ngày đăng ký Bản cáo bạch: 14/10/2015

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH:

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-4) 3936 4540 Fax: (84-4) 3936 4542
- Email: Investor@vcbf.com hoặc NhaDauTu@vcbf.com
- Website: www.vcbf.com

Chi nhánh TPHCM

- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
- Điện thoại: (84-8) 38270 750 Fax: (84-8) 38270 751

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH:

Bản Cáo Bạch cập nhật nhất cùng các tài liệu của Quỹ (báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, Điều Lệ Quỹ và các tài liệu cần thiết khác) được cung cấp trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com, tại các văn phòng của VCBF và các Đại Lý Phân Phối như danh sách trong Phụ Lục 2 của Bản Cáo Bạch này.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông Avinash Deepak Satwalekar

Chức vụ: Tổng Giám đốc – VCBF



THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt ở đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế, hoặc tài chính/dầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện hoặc bất kỳ các hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (chuyển nhượng, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ, việc xử lý khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư, hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (bán, chuyển giao, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia hay lãnh thổ nào áp dụng cho nhà đầu tư hoặc bất kỳ quỹ được quản lý nào được sử dụng để mua Đơn Vị Quỹ, và xác định các vấn đề có thể phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác từ việc mua và nắm giữ Đơn Vị Quỹ trước khi quyết định đăng ký mua Đơn Vị Quỹ.

Bản Cáo Bạch này và Các Đơn Vị Quỹ chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và phải tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào tại lãnh thổ tài phán nói trên không được coi Bản Cáo Bạch này hay Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua Đơn Vị Quỹ hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó bản chào như thế tới họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký có thể được sử dụng một cách hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền để cung cấp bất kỳ thông tin hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch này liên quan đến đợt phát hành này hay việc phát hành các Đơn Vị Quỹ, và bất kỳ thông tin hoặc tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch này không được dựa vào như là đã được phê duyệt bởi VCBF. Nhà đầu tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký và ủy thác thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào với Quỹ. Quỹ hoặc VCBF không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi được thực hiện bởi các tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện cho nhà đầu tư đó.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	5
2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	5
3. TƯ VẤN PHÁP LÝ	5
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	6
III. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	10
1. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ.....	10
2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	10
IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ	12
V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	20
VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG	22
1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	22
2. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ	22
3. CÁC HẠN MỨC ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐỊNH.....	23
VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ	25
1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH CỦA QUỸ	25
2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ	25
3. PHÂN BỐ TÀI SẢN	25
4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ	26
5. ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	26
6. CÁC RỦI RO CHỦ YẾU	26
7. VÒNG QUAY DANH MỤC.....	27
8. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	27
9. LỢI NHUẬN THAM CHIẾU	27
VIII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....	27
IX. CHI TIẾT ĐỢT PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHỨNG (IPO)	28
X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ.....	29
1. NGÀY GIAO DỊCH	29
2. THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỔ LỆNH	30
3. GIAO DỊCH MUỘN VÀ CHỌN THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH.....	30
4. MUA ĐƠN VỊ QUỸ.....	31
5. BÁN ĐƠN VỊ QUỸ.....	34
6. CHUYỂN ĐỔI QUỸ	36
7. CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN VỊ QUỸ.....	37
8. HỦY LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ	38
9. TẠM DỪNG THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ	38
10. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (SIP).....	39
XI. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN	43
1. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG.....	43
2. NGÀY ĐỊNH GIÁ	44
3. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN.....	44
XII. CÁC LOẠI PHÍ VÀ CHI PHÍ	51
1. PHÍ GIAO DỊCH	51
2. CHI PHÍ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ	53
XIII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ..	55
1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	55
2. CÁC BÊN LIÊN DOANH CỦA VCBF	58
3. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	60
4. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	61

XIV.XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	63
XV. THUẾ	64
XVI.BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	66
1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ	66
2. BÁO CÁO QUỸ.....	66
3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG	66
4. GỬI BÁO CÁO	67
XVII.TÓM TẮT ĐIỀU LỆ.....	67
XVIII.CƠ SỞ PHÁP LÝ	74
XIX.LIÊN LẠC	75
XX. CAM KẾT.....	76

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (“VCBF”)

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Chủ tịch
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Băng Tâm	Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý. Tuy vậy, thông tin trong Bản Cáo Bạch này chưa được thẩm định bởi bất kỳ bên nào khác ngoại trừ như được đề cập tại Bản Cáo Bạch này.

2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Deutsche Bank AG, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“Deutsche Bank”)

Đại diện: Ông Jens Ruebbert Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do VCBF lập có xác nhận của Deutsche Bank AG, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (“Deutsche Bank”). Chúng tôi thông qua đây tuyên bố rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do VCBF cung cấp.

3. TƯ VẤN PHÁP LÝ

Tên: Công ty luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam)- Chi Nhánh Hà Nội

Baker & McKenzie là tư vấn pháp lý cho Công Ty Quản Lý Quỹ liên quan đến việc chào bán Chứng Chỉ Quỹ. Nhà đầu tư tiềm năng cần tham khảo ý kiến tư vấn từ luật sư của chính họ.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

“AML”	nghĩa là phòng chống rửa tiền.
“Bản Cáo Bạch”	là tài liệu này, các phụ lục kèm theo và những hiệu chỉnh hợp lệ (nếu có) sau đó bởi VCBF, cung cấp chính xác, trung thực và khách quan các thông tin về Quỹ VCBF-TBF và các thông tin liên quan đến việc phát hành và giao dịch Chứng Chi Quỹ VCBF-TBF.
“Ban Đại Diện Quỹ” hay “BĐDQ”	là một ban được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để đại diện cho các Người Sở Hữu Đơn Vị của Quỹ nhằm mục đích giám sát hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Chứng Chi Quỹ”	là chứng khoán do VCBF đại diện Quỹ VCBF-TBF phát hành dưới dạng ghi sổ, là bằng chứng về quyền hợp pháp của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với tài sản hay vốn của Quỹ tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ do Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nắm giữ.
“Cổ Tức của Quỹ”	là các khoản lợi nhuận mà Quỹ phân phối tương ứng với số lượng Đơn Vị Quỹ nắm giữ bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
“Công ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Vietcombank” hay “VCBF”	là công ty được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK – GPHĐQLQ cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 2 tháng 12 năm 2005.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank như mô tả ở Mục XIII.1.1 của Bản Cáo Bạch này.
“Đại lý Chuyển Nhượng”	có nghĩa là Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh như mô tả tại Mục XIII.4.6.1 do Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền quản lý Sổ Đăng Ký của Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	là đại lý được ủy quyền nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ từ nhà đầu tư.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	là cuộc họp của những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được tổ chức định kỳ hay bất thường để thông qua các vấn đề của Quỹ cần có sự quyết định của những Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ.

“Điểm Nhận Lệnh”	là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các nhà đầu tư như quy định tại Mục XIII.4.2 và Phụ Lục 2 của Bản Cáo Bạch.
“Điều Lệ”	là điều lệ, các phụ lục kèm theo quy định cơ chế và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) quy định quy chế quản lý cho Quỹ VCBF-TBF.
“Đơn Đăng Ký”	là đơn đăng ký mua Đơn Vị Quỹ lần đầu.
“Đơn Vị Quỹ” hay “Đơn Vị”	là đơn vị sở hữu vốn của Quỹ mà người sở hữu có một quyền biểu quyết.
“Đồng” hay “VNĐ”	là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“DPP”	là Lựa chọn Nhận Cổ tức bằng tiền được mô tả chi tiết tại Mục VIII.
“DRIP”	Lựa chọn Tái đầu tư Cổ tức được mô tả chi tiết tại Mục VIII.
“FATCA”	Là đạo luật tuân thủ tài khoản thuế nước ngoài được thông qua bởi Quốc hội Hoa Kỳ vào ngày 10/3/2010 .
“FTI”	là Franklin Templeton Investments như mô tả tại phần XIII.2.2 của Bản Cáo Bạch này.
“HNX”	là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
“HSX”	là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	là tổng giá trị tài sản nắm giữ bởi Quỹ trừ đi các khoản nợ tại Ngày Định Giá.
“Hệ Thống Kế Toán Việt Nam”	là hệ thống kế toán quy định bởi Bộ Tài Chính của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định áp dụng cho các công ty được thành lập tại Việt Nam.
“Hợp Đồng Giám Sát”	là hợp đồng được ký kết giữa VCBF và Ngân Hàng Giám Sát..
“IPO”	là phát hành lần đầu ra công chúng tức là khi Đơn Vị Quỹ được chào bán công khai ra công chúng lần đầu tiên.
“KYC”	là nhận biết và tìm hiểu khách hàng.
“Lệnh Bán”	là lệnh của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ yêu cầu Quỹ mua lại một phần hay tất cả Đơn Vị Quỹ mà Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sở hữu.
“Lệnh Bán Được Chấp Nhận”	là lệnh bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận sở hữu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó.

“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”	là lệnh của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ yêu cầu bán một phần hay tất cả các Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.
“Lệnh Chuyển Nhượng”	là lệnh của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
“Lệnh Mua Được Chấp Nhận”	là lệnh mua của nhà đầu tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
“Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận”	là lệnh chuyển đổi quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ bán được xác nhận sở hữu bởi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đó.
“Lệnh Được Chấp Nhận”	là từng Lệnh Bán Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán Được Chấp Nhận và Lệnh Mua Được Chấp Nhận hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ Được Chấp Nhận và Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận.
"Lệnh Chuyển Nhượng Được Chấp Nhận"	là lệnh chuyển nhượng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được chấp nhận để thực hiện.
“Lệnh Mua”	là lệnh của nhà đầu tư đặt mua Đơn Vị Quỹ.
“Luật” hay “Pháp Luật”	là luật hay pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
“Năm Tài Chính”	là giai đoạn 12 (mười hai) tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày SSC cấp giấy phép thành lập của Quỹ đó đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó, trừ khi thời gian còn lại của năm đầu tiên ít hơn 3 (ba) tháng, trong trường hợp đó, năm tài chính đầu tiên sẽ kết thúc vào ngày 31/12 của năm sau.
“Ngày Làm Việc”	là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
“Ngày Định Giá”	là ngày NAV của Quỹ được xác định như quy định tại Mục XI.2 của Bản Cáo Bạch này.
“Ngày Giao Dịch”	là Ngày Làm Việc mà vào ngày đó Công Ty Quản Lý Quỹ, đại diện cho Quỹ, phát hành, mua lại, chuyển đổi và/hoặc chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ như được định nghĩa tại Mục X.1 của

Bản Cáo Bạch này.

“Ngân Hàng Giám Sát”	có nghĩa là Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh như mô tả tại Mục XIII.4.1, cung cấp dịch vụ bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, hợp đồng kinh tế, và các tài liệu khác liên quan đến tài sản của Quỹ; giám sát hoạt động của Quỹ; giám sát hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện.
“Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ”	là nhà đầu tư được đăng ký là người sở hữu Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký.
Quỹ	Là Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBF-TBF) được mô tả trong Bản Cáo Bạch này.
“Ngày Chốt Danh Sách”	là ngày mà các Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ được ghi nhận trên Sổ Đăng Ký được xem là đủ điều kiện tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư, nhận cổ tức và các hoạt động khác của Quỹ.
“Sổ Đăng Ký”	là tài liệu ghi nhận thông tin về mỗi Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.
“SIP”	là kế hoạch đầu tư định kỳ tức là kế hoạch đầu tư vào Quỹ theo một chu kỳ đều đặn như được mô tả chi tiết ở Mục X.9 của Bản Cáo Bạch này
“SSC” hay “UBCKNN”	là Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước của Việt Nam.
“Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”	là thời điểm mà trước thời điểm đó các lệnh giao dịch nhận được có thể được thực hiện tại Ngày Giao Dịch, như quy định chi tiết tại Mục X.2 của Bản Cáo Bạch này.
“Vốn Điều Lệ”	có nghĩa là tổng số vốn của Quỹ do tất cả các Nhà đầu tư góp trong đợt chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng .
“VN Index”	là chỉ số chứng khoán của toàn thị trường của HSX.
Các định nghĩa khác	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như mô tả trong Luật áp dụng theo từng hoàn cảnh sử dụng của Điều Lệ hoặc của Bản Cáo Bạch này.

III. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. TÓM TẮT THÔNG TIN QUỸ

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF

Tên Quỹ bằng Tiếng Việt:	Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF
Tên Quỹ bằng Tiếng Anh	VCBF Tactical Balanced Fund
Tên viết tắt	VCBF-TBF
Loại hình Quỹ:	Quỹ mở cân bằng
Mục tiêu Đầu tư:	Tổng lợi nhuận (tăng trưởng vốn cộng thu nhập)
Phân bổ Tài sản:	50,0% ± 25,0% Tổng tài sản Quỹ được đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định và 50,0% ± 25,0% vào cổ phiếu niêm yết, chủ yếu là các cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn.
Lợi nhuận tham chiếu:	Trung bình cộng giản đơn của thay đổi của VNIndex và lợi tức trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm.
Chính sách Cổ tức:	Có quyền chọn nhận bằng tiền mặt hay tái đầu tư
Giấy chứng nhận IPO:	- 44/GCN-UBCK ngày 16/9/2013
Giấy chứng nhận đăng ký thành lập:	- 07/GCN-UBCK ngày 24/12/2013
Thời hạn hoạt động	Không giới hạn

2. TÓM TẮT CÁC ĐIỀU KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Hạn Mức Tối Thiểu

Mua lần đầu:	5.000.000 VNĐ (năm triệu đồng)
Các lần mua tiếp theo:	1.000.000 (một triệu đồng)
Bán:	1.000.000 (một triệu đồng) hoặc 100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Chuyển đổi Quỹ:	1.000.000 (một triệu đồng) hoặc 100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)
Chuyển nhượng	100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ) Quy định về mức bán

tối thiểu không áp dụng cho lệnh bán cuối cùng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

100 Đơn Vị Quỹ (một trăm Đơn Vị Quỹ)

Số dư tài khoản tối thiểu:

Trong trường hợp số dư tài khoản Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ thấp hơn mức tối thiểu do các Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi Quỹ, toàn bộ số dư còn lại của tài khoản sẽ được bán hoặc chuyển đổi.

2. Giá Mua

Giá Mua sẽ theo NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ cộng Phí Mua.

3. Giá Bán

Giá Bán sẽ theo NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ trừ Phí Bán.

4. Cơ cấu Phí Phí Mua:

Được tính trên giá trị của Lệnh Mua như sau:

- | | |
|---------------------------------------|------|
| - Từ 1 triệu đồng đến 500 triệu đồng: | 2,0% |
| - Trên 500 triệu đồng đến 1,0 tỷ đồng | 1,5% |

Lệnh Mua có giá trị trên 1,0 tỷ đồng (một tỷ Đồng) sẽ được hưởng các mức phí ưu đãi như được quy định tại Mục XII.1.1 Phí Mua.

Các Lệnh Mua trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ sẽ được giảm 20% (hai mươi phần trăm) Phí Mua.

Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP hàng tháng hoặc hàng quý trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục sẽ được giảm trừ 20% Phí Mua như quy định chi tiết tại Mục X.9.4.

Phí Bán:

Được tính cho giao dịch bán từng phần hay toàn bộ các Đơn Vị Quỹ trên cơ sở tổng giá trị bán và tính theo thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ như bảng dưới đây. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được tính trên cơ sở mua trước – bán trước và được quy định chi tiết tại Mục XII.1.2 Phí Bán.

- | | |
|-------------------------------|------|
| - 01 tháng hoặc ngắn hơn: | 3,0% |
| - Trên 01 tháng đến 12 tháng: | 1,0% |
| - Trên 12 tháng đến 24 tháng: | 0,5% |
| - Trên 24 tháng: | 0,0% |

Phí Chuyển Đổi Quỹ:

Được tính trên giá trị được bán từ một Quỹ và mua một Quỹ khác trong cùng một Ngày Giao Dịch, tùy thuộc vào Phí Mua của Quỹ chuyển đến so với Phí Mua của Quỹ rời đi như sau:

- Trường hợp cao hơn: phí chuyển đổi là khoản chênh lệch giữa các mức Phí Mua tại thời điểm chuyển đổi
- Trường hợp bằng hoặc thấp hơn: không tính phí

Thời gian nắm giữ của các Đơn Vị Quỹ sau khi chuyển đổi Quỹ sẽ được tính lại từ ngày thực hiện việc chuyển đổi.

Phí Chuyển Nhượng: Được tính cho giao dịch chuyển nhượng các Đơn Vị Quỹ từ người sở hữu thụ hưởng đã đăng ký sang cho một người sở hữu thụ hưởng khác:

- 300.000 Đồng (phí cố định)

- 5. Giao Dịch Đơn Vị Quỹ** Các Đơn Vị Quỹ có thể được mua, bán, chuyển đổi hay chuyển nhượng vào Ngày Giao Dịch như quy định tại Mục X.1. Giá trị bán ròng sau khi trừ phí, thuế (nếu có) sẽ được thanh toán cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc sau Ngày Giao Dịch.
- 6. Cách Tính Giá Trị Tài Sản Ròng (“NAV”)**
- NAV của Quỹ được tính vào mỗi Ngày Định Giá và được công bố trên trang điện tử của VCBF và thông qua các Đại Lý Phân Phối.
 - NAV/Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn đến 2 (hai) số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ 3.
- 7. Công Bố Thông Tin**
- Quỹ sẽ công bố báo cáo tài chính bán niên, hàng năm, báo cáo hoạt động quỹ bán niên, hàng năm và các báo cáo khác theo Điều Lệ Quỹ và theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

Các điều khoản này có thể thay đổi để phù hợp với sự phát triển của thị trường, và có thể được điều chỉnh theo thời gian bởi VCBF trong các lần sửa đổi tiếp theo của Bản Cáo Bạch này.

IV. CÁC RỦI RO LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Giống như các hình thức đầu tư khác, Quỹ mở có những rủi ro như nhà đầu tư có thể bị lỗ một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư ban đầu, rủi ro không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận đạt được thấp hơn dự kiến hoặc thấp hơn so với lợi nhuận của các hình thức đầu tư khác được đầu tư cùng thời điểm và có cùng thời gian nắm giữ. Nhà đầu tư cần nhận thức được những rủi ro này tại thời điểm thực hiện đầu tư cũng như hiểu được khả năng chấp nhận của họ đối với rủi ro mất vốn đầu tư ban đầu hoặc lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.

Là công ty quản lý quỹ, mục tiêu của VCBF là quản lý các rủi ro đầu tư, và nếu có thể, hạn chế tác động của các rủi ro này bằng việc áp dụng các phương pháp quản lý đầu tư theo tiêu chuẩn quốc tế tốt nhất. Nhà đầu tư cần lưu ý các điểm quan trọng sau đây:

- Quỹ, VCBF, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên VCBF không có bất kỳ sự đảm bảo nào đối với vốn đầu tư ban đầu cũng như mức lợi nhuận từ đầu tư của Quỹ;
- Không có bất kỳ sự đảm bảo nào về số lần chi trả và giá trị của cổ tức được thanh toán trong tương lai;
- Kết quả hoạt động trong quá khứ của một Quỹ, của VCBF hoặc của các chủ sở hữu của VCBF không hàm ý hay đảm bảo kết quả hoạt động của Quỹ trong tương lai;
- Tên của Quỹ không hàm ý về chất lượng hoạt động cũng như triển vọng và lợi nhuận của Quỹ trong tương lai;
- VCBF không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đầu tư của Quỹ và các chủ sở hữu, thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên của VCBF không có trách nhiệm pháp lý về các rủi ro hoạt động của VCBF trong quá trình quản lý Quỹ này.

Rủi ro trong đầu tư chứng khoán thông thường được phân thành những loại rủi ro sau đây:

1. **Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán:** Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro mà tổ chức phát hành không thể đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với các vốn gốc và lãi khi đến hạn thanh toán.
 - **Ảnh hưởng:** rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán chủ yếu liên quan đến trái phiếu. Do rủi ro này, trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao hơn so với lợi suất của trái phiếu Chính phủ vốn được coi là hình thức đầu tư ít rủi ro hơn. Thông thường giá trị của chứng khoán có thu nhập cố định sẽ dao động theo mức độ đánh giá mức rủi ro tín dụng cũng như bất kỳ sự kiện mất khả năng thanh toán nào thực tế xảy ra. Rủi ro tín dụng càng lớn, mức lợi suất yêu cầu càng cao. Rủi ro tín dụng hay rủi ro mất khả năng thanh toán cũng cần được xem xét đối với các công ty phát hành cổ phiếu, bởi vì việc mất khả năng thanh toán của một khoản nợ sẽ làm tăng chi phí nợ vay và có thể dẫn tới khả năng công ty phải phá sản và giá trị cổ phiếu sụt giảm mạnh.

Các công ty không được ưa thích, đặc biệt là các công ty mới thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán, thường có xu hướng giảm giá trị nhanh hơn khi kinh tế suy thoái. Các công ty này thường gặp khó khăn hơn trong việc giữ chân khách hàng và nhà cung cấp và trong việc thanh toán nghĩa vụ nợ hoặc tìm kiếm nguồn tài trợ bổ sung trong giai đoạn kinh tế suy thoái.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Báo cáo tài chính được sử dụng để đánh giá rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán. Và vì báo cáo tài chính được các công ty niêm yết công bố hàng quý, dự báo dòng tiền trong tương lai được sử dụng để đánh giá hình tài chính và triển vọng của công ty. Mặc dù rủi ro tín dụng và rủi ro mất khả năng thanh toán có thể được phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm hoặc bảo lãnh của ngân hàng, chi phí phòng ngừa rủi ro sẽ tăng nhanh chóng khi tình trạng tín dụng của công ty suy giảm. Bên cạnh đó, các công cụ phòng ngừa rủi ro hiện có ở Việt Nam còn khá hạn chế và được áp dụng chủ yếu cho các sản phẩm có thu nhập cố định được đảm bảo như bảo lãnh ngân hàng hay các khoản đảm bảo bổ sung bằng tài sản của công ty. Việc phân loại trái phiếu theo mức độ rủi ro do các cơ quan xếp hạng tín nhiệm độc lập tiến hành chưa được phổ biến ở Việt Nam. Các sở giao dịch chứng khoán Việt Nam giám sát tình hình tài chính của các công ty niêm yết, và để bảo vệ các nhà đầu tư, các cơ quan này sẽ đình

chi hoặc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu của các công ty có tình hình tài chính không lành mạnh hoặc không đủ năng lực tài chính.

Quý sẽ tìm kiếm cơ hội đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu được Chính phủ Việt Nam bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam hoặc trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tốt. VCBF sẽ thường xuyên tiến hành đánh giá rủi ro tín dụng của các trái phiếu và cổ phiếu.

2. **Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường là rủi ro dẫn đến giá thị trường thay đổi, ví dụ như các thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và thị giá chứng khoán ảnh hưởng đến thu nhập của Quý hay giá trị các khoản đầu tư của Quý.

- **Ảnh hưởng:** Giá trị thị trường của chứng khoán mà Quý đầu tư vào sẽ tăng hay giảm, đôi khi nhanh chóng hoặc đột ngột ngoài dự đoán. Giá trị thị trường của một chứng khoán có thể bị giảm bởi các hoạt động mua, bán trên thị trường hoặc các hoạt động khác liên quan đến cung, cầu của chứng khoán đó mà không liên quan đến tổ chức phát hành. Đây là rủi ro cơ bản với tất cả các chứng khoán. Giá có xu hướng giảm khi có nhiều người bán hơn người mua trên thị trường. Tương tự như vậy, giá có xu hướng tăng lên cả khi có nhiều người mua hơn người bán trên thị trường.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các điều kiện kinh tế vĩ mô được theo dõi thường xuyên để đánh giá các nhân tố chung có ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán, từ chính sách tiền tệ và tài khóa, kỳ vọng về lạm phát, tâm lý kinh doanh cho tới thuế và các thay đổi về nhân khẩu học. Do bản chất khá quát của nó, rủi ro thị trường được quản trị bằng cách xác định và quản trị một số rủi ro cụ thể góp phần tạo ra rủi ro thị trường. Các rủi ro chính sau đây được giám sát thường xuyên:

2.1 **Rủi ro lãi suất** là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quý đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu.

- **Ảnh hưởng:** Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động gián tiếp và ảnh hưởng nhiều mặt tới giá cổ phiếu, phụ thuộc vào nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi công ty (công ty có tỷ lệ các khoản vay dài hạn cao với lãi suất cố định sẽ ít bị ảnh hưởng hơn so với công ty có các khoản vay ngắn hạn), khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng cao, và kỳ vọng lạm phát.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quý cố gắng giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quý sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quý đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quý sẽ được theo dõi thường xuyên.

2.2 **Rủi ro biến động giá thị trường** là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng chứng khoán thay đổi.

- **Ảnh hưởng:** Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro giá thị trường được phản ánh trong mức độ biến động của giá chứng khoán tăng hay giảm tương quan với các chứng khoán khác trong cùng thị trường. Để quản trị rủi ro biến động thay đổi giá, mức biến động của từng chứng khoán sẽ được đánh giá và theo dõi. Biến động cao hơn mức trung bình hàm ý rằng chứng khoán có nhiều rủi ro hơn (có thể đồng nghĩa với khả năng có nhiều lợi nhuận hơn). Mức độ biến động được đo lường bằng các phương pháp thống kê (độ lệch chuẩn của một chứng khoán so với trung bình, hay hệ số Beta). Công ty có chỉ số cơ bản tốt thông thường sẽ có mức biến động thấp hơn so với thị trường.

2.3 Rủi ro lạm phát: là rủi ro mà giá trị của các khoản đầu tư của quỹ suy giảm do lạm phát.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ.

Lạm phát có mức độ ảnh hưởng ít hơn đối với cổ phiếu. Những công ty ít có khả năng tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có lợi nhuận ít hơn và giá trị ít bị ảnh hưởng hơn. Ngược lại, những công ty có thể tăng giá đầu ra khi lạm phát sẽ có giá trị cao hơn trong trường hợp lạm phát cao. Vì vậy, cổ phiếu chỉ có thể tránh được rủi ro lạm phát nếu như công ty có thể chuyển lạm phát đó sang cho người tiêu dùng. Ngoài ra, trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt hoạt động đầu tư. Điều này khiến cho tăng trưởng và sau đó là giá trị doanh nghiệp suy giảm.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro lạm phát đối với danh mục trái phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao. Rủi ro lạm phát đối với danh mục cổ phiếu có thể được giảm thiểu bằng cách tăng tỷ trọng danh mục vào cổ phiếu của những công ty có khả năng chuyển phần lớn lạm phát sang người tiêu dùng.

2.4 Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi tỷ giá.

- **Ảnh hưởng:** Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ có rủi ro tỷ giá khi các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được giám sát thông qua việc phân tích các nguồn doanh thu và các khoản công nợ của công ty đó.

Tài sản và nợ phải trả của Quỹ đều được trình bày bằng đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ sử dụng của Quỹ. Vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ phải chịu rủi ro tỷ giá trong thời gian đầu tư tại Việt Nam. Việc bảo vệ nhà đầu tư tránh khỏi rủi ro này nằm ngoài

khả năng của Quý và vì vậy, các nhà đầu tư nước ngoài, nếu cần thiết, cần phải tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3. **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà thanh khoản của người mua và người bán đối với chứng khoán quá thấp khiến cho Quý không thể hoặc mua hoặc bán chứng khoán tại các mức giá nhất định khi cần thiết. Chứng khoán niêm yết thường có rủi ro thanh khoản thấp hơn chứng khoán chưa niêm yết, tuy nhiên khả năng bán các khoản đầu tư này có thể bị ảnh hưởng bởi tổng giá trị giao dịch của thị trường chứng khoán. Thước đo rủi ro thanh khoản và việc chứng khoán có thể bán được dễ dàng hay không, là chênh lệch giữa giá chào mua và giá chào bán. Cổ phiếu kém thanh khoản sẽ có mức chênh lệch rộng hơn cổ phiếu có thanh khoản cao. Rủi ro thanh khoản là rủi ro đặc thù của thị trường trái phiếu Việt Nam vì nhiều trái phiếu phát hành có quy mô nhỏ và giao dịch ít trên thị trường thứ cấp. Rủi ro thanh khoản của cổ phiếu có ở các công ty vốn hóa nhỏ và cũng có thể có ở các công ty có vốn hóa lớn nếu số lượng cổ phiếu có thể được giao dịch trên thị trường mà không được nắm giữ bởi các nhà đầu tư tổ chức thấp.

Quý có thể sẽ đầu tư vào những chứng khoán không niêm yết và vì vậy Quý có thể gặp các rủi ro thanh khoản.

- **Ảnh hưởng:** Thanh khoản thấp của các chứng khoán có thể ảnh hưởng đến tính thanh khoản của Quý (xem mục 8 dưới đây). Thanh khoản thấp của các chứng khoán cũng dẫn đến giá mua, bán bất lợi cho quý và do đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quý (xem mục 6 dưới đây).
 - **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro thanh khoản sẽ được theo dõi trên cơ sở số ngày cần thiết để bán mỗi chứng khoán trong danh mục dựa trên dữ liệu giao dịch bình quân của chứng khoán đó trong năm liền trước. Các phương pháp cần thiết khác sẽ được tiến hành để giữ thời gian thoái vốn bình quân nằm trong các khoảng thời gian mục tiêu theo nguyên tắc cân trọng giới hạn trong quy định nội bộ.
4. **Rủi ro tái đầu tư:** Rủi ro này đề cập đến các mức lãi suất khi dòng tiền nhận được từ việc thoái vốn các khoản đầu tư của Quý được tái đầu tư và phát sinh khi lãi suất tại thời điểm tái đầu tư thấp hơn lãi suất tại thời điểm thoái vốn dẫn đến thu nhập lãi kép (lãi của lãi) nhận được thấp đi.

Một số chứng khoán có thu nhập cố định được phát hành kèm theo quyền cho phép người phát hành mua lại chứng khoán đó trước hạn, khi lãi suất thị trường có khuynh hướng giảm. Khả năng này có thể khiến Quý phải tái đầu tư phần tiền thu hồi tại mức sinh lợi thấp hơn, do đó làm giảm thu nhập từ lãi của Quý.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro tái đầu tư là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu với dòng tiền từ lãi trái phiếu và từ vốn được hoàn trả vào thời điểm đáo hạn trái phiếu.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tái đầu tư của danh mục đầu tư trái phiếu được quản trị thông qua việc theo dõi kỳ vọng lãi suất thể hiện trên đường cong lợi suất (đồ thị thể hiện các mức lãi suất của các trái phiếu có các kỳ hạn khác nhau) và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng. Tuy nhiên, tại Việt

Nam, lãi suất thả nổi chủ yếu chỉ có ở trái phiếu doanh nghiệp, vì vậy phương pháp này thường giới hạn sử dụng cho những trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng tốt.

5. **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro thanh toán là rủi ro mà Quỹ giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quỹ sau khi Quỹ đã thanh toán tiền mua.

- **Ảnh hưởng:** Rủi ro thanh toán ở Việt Nam thường chỉ liên quan tới những giao dịch chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết và các giao dịch chưa có quy định. Các giao dịch mua bán cổ phiếu niêm yết được tiến hành thông qua các công ty môi giới và các công ty này sẽ kiểm tra số dư trước khi giao dịch để đảm bảo nhà đầu tư có đủ tiền để mua hoặc số lượng cổ phiếu để bán trước khi thực hiện giao dịch. Các giao dịch bán khống không được phép tiến hành.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ chỉ tiến hành các giao dịch mua bán chứng khoán chưa niêm yết với các đối tác có uy tín và trong trường hợp cần thiết có bằng chứng rõ ràng là có tiền hoặc chứng khoán hoặc thực hiện các bước thẩm định cần thiết để hạn chế rủi ro này.

6. **Rủi ro về kết quả đầu tư:** Đây là rủi ro mà Quỹ có thể không đạt được kết quả đầu tư như mong đợi, và kết quả đầu tư có thể thấp hơn so với các lựa chọn đầu tư khác có sẵn tại thời điểm tiến hành đầu tư. Hiệu quả đầu tư của Quỹ có thể bị ảnh hưởng bởi kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty mà Quỹ đầu tư vào, các điều kiện kinh tế vĩ mô, những thay đổi trong chính sách của Chính phủ, thay đổi luật pháp, lãi suất và rủi ro liên quan đến khối lượng giao dịch, tính thanh khoản và hệ thống thanh toán của các sản phẩm giao dịch chứng khoán.

Việc thanh toán cổ tức phụ thuộc vào nguồn phân phối lợi nhuận và chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ và cần có sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư và / hoặc của Ban Đại diện Quỹ. Tùy thuộc nguồn lợi nhuận có thể phân phối, các nhà đầu tư có thể sẽ không nhận được khoản cổ tức như kỳ vọng hoặc trong thời gian dự kiến.

7. **Rủi ro về chiến lược đầu tư:** Đây là rủi ro bắt nguồn từ chiến lược đầu tư của Quỹ. Theo đó, rủi ro của Quỹ có thể tăng hay giảm phụ thuộc vào chiến lược đầu tư mà Quỹ áp dụng. Rủi ro đầu tư của hai chiến lược đầu tư cổ phiếu đặc thù là:

- **Chiến lược Đầu tư Tăng trưởng:** Giá của các cổ phiếu tăng trưởng phản ánh các dự báo về doanh thu và lợi nhuận trong tương lai, và vì vậy có thể giảm mạnh nếu công ty không đạt được những dự báo này. Giá cổ phiếu của những công ty này có thể biến động nhiều hơn các cổ phiếu khác, đặc biệt trong ngắn hạn.

- **Chiến lược Đầu tư Giá trị:** Giá của cổ phiếu giá trị có thể sẽ không tăng như kỳ vọng của công ty quản lý quỹ đầu tư nếu các nhà đầu tư khác không nhận ra được giá trị của công ty này hay các yếu tố mà công ty quản lý quỹ đầu tư kỳ vọng sẽ giúp giá cổ phiếu tăng không xảy ra.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Rủi ro tập trung do chiến lược đầu tư được quản trị thông qua việc duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm cổ phiếu của các công ty trong các ngành nghề khác nhau để giảm thiểu rủi ro cụ thể của từng ngành. Bên cạnh đó, đa dạng hóa một cách thích hợp vào nhiều cổ phiếu có quy mô khác nhau theo vốn

hóa thị trường nhìn chung cũng hữu ích cho việc quản trị sự biến động và thanh khoản của Quỹ. Tuy nhiên, khả năng quản trị rủi ro bị hạn chế bởi số lượng cổ phiếu có thể đầu tư được cho mỗi chiến lược đầu tư và trong các ngành. Nhà đầu tư cần cân nhắc chiến lược đầu tư của từng quỹ và quyết định xem rủi ro của từng chiến lược đầu tư có phù hợp với mục tiêu đầu tư và mức độ chấp nhận rủi ro của mình hay không.

8. **Rủi ro thanh khoản của Quỹ:** Đây là rủi ro mà Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh Bán của nhà đầu tư trong một Ngày Giao Dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian dài hơn. Khi NAV của Quỹ giảm xuống thấp hơn, hay tổng số tiền phải hoàn trả cho các lệnh Bán trên NAV cao hơn các ngưỡng cho phép của Pháp Luật, các lệnh Bán chỉ có thể được hiện một phần hoặc có thể bị trì hoãn (vui lòng xem chi tiết ở Mục X.5.4 “Thực hiện Một phần lệnh Bán” và Mục X.8 “Tạm dừng Việc Thực hiện lệnh Mua và lệnh Bán”).

Ngoài các điều kiện theo quy định của Pháp Luật, Quỹ cũng có thể không đáp ứng kịp thời được một số hoặc tất cả các lệnh yêu cầu mua lại do thị trường thiếu thanh khoản và Quỹ không thể thoái vốn các khoản đầu tư. Điều kiện thị trường, thay đổi trong những quy định có liên quan và các yếu tố khác như khối lượng giao dịch thấp, thời gian thanh toán dài hoặc các thủ tục chuyển nhượng có thể hạn chế việc thoái vốn các khoản đầu tư của Quỹ, kéo dài thời gian cần thiết để giải quyết các yêu cầu thanh toán, đặc biệt là trong trường hợp Quỹ phải đáp ứng một số lượng lớn bất thường các lệnh Bán. Thị trường thứ cấp của trái phiếu doanh nghiệp có thanh khoản kém hơn thị trường thứ cấp của trái phiếu Chính phủ, và các khoản đầu tư trên thị trường tiền tệ, tuy khá thanh khoản, nhưng lại thiếu một thị trường thứ cấp phát triển, có thể hạn chế khả năng thoái vốn của Quỹ khi cần thiết.

Một tỷ lệ nhỏ các khoản đầu tư của Quỹ có thể được phân bổ vào các chứng khoán chưa niêm yết phù hợp với các chiến lược đầu tư của Quỹ và các giới hạn theo Luật. Chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán vốn có tính thanh khoản kém và có rủi ro thanh khoản cao hơn so với các chứng khoán niêm yết hoặc chứng khoán được phát hành kèm theo các lựa chọn thoái vốn bao gồm quyền chọn bán. Tuy nhiên điều này có thể làm tăng rủi ro của danh mục đầu tư. Thêm vào đó, tính thanh khoản và giá trị các khoản đầu tư của Quỹ do có nắm giữ các chứng khoán chưa niêm yết có thể bị ảnh hưởng nếu các chứng khoán chưa niêm yết này bắt buộc phải được thoái vốn sớm hơn dự kiến.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Quỹ sẽ nỗ lực duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách đầu tư một tỷ lệ thích hợp vào các tài sản có tính thanh khoản cao để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý, việc thanh toán sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản.
9. **Rủi ro liên quan đến giải thể bắt buộc:** Quỹ phải đối mặt với nguy cơ bị giải thể bắt buộc nếu NAV thấp hơn 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong 6 (sáu) tháng liên tục. Trong trường hợp này Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được triệu tập để quyết định việc thanh lý Quỹ hoặc sáp nhập Quỹ với Quỹ khác, tùy thuộc phương án nào có lợi nhất cho các nhà đầu tư.
 10. **Rủi ro hoạt động quản lý quỹ:** Đây là rủi ro khi không phải tất cả các quyết định đầu tư của VCBF đều mang lại lợi nhuận hoặc đáp ứng được kỳ vọng tại thời điểm tiền

hành các khoản đầu tư này hoặc khi nhân viên đầu tư chủ chốt của VCBF nghỉ việc. Theo đó, các nhà đầu tư có thể bị thua lỗ.

- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Hiệu quả đầu tư của Công ty Quản Lý Quỹ được giám sát thông qua việc đánh giá nội bộ về đội ngũ đầu tư cũng như chịu sự giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đội ngũ đầu tư của VCBF được đào tạo nội bộ thường xuyên và được khuyến khích bổ sung thêm các chứng chỉ chuyên môn quốc tế. Năng lực của tất cả các nhân viên VCBF đều được đánh giá hàng năm, và kết quả làm việc tốt được thưởng xứng đáng để khuyến khích và giữ chân nhân viên.
- 11. Rủi ro về biến động giá của Quỹ do các lệnh mua/bán lớn:** Rủi ro này phát sinh khi một hay một số Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đang nắm giữ một số lượng lớn Đơn Vị Quỹ, quyết định thực hiện Lệnh Bán các Đơn Vị Quỹ này cùng lúc. Điều này có thể ảnh hưởng bất lợi tới giá của Đơn Vị Quỹ nếu các Lệnh Bán này đòi hỏi VCBF phải thoái vốn các khoản đầu tư tại mức giá thấp.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Các hạn chế bán, điều chỉnh giá mua/bán hoặc phí chống pha loãng thường được sử dụng để giảm thiểu rủi ro giá của Quỹ bị ảnh hưởng khi một nhà đầu tư lớn có các lệnh lô lớn. Hạn chế bán đưa ra các hạn chế về mặt quy mô của từng lệnh bán. Điều chỉnh giá mua/bán tức là điều chỉnh NAV cho các lệnh mua hoặc lệnh bán lớn bằng một chỉ số điều chỉnh, chỉ số điều chỉnh này được thiết kế để bù trừ ảnh hưởng của phần chênh lệch lớn giữa lệnh bán và lệnh mua. Phí chống pha loãng tăng giá bán của các lệnh bán của nhà đầu tư bằng một con số nhất định và phần chênh lệch này được trả cho Quỹ.
- 12. Rủi ro pháp lý:** là rủi ro mà Luật hoặc các quy định pháp lý thay đổi hoặc sự diễn giải và thi hành Luật và các quy định pháp lý này thay đổi khiến cho Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ bị ảnh hưởng.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Những thay đổi về Luật hay các quy định pháp lý thường được thông báo trước khi có hiệu lực. Mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục sẽ được đánh giá, và nếu cần thiết và khả thi, Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư hoặc đối tượng các công ty được đầu tư.
- 13. Rủi ro bất thường:** là rủi ro mà những sự kiện bất thường có ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ. Những sự kiện này - dù là có thật hay tin đồn, có thể bao gồm:
- Thảm họa thiên nhiên như động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
 - Các sự kiện chính trị xã hội như đình công, bạo động, tranh chấp biên giới;
 - Môi trường kinh doanh như khủng hoảng hệ thống ngân hàng, các nhà lãnh đạo chủ chốt mất khả năng điều hành;
 - Rủi ro hệ thống như trục trặc trong hệ thống máy tính hoặc thông tin.
- **Phương pháp quản trị rủi ro:** Có rất ít biện pháp để giảm thiểu rủi ro bất thường có mức độ ảnh hưởng lớn do bản chất của những hiện tượng này. Đa dạng hoá danh mục đầu tư vào các ngành, lĩnh vực khác nhau góp phần giảm thiểu rủi ro bất thường vì các rủi ro này không tác động đến tất cả chứng khoán cùng một lúc hoặc tác động ở các mức độ khác nhau. Ở cấp độ công ty trong danh mục, chính sách bảo hiểm và các kế

hoạch khắc phục tổn thất do thảm họa có thể giúp giới hạn tác động của một số rủi ro bất thường.

14. **Rủi ro đầu tư cụ thể của từng Quỹ:** vui lòng tham chiếu đến mục VII.1.4 phần phân bổ tài sản đầu tư của từng Quỹ và các mục rủi ro trên để nhận biết rủi ro riêng biệt đối với các loại tài sản này.

V. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

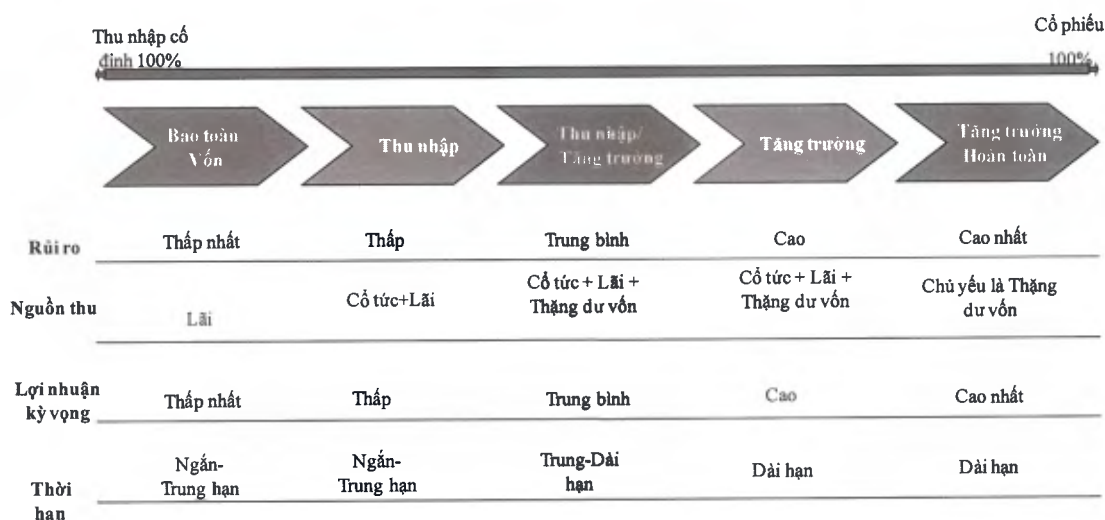
Quỹ mở cung cấp một công cụ đầu tư bổ sung cho các nhà đầu tư cá nhân Việt Nam trong quản lý tài sản cá nhân, ngoài các loại tài sản truyền thống như gửi tiết kiệm, đầu tư bất động sản hay vàng. Đầu tư vào quỹ mở có một số ưu điểm so với đầu tư vào từng loại chứng khoán riêng lẻ do quỹ mở có các đặc điểm sau:

- **Tính chất dài hạn:** Quỹ mở có thể mang đến lợi nhuận cao hơn do việc đầu tư vào cổ phiếu như một loại tài sản đầu tư dài hạn thông thường có thể mang lại lợi nhuận cao hơn, như lịch sử đã chứng minh ở nhiều nước. Tính chất dài hạn của quỹ mở cũng cho phép công ty quản lý quỹ hạn chế được chu kỳ của thị trường chứng khoán.
- **Quản lý chuyên nghiệp:** Quỹ mở cho phép nhà đầu tư tiếp cận với các nhà quản lý quỹ chuyên nghiệp và thường xuyên, những người có kinh nghiệm, chuyên môn và có nguồn lực để chủ động mua, bán và theo dõi khoản đầu tư cho nhà đầu tư.
- **Linh hoạt:** Nhiều quỹ mở là một phần của “gia đình quỹ”, do đó nhà đầu tư có thể đầu tư vào một số quỹ mở phù hợp nhất với mục tiêu đầu tư cụ thể của nhà đầu tư, nhưng cũng có nghĩa là nhà đầu tư có thể chuyển sang quỹ khác khi mục tiêu đầu tư của nhà đầu tư thay đổi. Chuyển đổi từ một quỹ sang quỹ khác thuộc cùng nhóm gia đình quỹ được miễn phí hoặc phí rất thấp.
- **Phù hợp với khả năng chi trả:** Khoản đầu tư ban đầu vào hầu hết các quỹ mở đều hợp lý và các khoản đầu tư tối thiểu tiếp theo thường nhỏ.
- **Thanh khoản:** Trong trường hợp khẩn cấp nhà đầu tư cần sử dụng tiền từ kế hoạch tiết kiệm dài hạn của mình, việc rút một phần hoặc toàn bộ số tiền đầu tư cũng rất dễ dàng, thường chỉ trong vòng một tuần. Tất nhiên, các việc khẩn cấp thường không dự đoán được trước và vì vậy giá trị của đơn vị quỹ mà nhà đầu tư phải bán có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn số tiền gốc mà nhà đầu tư đã đầu tư và chi phí để bán khoản đầu tư cũng có thể cao hơn dự kiến.
- **Đa dạng:** Danh mục đầu tư của quỹ mở thường bao gồm một số chứng khoán không tương quan. Ví dụ, một danh mục đầu tư cổ phiếu đa dạng thường nắm giữ cổ phiếu của các công ty thuộc các ngành khác nhau. Sự đa dạng có thể giúp giảm rủi ro tài chính tiềm tàng vốn có trong đầu tư. Nếu một khoản đầu tư giảm giá, khoản đầu tư khác trong danh mục có thể lại tăng giá.

Mỗi quỹ mở có tính chất rủi ro riêng, được xác định bởi các loại chứng khoán mà quỹ đó đầu tư vào. Nhìn chung, một Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu chính phủ sẽ có rủi ro thấp hơn so với quỹ đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp hoặc quỹ đầu tư vào cổ phiếu vì

giá trị tài sản ròng của Quỹ mở sẽ được xác định chủ yếu dựa vào lãi suất thị trường với rủi ro chính phủ rất thấp. Do đó, Quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ phù hợp cho các nhà đầu tư mong muốn bảo toàn vốn và có thu nhập cố định. Các quỹ mở đầu tư vào trái phiếu sẽ khác nhau về tỷ trọng trái phiếu chính phủ (lợi suất thấp hơn) và trái phiếu doanh nghiệp (lợi suất cao hơn) nhưng chứa đựng rủi ro rất thấp hơn vì các quỹ này có thể bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi tính chu kỳ của thị trường chứng khoán trong dài hạn. Tuy nhiên lợi nhuận của cổ phiếu trong dài hạn thường cao hơn so với lợi nhuận của trái phiếu. Thị trường cổ phiếu có nhiều biến động hơn so với thị trường trái phiếu, nhưng lịch sử cho thấy đầu tư vào thị trường cổ phiếu mang lại nhiều lợi nhuận hơn. Do đó, các nhà đầu tư có mức chấp nhận rủi ro cao hơn, đặc biệt là các nhà đầu tư trẻ tuổi, có khuynh hướng xây dựng kế hoạch tiết kiệm của họ thông qua việc đầu tư vào Quỹ mở chuyên đầu tư vào cổ phiếu. Các quỹ mở đầu tư vào cổ phiếu sẽ khác nhau tùy theo rủi ro và tiềm năng lợi nhuận của loại cổ phiếu mà Quỹ đầu tư vào.

Bảng 1: Các hình thức quỹ mở



Trong trung hạn đến dài hạn, VCBF hướng đến mục tiêu cung cấp đầy đủ các sản phẩm quỹ mở với các đặc điểm lợi nhuận kỳ vọng/rủi ro khác nhau để đáp ứng nhu cầu của các nhóm nhà đầu tư khác nhau, phục vụ các mục đích phân bổ tài sản khác nhau của nhà đầu tư..

Nhà đầu tư có các mục tiêu đầu tư khác nhau với khoảng thời gian đầu tư để đạt được các mục tiêu đó khác nhau. Các mục tiêu tiết kiệm dài hạn phổ biến là cho hưu trí, chi phí giáo dục, mua nhà để ở hoặc các tài sản cố định khác như ô tô, xe máy, hoặc cho các mục tiêu khác. Các mục tiêu này sẽ thay đổi trong suốt cuộc đời của nhà đầu tư vì một số mục tiêu đã đạt được và được thay thế bởi các mục tiêu khác. Khả năng chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư thông thường cũng sẽ thay đổi theo thời gian, với khả năng chấp nhận rủi ro giảm xuống khi tuổi nghỉ hưu đến gần. Các chuyên gia tư vấn tài chính và các chuyên gia tư vấn về quản lý tài sản có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc xác định kế hoạch tiết kiệm lâu dài của nhà đầu tư. Để việc đầu tư dài hạn vào Quỹ mở được thành công, các nhà đầu tư cần phải đánh giá, xác định kế hoạch tiết kiệm dài hạn

của mình và lựa chọn một hoặc nhiều Quỹ mở phù hợp nhất để có thể đáp ứng các mục tiêu riêng của nhà đầu tư với các mức rủi ro chấp nhận được.

Với các nhà đầu tư tổ chức, quỹ mở cung cấp bổ sung một công cụ đầu tư cho các chiến lược phân bổ tài sản và đa dạng hoá tài sản đầu tư cũng như công cụ đầu tư cho các chương trình hưu trí bổ sung cho nhân viên của công ty.

Cập Nhật Tình Hình Kinh Tế Vi Mô

VCBF áp dụng phương pháp đầu tư từ dưới lên, theo đó, các quyết định đầu tư được dựa vào việc phân tích mối tương quan giữa lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro của các khoản đầu tư cũng như dựa trên việc phân tích cơ bản các công ty đầu tư. Tuy nhiên, VCBF sẽ cung cấp báo cáo cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô hàng quý. Vui lòng xem tại bản cập nhật kinh tế vĩ mô mới nhất trước thời điểm của Bản Cáo Bạch này tại Phụ Lục 3.

VI. CÁC MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ GIỚI HẠN ĐẦU TƯ CHUNG

Dưới đây là các mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư chung của VCBF-TBF. Các mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư chung này sẽ được áp dụng cho tất cả các quỹ mở được thành lập và quản lý bởi VCBF.

1. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Quỹ sẽ đầu tư vốn khả dụng vào các chứng khoán được tự do chuyển nhượng và các tài sản khác với mục đích phân tán rủi ro đầu tư và mang lại cho các nhà đầu tư kết quả từ việc quản lý danh mục đầu tư. Quỹ có mục tiêu đầu tư cụ thể như được trình bày chi tiết tại Mục VII.

2. CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ

Pháp Luật hiện tại quy định Quỹ có thể đầu tư vào các loại tài sản sau¹:

2.1 Tài sản có thu nhập cố định

- a. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ có thể chuyển nhượng phù hợp với quy định của pháp luật về ngân hàng;
- c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Trái phiếu niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- e. Trái phiếu chuẩn bị niêm yết của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết trái phiếu trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày đầu tư của Quỹ.

¹ Điều 15 (2), Thông tư 183/TT-BTC ngày 16/12/2011

2.2 Cổ phiếu

- a. Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch;
- b. Cổ phiếu chuẩn bị niêm yết mà có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ niêm yết trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2.3 Công cụ Phái sinh

Chứng khoán phái sinh được niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán mà chỉ phục vụ cho mục tiêu phòng ngừa rủi ro;

Các khoản đầu tư của Quỹ vào trái phiếu và cổ phiếu chưa niêm yết cần phải được chấp thuận bằng văn bản của BDDQ nêu rõ về loại (mã) chứng khoán, số lượng và giá trị của giao dịch, thời gian thực hiện và đối tác giao dịch.

3. CÁC HẠN MỨC ĐẦU TƯ THEO LUẬT ĐỊNH

- 3.1 Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Luật hiện hành. Ngoại trừ quỹ trái phiếu, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:
 - a. Ngoại trừ các quỹ trái phiếu, tổng giá trị các khoản đầu tư được trình bày trong các Tiểu Mục 2.1.a và 2.1.b của Mục "Chính sách Đầu tư" không được vượt quá 49,0% (bốn mươi chín phần trăm) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - b. Tổng giá trị các khoản đầu tư riêng lẻ có giá trị lớn từ 5,0% (năm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ sẽ không được vượt quá 40,0% (bốn mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - c. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, như được trình bày trong các Tiểu Mục 2.1, 2.2 và 2.3, ngoại trừ 2.1.c, của Mục "Chính sách Đầu tư", được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá 30,0% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - d. Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán bao gồm các giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá 20,0% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - e. Tổng giá trị chứng khoán của một tổ chức phát hành không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
 - f. Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu sẽ niêm yết, đăng ký giao dịch trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày đầu tư của Quỹ không được vượt quá 10,0% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - g. Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và

h. Quỹ chi được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 2.1 của Mục “Chính sách Đầu tư” phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được BDDQ phê duyệt bằng văn bản.

3.2 Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

a. Đơn vị của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b. Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hoá.

3.3 Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra trong Mục 3.1 a, b, c, d, e, and f nêu trên nhưng không quá 15,0% (mười lăm phần trăm) và chỉ vì các lý do sau:

a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

b. Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;

c. Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;

d. Các hoạt động sáp nhập, hợp nhất và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;

e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc

f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

3.4 Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, VCBF sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Mục 3.1 của phần này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì VCBF không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định trong Luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, VCBF phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra.

3.5 Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại và giao dịch ký quỹ

a. Quỹ không được cho vay hoặc thực hiện bảo lãnh, và không được vay nợ trừ các khoản vay ngắn hạn với giới hạn tối đa là 5,0% (năm phần trăm) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày để phục vụ cho các chi phí hoạt động của Quỹ đó nhưng cần phải được phê duyệt bởi BDDQ dựa trên đề nghị của VCBF và cần phải có xác nhận của Ngân Hàng Giám Sát rằng Quỹ có một khoản phải thu đối ứng tương đương với khoản vay trong cùng thời gian vay.

b. Tài sản của Quỹ không được sử dụng cho hoạt động giao dịch ký quỹ hoặc dùng để cầm cố mua chứng khoán cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác.

- c. Quỹ không thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
- d. Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

VII. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ QUỸ

1. TÊN VÀ LOẠI HÌNH CỦA QUỸ

Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF, Quỹ mở có chiến lược đầu tư cân bằng.

2. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hay trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn.

3. PHÂN BỐ TÀI SẢN

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Bảng 2: Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF

Loại hình đầu tư	Rủi ro	Tỷ trọng trong NAV
Cổ phiếu	Trung bình tới cao	50,0%
Tài sản có thu nhập cố định (Trái phiếu và Tiền)	Thấp tới Trung bình	50,0%

Việc phân bổ tài sản có thể sẽ thay đổi $\pm 25,0\%$ (cộng hoặc trừ hai mươi lăm phần trăm) so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào các tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi hơn cho chiến lược đầu tư nhằm vào tăng trưởng vốn.

Chiến lược đầu tư tạm thời: Phù hợp với quy định của Pháp Luật, khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các nhà đầu tư, VCBF có thể đầu tư lên tới 100,0% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ bằng tiền mặt, các khoản tương đương tiền, hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định

ít rủi ro, với điều kiện quỹ vẫn đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư chung quy định tại Mục VI.3. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư được đề ra.

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ VÀ PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Tài sản Có Thu Nhập Cố định

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Cổ phiếu

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, VCBF đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, VCBF sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

5. ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU ĐẦU TƯ, PHÂN BỐ TÀI SẢN VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Việc điều chỉnh Mục Tiêu Đầu Tư, Phân Bố Tài Sản và Chiến Lược Đầu Tư của Quỹ như được đề cập ở các Mục 2, 3 và 4 ở trên cần phải được Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều 22 của Điều Lệ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản Cáo Bạch này.

6. CÁC RỦI RO CHỦ YẾU

Các nhà đầu tư phải nhận thức được rủi ro là họ có thể bị thua lỗ khi đầu tư vào Quỹ. Phần IV chỉ ra những rủi ro có thể xảy ra, một cách riêng lẻ hoặc kết hợp, liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ. Nhà đầu tư phải xem xét phân phân bố đầu tư vào Quỹ trên cơ sở toàn bộ tài sản mà nhà đầu tư đang nắm giữ. Quỹ không có kế hoạch cung cấp một chương trình đầu tư đầy đủ hay toàn vẹn.

7. VÒNG QUAY DANH MỤC

Quỹ phải trả chi phí giao dịch như phí môi giới khi tiến hành mua và bán chứng khoán (hoặc "đào" danh mục đầu tư của Quỹ). Một danh mục có vòng quay danh mục cao sẽ có chi phí giao dịch cao hơn. Chiến lược đầu tư của Quỹ là tiến hành đầu tư tại các mức giá hấp dẫn và nắm giữ, hơn là tiến hành giao dịch thường xuyên. Chi phí giao dịch được tính vào NAV của Quỹ, và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

8. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trước đợt phát hành lần đầu ra công chúng, Quỹ sẽ không có kết quả hoạt động trong quá khứ. Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ sẽ được công bố đến Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong các báo cáo định kỳ và trong các báo cáo đầy đủ trên cơ sở bán niên.

9. LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50,0% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

VIII. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (nếu được ủy quyền). Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp Luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- a) Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- b) Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp Luật quy định.

Nhà đầu tư có thể nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc dùng để tái đầu tư:

- Lựa chọn Nhận Cổ tức bằng Tiền ("DPP"): Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn nhận cổ tức bằng tiền cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong Đơn Đăng Ký.
- Lựa chọn Tái Đầu tư Cổ tức ("DRIP"): Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn dùng cổ tức để tái đầu tư sẽ nhận được thêm các Đơn Vị Quỹ. Cổ tức được trả cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được tự động tái đầu tư tại NAV của Quỹ trong Ngày Giao Dịch liền sau ngày trả cổ tức. Số lượng các Đơn Vị Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ do đó sẽ tăng bằng với số cổ tức phải trả chia cho NAV vào Ngày Giao Dịch đó. Cổ tức được dùng để tái đầu tư giống như việc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nhận được cổ tức bằng tiền mặt và dùng số tiền đã nhận được để tái đầu tư ngoại trừ:

- Các khoản đầu tư dưới hình thức DRIP sẽ không phải trả Phí Mua.
- Không phải trả Phí Bán hoặc Phí Chuyển Đổi đối với khoản đầu tư từ DRIP.

Nhà đầu tư cần phải nêu rõ lựa chọn của mình trong hai lựa chọn trên, DPP hoặc DRIP, được ghi trong Đơn Đăng Ký. Nếu nhà đầu tư không có sự lựa chọn, lựa chọn DRIP được tự động áp dụng.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể phê duyệt cổ tức tại bất kỳ thời điểm nào và bất kỳ tần suất thanh toán nào (hàng quý, nửa năm, hàng năm) khi phù hợp. Tuy nhiên, sẽ không có sự đảm bảo nào về giá trị, tần suất, cũng như sự đều đặn của việc phân phối cổ tức. Việc phân phối cổ tức sẽ tùy thuộc vào lợi nhuận có thể phân phối và sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền).

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có trong danh sách chốt trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Giao Dịch được công bố bởi VCBF cho việc chia cổ tức (“Ngày Chốt Danh Sách”) được xem là đủ điều kiện để nhận cổ tức.

Cổ tức sẽ được chi trả trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày được công bố và được chuyển vào tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ theo đăng ký trong Sổ Đăng Ký vào ngày thanh toán cổ tức, sau khi được khấu trừ các loại thuế có liên quan.

Cổ tức được chi trả sẽ phải chịu thuế tùy thuộc vào nguồn gốc của thu nhập của Quỹ cũng như các loại thuế áp dụng cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ (xem Phần XV).

IX. CHI TIẾT ĐỢT PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO)

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng cho quỹ VCBF-TBF số 44/GCN-UBCK vào ngày 16 tháng 9 năm 2013 và VCBF đã tiến hành công bố thông tin về đợt phát hành này trong thông báo số 4413/VCBF vào ngày 19 tháng 9 năm 2013.

Bảng 3: Các điều khoản chính của đợt IPO

Số lượng đơn vị quỹ đăng ký mua:	6.042.661,45 đơn vị quỹ
Thời gian phát hành:	14/10/2013 đến 29/11/2013
Mệnh giá:	10.000 đồng một Đơn Vị Quỹ
Đồng tiền sử dụng và trình bày:	Đồng (VNĐ)
Giá phát hành:	Mệnh giá cộng với 80% của Phí Mua, được đề cập trong Mục XII.1.1 Phí Mua Giá phát hành = 10.000 VNĐ x (1+0.8 x Phí Mua)

Không có bất cứ hạn chế nào theo yêu cầu của Pháp luật về số lượng đơn vị quỹ tối đa được chào bán trong đợt IPO và nhà đầu tư được mua số lượng đơn vị quỹ tương ứng với số lượng mà họ đăng ký, tuy nhiên, với điều kiện họ phải đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật để đăng ký tham gia vào Quỹ trước khi đợt IPO kết thúc.

Sau khi điền đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ mở VCBF để mua Đơn Vị Quỹ trong đợt IPO, nhà đầu tư được xin ý kiến về một số vấn đề của quỹ do sau khi Quỹ được thành lập Quỹ sẽ không tổ chức đại hội nhà đầu tư lần đầu tiên. Cụ thể, nhà đầu tư được xin ý kiến về một số vấn đề sau:

- Lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
- Thông qua mức thù lao hàng năm và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ: 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng;
- Thông qua việc trao quyền cho Ban Đại Diện Quỹ trong việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ cho năm 2013;
- Thông qua việc lựa chọn Deutsche Bank AG chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh là ngân hàng giám sát của Quỹ; và
- Thông qua số tay định giá của Quỹ.

Nhà đầu tư đã thông qua các vấn đề trên với tỷ lệ thông qua là trên 95%.

Sau đợt IPO, Quỹ đã đáp ứng được các điều kiện theo yêu cầu của Pháp luật để thành lập Quỹ cụ thể hơn 100 (một trăm) nhà đầu tư không chuyên nghiệp đầu tư vào Quỹ và tổng vốn đầu tư vào Quỹ đạt hơn 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỉ đồng).

UBCKNN đã cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng cho Quỹ VCBF-TBF số 07/GCN-UBCK vào ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Ngân hàng Giám sát đã chuyển toàn bộ số tiền đang được phong tỏa huy động từ nhà đầu tư trong đợt IPO vào cho Quỹ. Ngày Giao Dịch chứng chỉ quỹ lần đầu tiên được tiến hành vào ngày 2 tháng 1 năm 2014 và được công bố trên website của VCBF tại địa chỉ www.vcbf.com.

X. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Nhà đầu tư có thể liên tục giao dịch các Đơn Vị Quỹ kể từ Ngày Giao Dịch đầu tiên.

Nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến của chuyên gia tư vấn riêng của mình để đảm bảo nhà đầu tư đủ điều kiện để đầu tư vào Quỹ theo các quy định pháp luật áp dụng cho họ và liệu Quỹ có phù hợp với khả năng chấp nhận rủi ro của họ hay không.

1. NGÀY GIAO DỊCH

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ vào ngày Thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là Ngày Làm Việc ("Ngày Giao Dịch"). Nếu Ngày Thứ Tư không phải là Ngày Làm Việc, thì Ngày Giao Dịch sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo. Nếu Ngày Làm Việc tiếp theo đó là ngày Thứ Ba, thì Ngày Giao Dịch sẽ là ngày Thứ Tư của tuần đó.

Các Lệnh Được Chấp Nhận nhận được trước Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó.

Việc thay đổi Ngày Giao Dịch do nghi lễ sẽ được thông báo trước cho các Điểm Nhận Lệnh và được thông báo trên trang web của VCBF, www.vcbf.com. VCBF có thể thay đổi Ngày Giao Dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Pháp Luật và Điều Lệ. Các thay đổi đó sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

2. THỜI ĐIỂM ĐÓNG SỔ LỆNH

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho việc xử lý và chấp nhận các chứng từ cần thiết cho các lệnh mua, bán, chuyển đổi quỹ hoặc chuyển nhượng để thực hiện trong Ngày Giao Dịch và cho việc thanh toán các lệnh mua được quy định chi tiết trong Bảng 4 như sau:

Bảng 4: Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch ‘T’

	Giờ đóng sổ lệnh	
	Thanh toán ¹⁾	Hồ sơ ²⁾
Mua,	10h30 T-1	10h30 T-1
Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh	na	10h30 T-1

1. Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền thanh toán mua Đơn Vị Quỹ tại Tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước khi hết giờ làm việc ngày T-1.
2. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh áp dụng cho việc nộp đầy đủ hồ sơ với Đại Lý Phân Phối

Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được ghi nhận tại các Điểm Nhận Lệnh, tuy nhiên phụ thuộc vào việc Đại Lý Chuyển Nhượng nhận được bản copy của Đơn Đăng Ký trên hệ thống của họ trước 11h00 (mười một giờ) sáng ngày T-1, tức là Ngày Làm Việc đầu tiên trước Ngày Giao Dịch T. Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại Điểm Nhận Lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại Điểm Nhận Lệnh đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho Đại Lý Phân Phối trước 10h30 (mười giờ ba mươi) sáng và Đại Lý Chuyển Nhượng nhận được trước 11h00 (mười một giờ) sáng ngày T-1, NAV của Ngày Giao Dịch T sẽ được áp dụng.

3. GIAO DỊCH MUỘN VÀ CHỌN THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH

3.1 Giao Dịch Muộn

Các lệnh giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch không được phép thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch đó. Các giao dịch nhận được sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện tại NAV của Ngày Giao Dịch tiếp theo, trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

3.2 Chọn Thời Điểm Giao Dịch

Chứng Chỉ Quỹ cũng như Quỹ không được coi là công cụ phục vụ việc giao dịch thường xuyên để tận dụng các biến động ngắn hạn của thị trường chứng khoán. Loại giao dịch này thường được gọi là “chọn thời điểm giao dịch” hay “lướt sóng” và có thể gây ra các thiệt hại tiềm tàng hoặc thiệt hại thực tế cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Theo đó, nhà đầu tư sẽ phải trả một khoản Phí Bán là 3% (ba phần trăm)/NAV nếu thực hiện bán trong vòng 01 (một) tháng kể từ ngày mua Đơn Vị Quỹ như quy định tại Mục XII.1.2.

4. MUA ĐƠN VỊ QUỸ

4.1 Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu tiên cần điền đầy đủ vào Đơn Đăng Ký để mua Đơn Vị Quỹ. Đơn Đăng Ký được cung cấp tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào và trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Đơn Đăng Ký phải kèm theo các bản sao hợp lệ các giấy tờ quy định trong Đơn Đăng Ký đối với mỗi cá nhân/tổ chức hay các bên đồng sở hữu hay người được hưởng lợi hay người được ủy quyền. Tất cả các Đơn Đăng Ký phải được ký đầy đủ.

Nhà đầu tư nên lưu lại một bản Đơn Đăng Ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Thông tin này sẽ được lưu lại trong Sổ Đăng Ký của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, và chi tiết tài khoản ngân hàng của từng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nhằm đảm bảo Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.

Nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ tại các lần tiếp theo cần điền đầy đủ vào phiếu Lệnh Mua được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hay có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh hay trên trang thông tin điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

Nhà đầu tư nếu muốn có thể đặt lệnh giao dịch tại hơn một Đại Lý Phân Phối, tuy nhiên cần nộp Đơn Đăng Ký và các giấy tờ quy định để mở tài khoản giao dịch tại mỗi Đại Lý Phân Phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản tại các Đại Lý Phân Phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập. Do đó, Lệnh Mua lần đầu tối thiểu cũng như số dư tài khoản tối thiểu được áp dụng cho từng Đại Lý Phân Phối. Nhà đầu tư chỉ có thể nộp các Phiếu Lệnh Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng, Hủy Lệnh hay thay đổi thông tin tài khoản của tài khoản mở tại một Đại Lý Phân Phối ở bất kỳ Điểm Nhận Lệnh nào của Đại Lý Phân Phối đó.

Tất cả các Điểm Nhận Lệnh bất kỳ được đề cập trong hướng dẫn về giao dịch Đơn Vị Quỹ ở các phần tiếp sau đây được hiểu là Điểm Nhận Lệnh bất kỳ của Đại Lý Phân Phối cụ thể mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch trên tài khoản mở tại Đại Lý Phân Phối đó.

4.2 Xử Lý Đơn Đăng Ký

Nhà đầu tư có thể nộp Đơn Đăng Ký hoặc Phiếu Lệnh Mua sau khi điền đầy đủ thông tin, kèm theo đầy đủ các giấy tờ yêu cầu vào bất kỳ Ngày Làm Việc nào tại bất kỳ Điểm Nhận Lệnh của bất kỳ Đại Lý Phân Phối nào. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được cung cấp ở cuối Bản Cáo Bạch này.

Các Đại Lý Phân Phối sẽ chuyển hồ sơ đăng ký cho Đại Lý Chuyển Nhượng, là tổ chức sẽ đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành xử lý hồ sơ. Các hồ sơ không đầy đủ thông tin sẽ bị từ chối và có thể làm trì hoãn việc hoàn tất quá trình xử lý hồ sơ. Trong một số trường hợp, việc bổ sung thêm hồ sơ cũng có thể làm chậm việc hoàn tất quá trình xử lý

hồ sơ đăng ký. Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền từ chối hồ sơ trong trường hợp không tìm được cách giải quyết cho bất kỳ vấn đề nào nảy sinh trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký.

Nhà đầu tư phải thanh toán số tiền mua Đơn Vị Quỹ từ tài khoản ngân hàng của mình vào tài khoản của Quỹ để Ngân Hàng Giám Sát nhận được đúng hạn và Đại Lý Chuyển Nhượng hoàn thành xử lý việc đăng ký. Nhà đầu tư phải thực hiện từ tài khoản được đăng ký tên của Nhà đầu tư. Mọi khoản đầu tư vào Đơn Vị Quỹ đều thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam.

4.3 Tuân Thủ

Đơn Đăng Ký mua Đơn Vị Quỹ được soạn thảo để đáp ứng các yêu cầu áp dụng cho Các Công Ty Quản Lý Quỹ nhằm tuân thủ các quy định về Nhận Biết Khách Hàng (“KYC”) và các quy định Phòng Chống Rửa Tiền (“AML”). Vì vậy việc tất cả các giấy tờ và khai báo trong Đơn Đăng Ký cần được hoàn tất đầy đủ và trung thực.

Theo pháp luật Việt Nam, tất cả nhà đầu tư bắt buộc phải cung cấp giấy tờ và các thông tin bổ sung theo quy định về KYC và AML. Nhà đầu tư nước ngoài có thể phải cung cấp các thông tin và khai báo bổ sung nhằm tuân thủ các quy định quốc tế. Các Đơn Đăng Ký không có đủ hồ sơ hoặc thông tin theo yêu cầu có thể bị từ chối.

Nhà đầu tư phải đảm bảo rằng số tiền đầu tư phải từ nguồn hợp pháp và không có nguồn gốc từ các hành vi vi phạm Pháp Luật cũng như không vi phạm các điều khoản của Luật áp dụng đối với thuế thu nhập, quy định về AML, chống tham nhũng, chống hối lộ và/hoặc các luật áp dụng khác ban hành bởi chính phủ Việt Nam hay chính phủ sở tại của nhà đầu tư ở các thời điểm khác nhau.

Nhà đầu tư cư trú ngoài lãnh thổ Việt Nam muốn mua Đơn Vị Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định và luật áp dụng tại nước sở tại của mình. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về thuế, ngoại hối hay các quy định khác áp dụng đối với giao dịch mua và bán. Theo quy định hiện tại của Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần mở một tài khoản đầu tư bằng tiền Đồng Việt Nam tại một ngân hàng lưu ký ở Việt Nam. Tất cả các giao dịch đầu tư, nhận cổ tức, mua ngoại tệ để chuyển tiền đầu tư ra nước ngoài và các hoạt động liên quan khác đều phải được thực hiện qua tài khoản này. Nhà đầu tư cần tham khảo các ý kiến tư vấn về luật và thuế để có thông tin phù hợp đối với các giao dịch của mình.

4.4 Chấp Nhận Đơn Đăng Ký

VCBF có toàn quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ Đơn Đăng Ký nào theo các điều khoản của Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và các quy định về KYC và AML và không có nghĩa vụ phải cung cấp lý do từ chối cho nhà đầu tư. Các Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch kế tiếp.

Trong trường hợp VCBF từ chối Lệnh Mua, tiền mua sẽ được chuyển trả lại (không có lãi) cho nhà đầu tư trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày VCBF thông báo cho Đại Lý Chuyển Nhượng về việc từ chối đó. Đơn Vị Quỹ sẽ chỉ được ghi nhận vào tài khoản của nhà đầu tư hay của Đại Lý Ký Danh khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận đủ phần thanh toán cho Lệnh Mua của nhà đầu tư.

Lệnh Mua thành công của nhà đầu tư hay Đại Lý Ký Danh sẽ được thông báo trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc từ Ngày Giao Dịch. Số lượng Đơn Vị Quỹ sẽ được làm tròn đến hai số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba. Số Đơn Vị Quỹ lẻ sẽ không ảnh hưởng đến khả năng bán lại Đơn Vị Quỹ của nhà đầu tư.

4.5 Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản ở nước ngoài của Hoa Kỳ (“FATCA”)

FATCA đã được Quốc hội Mỹ thông qua vào tháng 3 năm 2010.

Công ty Liên doanh Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, với tư cách là đơn vị bảo trợ các quỹ, đã đăng ký với Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ để trở thành tổ chức tài chính nước ngoài tham gia FATCA từ ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Phù hợp với pháp luật Việt nam, việc tuân thủ theo quy định của FATCA đòi hỏi VCBF phải công bố thông tin tới Sở Thuế Vụ Hoa Kỳ về các tài khoản được nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp bởi những người trả thuế Hoa kỳ hiện là người sở hữu đơn vị Quỹ tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và những người trở thành người sở hữu đơn vị Quỹ từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Quỹ không đầu tư vào tài sản tạo ra thu nhập có nguồn gốc từ Hoa Kỳ và do đó Quỹ sẽ không bị ảnh hưởng bởi nghĩa vụ đóng thuế thu nhập FATCA cho các khoản thanh toán cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Tuy nhiên, ngoài nghĩa vụ báo cáo về tài khoản của người đóng thuế Hoa Kỳ, việc tuân thủ FATCA khiến cho VCBF, trong quá trình thu thập thông tin về nhà đầu tư, sẽ phải yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thêm các thông tin để chứng minh tình trạng thuế của họ ngoài các thông tin đã cung cấp trong Đơn Đăng Ký. Các đại lý phân phối sẽ chịu trách nhiệm thông báo và yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thêm tài liệu bổ sung để thực hiện nghĩa vụ vừa nêu.

4.6 Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Mua

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong một số trường hợp các Lệnh Mua của nhà đầu tư cùng với tất cả các Lệnh Mua khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được liệt kê trong mục X.8 dưới đây.

Trong trường hợp các giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng, Lệnh Mua Được Chấp Nhận sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

4.7 Các Mức Đầu Tư Tối Thiểu

Bảng 5: Các mức đầu tư tối thiểu

	<u>VND</u>
Khoản đầu tư đầu tiên	5,0 triệu
Khoản đầu tư tiếp theo	1,0 triệu

Không có mức giới hạn đầu tư tối đa cho nhà đầu tư. VCBF bảo lưu quyền thay đổi các giới hạn đầu tư trên trong từng thời điểm và sẽ thông báo về các thay đổi này.

4.8 Phí Mua

Đơn Vị Quỹ được phát hành tại NAV tại Ngày Giao Dịch cho mỗi Đơn Vị Quỹ cộng với Phí Mua. Biểu Phí Mua được cung cấp tại Mục XII.1.1.

Phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, VCBF có thể thay đổi Phí Mua đối với Đơn Vị Quỹ. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

5. BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

5.1 Phiếu Lệnh Bán

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể bán Đơn Vị Quỹ vào bất kỳ Ngày Giao Dịch nào bằng cách nộp Lệnh Bán tới một Điểm Nhận Lệnh bất kỳ trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch đó. Phiếu Lệnh Bán được đính kèm theo Đơn Đăng Ký hoặc có sẵn tại các Điểm Nhận Lệnh và trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com. Tất cả các Phiếu Lệnh Bán phải được ký tên đầy đủ.

5.2 Quy Trình Xử lý Lệnh Bán

Nhà đầu tư có thể đặt Lệnh Bán bằng giá trị muốn nhận về hoặc bằng số Đơn Vị Quỹ muốn bán. Nếu Lệnh Bán được đặt bằng giá trị thì số Đơn Vị Quỹ được bán sẽ bằng giá trị nhận về chia cho Giá Bán ròng sau khi trừ thuế (nếu có). Nếu Lệnh Bán được đặt bằng số Đơn Vị Quỹ cần bán thì số Đơn Vị Quỹ đó sẽ được bán.

Nếu Lệnh Bán được đặt bằng cả giá trị muốn nhận về và số Đơn Vị Quỹ muốn bán thì số Đơn Vị Quỹ sẽ được coi là yêu cầu cuối cùng.

Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ xử lý tất cả các Lệnh Bán nhận trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch kế tiếp, và đảm bảo các thông tin trong Lệnh Bán đầy đủ và nhất quán và Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có đủ số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản để bán. Đơn vị Quỹ được mua lại từ tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ theo nguyên tắc nhập trước xuất trước. Nếu một Lệnh Bán có số lượng hoặc giá trị Đơn Vị Quỹ nhiều hơn số đang nắm giữ trong tài khoản, tài khoản sẽ bị đóng bằng cách bán toàn bộ số dư còn lại trong tài khoản và khoản tiền bán ròng sẽ được chuyển trả cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Lệnh Bán Được Chấp Nhận không thuộc trường hợp được thực hiện một phần bởi các điều kiện liên quan đến Lệnh Bán một phần như đề trong mục X.5.4 sẽ được giao dịch tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi Phí Bán và thuế (nếu có), dựa trên ngày giờ nhận Lệnh Bán tại Điểm Nhận Lệnh, theo ngày giờ xác nhận tại Điểm Nhận Lệnh.

Sau khi thực hiện các Lệnh Bán Được Chấp Nhận, số Đơn Vị Quỹ đã bán sẽ được trừ ra từ tổng số Đơn Vị Quỹ trong tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và bảng kê mới về số Đơn Vị Quỹ nắm giữ sẽ được gửi đến Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

5.3 Lệnh Bán Tối Thiểu và Số Dư Tài Khoản Tối Thiểu

Lệnh Bán tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ nếu Lệnh Bán được đặt bằng Đơn Vị Quỹ hoặc 1.000.000 Đồng Việt Nam (một triệu đồng) nếu Lệnh Bán được đặt bằng giá trị, ngoại trừ trường hợp Lệnh Bán yêu cầu giảm số Đơn Vị Quỹ nắm giữ về 0 (không) và đóng tài khoản.

Tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ bị đóng khi số dư tài khoản giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ do các Lệnh Bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Trong trường hợp nếu việc thực hiện Lệnh Bán của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ dẫn đến số Đơn Vị Quỹ nắm giữ xuống dưới số lượng Đơn Vị Quỹ tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ, Lệnh Bán sẽ được thực hiện đối với toàn bộ số Đơn Vị Quỹ nhà đầu tư đang nắm giữ để số dư mới tại tài khoản sẽ bằng 0 (không).

VCBF có quyền thay đổi các mức bán tối thiểu và số dư tài khoản tối thiểu này trong từng thời điểm.

5.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán và Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Bán

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần lưu ý là trong một số trường hợp Lệnh Bán sẽ không thể thực hiện toàn bộ hoặc Lệnh Bán có thể bị tạm dừng thực hiện.

Thực Hiện Một Phần Lệnh Bán

Trong các trường hợp sau, Quỹ chỉ có thể thực hiện một phần Lệnh Bán và Chuyển Đổi Quỹ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ:

1. Tổng giá trị của các Lệnh Bán Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua Được Chấp Nhận (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ; hoặc
2. Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Trong các trường hợp này, việc thực hiện một phần Lệnh Bán và Lệnh Chuyển Đổi sẽ được thực hiện theo tỷ lệ. Phần còn lại chưa thực hiện của các Lệnh này sẽ bị huỷ.

Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số dư tối thiểu cho các Lệnh Bán và số dư tài khoản sẽ không áp dụng.

Tạm dừng thực hiện Lệnh Bán

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, các Lệnh Bán cùng với tất cả các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp này được quy định chi tiết tại phần X.9 dưới đây.

Trong trường hợp các lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ bị tạm dừng thực hiện, Lệnh Bán đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ Phí Bán và thuế, nếu có, tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

5.5 Phí Bán

Phí Bán được tính theo phần trăm của NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ và sẽ được trừ khỏi NAV tại Ngày Giao Dịch để tính Giá Bán. Nếu được áp dụng, thuế giao dịch chứng khoán sẽ được trừ từ tổng giá trị bán.

Giá Bán trên một Đơn Vị Quỹ = NAV tại Ngày Giao Dịch trên một Đơn Vị Quỹ \times (1 – Phí Bán trên một Đơn Vị Quỹ)

Biểu Phí Bán được nêu chi tiết tại Mục X II.1.2.

Tiền thu được từ Bán Đơn Vị Quỹ (sau khi đã trừ phí và thuế) sẽ được hoàn trả trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch. Phí ngân hàng phát sinh từ việc chuyển tiền bán Đơn Vị Quỹ tới tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được khấu trừ từ tiền bán Đơn Vị Quỹ.

Tiền bán Đơn Vị Quỹ sẽ được chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng mang tên Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ với số tài khoản đã đăng ký ban đầu trong Sổ Đăng Ký. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần đảm bảo thông tin tài khoản trong Sổ Đăng Ký là chính xác để tránh chậm trễ hoặc không nhận được tiền thanh toán bán Đơn Vị Quỹ.

Phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, VCBF có thể thay đổi Phí Bán Đơn Vị Quỹ. VCBF có thể thay đổi cơ cấu phí để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng như đã đề cập tại Mục IV.11. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

6. CHUYỂN ĐỔI QUỸ

6.1 Phiếu Lệnh Chuyển Đổi Quỹ

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể chuyển đổi sang Quỹ khác do VCBF quản lý bằng Lệnh Chuyển Đổi. Phiếu Lệnh Chuyển Đổi được đính kèm theo Đơn Đăng Ký, hoặc có tại Điểm Nhận Lệnh và trên trang thông tin điện tử www.vcbf.com của VCBF. Đối với Lệnh Chuyển Đổi, toàn bộ tiền bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này sau khi trừ phí và thuế, nếu có, sẽ dùng để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác.

Trong trường hợp số tiền Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn mua trong Quỹ mục tiêu nhiều hơn số tiền thu được từ Lệnh Chuyển Đổi, hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn mua ít hơn số tiền thu được từ Lệnh Chuyển Đổi và nhận lại một phần tiền còn lại, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ phải điền thêm một Phiếu Lệnh Bán hoặc Phiếu Lệnh Mua, tùy trường hợp, cho số chênh lệch với Lệnh Chuyển Đổi, và sẽ được xử lý là các Lệnh Bán và Lệnh Mua độc lập với Lệnh Chuyển Đổi.

6.2 Xử lý các Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng như là Lệnh Bán và tiếp theo sau là Lệnh Mua được thực hiện trong cùng Ngày Giao Dịch. Lệnh Bán và Lệnh Mua được xử lý bởi Đại Lý Chuyển Nhượng theo quy trình mô tả ở trên với Lệnh Bán được thực hiện trước, Lệnh Mua được xử lý sau.

Lệnh Chuyển Đổi có thể được đặt bằng giá trị hoặc bằng số lượng Đơn Vị Quỹ.

6.3 Mức Tối Thiểu Cho Lệnh Chuyển Đổi

Lệnh Chuyển Đổi tối thiểu là 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ nếu lệnh đặt bằng Đơn Vị Quỹ hoặc 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nếu lệnh đặt bằng giá trị. Trong trường hợp số dư nhỏ hơn được chuyển đổi và số dư tài khoản Quỹ được bán giảm về không thì Lệnh Chuyển Đổi thấp hơn mức tối thiểu sẽ được chấp nhận. Số dư tài khoản tối thiểu 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ được áp dụng cho tài khoản Quỹ chuyển đến từ việc chuyển đổi. Đại Lý Phân Phối sẽ được hướng dẫn để không chấp nhận Lệnh Chuyển Đổi trong trường hợp Quỹ mục tiêu không đạt số dư tối thiểu và sẽ đề nghị nhà đầu tư đặt thêm Lệnh Mua để đảm bảo khoản đầu tư vào Quỹ mục tiêu đạt số dư tối thiểu 100 Đơn Vị Quỹ. Tài khoản của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có thể bị đóng khi, số dư tài khoản của Quỹ rời đi giảm xuống dưới 100 (một trăm) Đơn Vị Quỹ

6.4 Thực Hiện Một Phần Lệnh Chuyển Đổi

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần lưu ý rằng Lệnh Chuyển Đổi có thể chỉ được thực hiện một phần nếu Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi chỉ được thực hiện một phần. Các trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần được quy định chi tiết tại mục X.5.4. Phần chưa được thực hiện của Lệnh Chuyển Đổi được thực hiện một phần sẽ bị hủy.

6.5 Tạm Dừng Thực Hiện Lệnh Chuyển Đổi

Trong một vài trường hợp Lệnh Chuyển Đổi cùng các lệnh khác có thể bị tạm dừng thực hiện. Các trường hợp được này được nêu tại mục X.8 bên dưới.

Trong các trường hợp tạm dừng thực hiện các giao dịch Đơn Vị Quỹ, Lệnh Chuyển Đổi đã nhận sẽ được thực hiện tại NAV tại Ngày Giao Dịch trừ đi thuế và Phí Chuyển Đổi, nếu có, tại Ngày Giao Dịch đầu tiên sau khi giao dịch được thực hiện trở lại.

6.6 Phí Chuyển Đổi

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chỉ phải trả Phí Chuyển Đổi nếu Phí Mua tại Quỹ mục tiêu cao hơn Quỹ rời đi tại thời điểm chuyển đổi. Trong các trường hợp khác, nhà đầu tư không phải trả Phí Chuyển Đổi.

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ không phải trả Phí Bán cho Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Các khoản thuế giao dịch, nếu có, sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ Lệnh Bán trong Lệnh Chuyển Đổi. Thời gian nắm giữ Đơn Vị Quỹ được chuyển đổi sang Quỹ mục tiêu sẽ được tính lại từ đầu kể từ ngày Lệnh Chuyển Đổi Quỹ được thực hiện.

7. CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN VỊ QUỸ

7.1 Đơn Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư có thể Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ cho nhà đầu tư khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của toà án. Lệnh Chuyển Nhượng chỉ được thực hiện dưới dạng số lượng Đơn Vị Quỹ, bao gồm cả phần lẻ của Đơn Vị Quỹ. Nhà đầu tư

chuyển nhượng cần điền **Lệnh Chuyển Nhượng Đơn Vị Quỹ** với điều kiện là số lượng **Chuyển Nhượng** phải bằng hoặc lớn hơn số dư tối thiểu khi mở tài khoản và luôn luôn phải đảm bảo tuân thủ điều kiện như nêu tại **Phần X. 7.3** dưới đây nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là **Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ**.

7.2 Xử Lý Các Đơn Chuyển Nhượng

Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ muốn thực hiện **Chuyển Nhượng** hoặc người thừa hưởng thừa kế trong trường hợp thừa kế có thể nộp **Lệnh Chuyển Nhượng** tại bất kỳ **Điểm Nhận Lệnh** nào. **Lệnh Chuyển Nhượng** được kèm theo **Đơn Đăng Ký** tại các **Điểm Nhận Lệnh** và trên trang điện tử của **VCBF**, www.vcbf.com. Nếu người nhận chuyển nhượng chưa phải là **Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ**, người nhận chuyển nhượng **Đơn Vị Quỹ** sẽ phải nộp thêm các giấy tờ khác như quy định cho người mua **Đơn Vị Quỹ** lần đầu và trong trường hợp thừa kế, người thừa kế sẽ phải nộp các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.

7.3 Tuân thủ

Để tuân thủ các quy định về **KYC** và **AML**, người nhận chuyển nhượng **Đơn Vị Quỹ** sẽ phải tuân theo các thủ tục như khi mở tài khoản mới, quy định chi tiết tại **Mục X.4.3**.

7.4 Xác Nhận Lệnh Chuyển Nhượng

Các **Lệnh Chuyển Nhượng** Được Chấp Nhận được thực hiện bởi **Đại Lý Chuyển Nhượng** tại Ngày Giao Dịch.

7.5 Phí Chuyển Nhượng

Phí Chuyển Nhượng là 300.000 VNĐ cho một giao dịch chuyển nhượng, do bên chuyển nhượng thanh toán.

8. HỦY LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Nhà đầu tư có thể hủy các lệnh giao dịch bằng cách điền và nộp **Phiếu Hủy Lệnh** cho các **Điểm Nhận Lệnh** của **Đại Lý Phân Phối** của họ trước **Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh** áp dụng cho các giao dịch đó.

9. TẠM DỪNG THỰC HIỆN CÁC LỆNH GIAO DỊCH ĐƠN VỊ QUỸ

Nhà đầu tư cần lưu ý là việc thực hiện các lệnh giao dịch – Mua, Bán, Chuyển Đổi, Chuyển Nhượng **Đơn Vị Quỹ** có thể sẽ bị tạm dừng một hoặc nhiều Ngày Giao Dịch vì tình hình vượt ngoài tầm kiểm soát của **VCBF**. Tất cả **Điểm Nhận Lệnh** sẽ được thông báo trong các trường hợp giao dịch bị tạm dừng và thông báo sẽ được đăng trên trang điện tử của **VCBF**, www.vcbf.com

Việc thực hiện các giao dịch **Đơn Vị Quỹ** có thể bị tạm dừng do một trong các sự kiện sau:

- Các điều kiện bất khả kháng;
- Không thể xác định được NAV của Quỹ tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của

- Quỹ hoặc do các Sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch; hoặc
- Các trường hợp khác theo quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt, các giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ được thực hiện trở lại vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Theo luật, thời gian tạm dừng thực hiện các Lệnh Mua và Bán Đơn Vị Quỹ sẽ không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ Ngày Giao Dịch trước. Trong trường hợp giao dịch không thể tiếp tục trong khoảng thời gian tạm dừng tối đa nêu trên, thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng trên, VCBF sẽ tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư để xin ý kiến Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ về việc giải thể Quỹ, tách Quỹ hoặc kéo dài thời gian tạm dừng giao dịch Đơn Vị Quỹ.

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ (SIP)

SIP là một chương trình đầu tư tiết kiệm có hệ thống cho phép nhà đầu tư có thể tiết kiệm một khoản tiền cố định một cách thường xuyên – định kỳ mỗi tháng hoặc mỗi quý bằng cách mua định kỳ các Đơn Vị Quỹ. Ở nhiều nước, SIP đã chứng minh được lợi ích với các nhà đầu tư quỹ mở nhờ việc bình quân giá của các khoản đầu tư. Bình quân giá nhìn chung luôn khiến chi phí trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ luôn thấp hơn so với đơn giá Đơn Vị Quỹ trung bình, và số lượng Đơn Vị Quỹ mua ở giá cao giảm đi khi thị trường tăng. Trong khi chi phí mua trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ có thể cao hơn giá của Đơn Vị Quỹ khi thị trường sụt giảm, chi phí mua trung bình cũng giảm xuống khi số lượng Đơn Vị Quỹ có giá thấp hơn được mua vào nhiều hơn và có khả năng tạo ra lợi nhuận tốt hơn khi thị trường phục hồi.

10.1 Chi Phí Trung Bình Của Một Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Bảng 6 dưới đây minh họa lợi ích của SIP đối với nhà đầu tư dựa trên các số liệu giả định (để đơn giản, ví dụ giả định không có Phí Mua và Phí Bán). Giả sử ông ABC muốn đầu tư 1.000.000 VNĐ (một triệu đồng) một quý trong thời hạn một năm với tổng vốn đầu tư 4.000.000 VNĐ (bốn triệu đồng).

Bằng cách đầu tư một số tiền cố định định kỳ, chi phí trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ nắm giữ của ông ABC xấp xỉ là 11.715 VNĐ (mười một nghìn bảy trăm mười lăm đồng) so với NAV của Đơn Vị Quỹ ở thời điểm mua quý 4 đạt 13.000 đồng (mười ba nghìn đồng). Bảng dưới cho thấy, chi phí trung bình mà ông ABC mua mỗi đơn vị thấp hơn so với giá trung bình của Đơn Vị Quỹ, là chi phí trung bình nếu ông đầu tư một số lượng cố định các Đơn Vị Quỹ theo quý.

Bảng 6: Ví dụ minh họa một chương trình đầu tư SIP vào một Quỹ với các NAV giả định

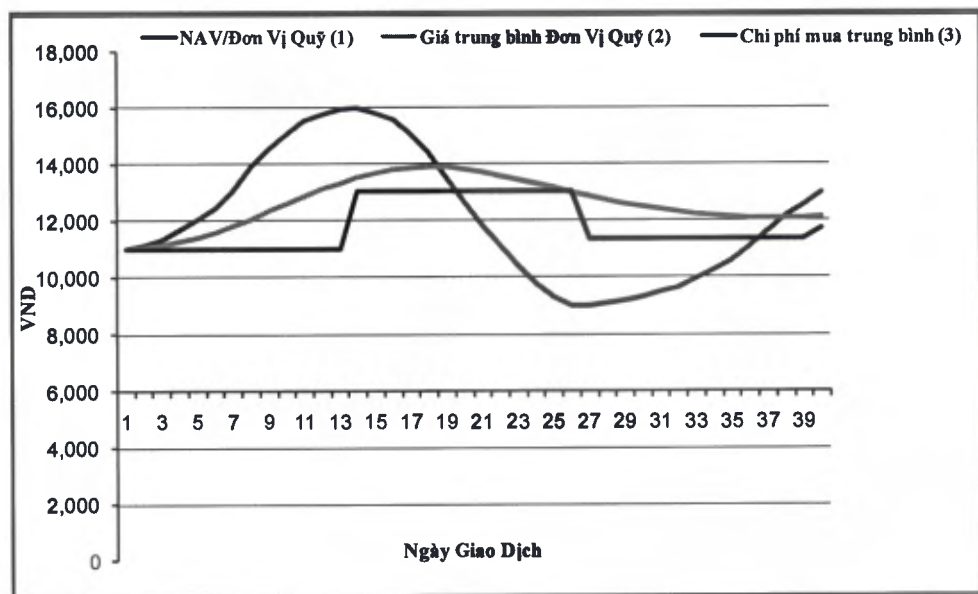
Quý	Mức đầu tư	Giá Bán	Số lượng đơn vị quỹ mua được
1	1.000.000	11.000	90,90
2	1.000.000	16.000	62,50
3	1.000.000	9.000	111,11
4	1.000.000	13.000	76,92
Tổng	4.000.000		341,44

$$\begin{aligned} \text{Giá bán trung bình/quý} &= (11.000+16.000+9.000+13.000)/4 \\ &= 12.250,00 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Chi phí đầu tư trung bình tính cho mỗi Đơn Vị Quỹ} &= 4.000.000/341,44 \\ &= 11.714,98 \end{aligned}$$

Ví dụ trên cho thấy lợi ích của chương trình đầu tư định kỳ SIP với một khoản đầu tư cố định định kỳ. Biểu đồ bên dưới cho thấy cũng với các số liệu giả định này, qua 1 chu kỳ biến động của thị trường chi phí đầu tư trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ với khoản đầu tư cố định định kỳ luôn thấp hơn giá trung bình của Đơn Vị Quỹ, nếu một lượng đơn vị quỹ cố định được mua định kỳ không phụ thuộc vào biến động của thị trường. Điều này là bởi vì số lượng Đơn Vị Quỹ được mua nhiều hơn khi giá thấp và được mua ít hơn khi giá cao. Do đó, nhà đầu tư tự động hưởng lợi mà không cần phải theo dõi giá (NAV) hàng ngày.

Bảng 7: Sự thay đổi của chương trình đầu tư định kỳ SIP với các NAV giả định



Ghi chú:

- 1) NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ trong mỗi Ngày Giao Dịch
- 2) Giá trung bình Đơn Vị Quỹ nếu nhà đầu tư mua số lượng Đơn Vị Quỹ cố định cho mỗi Ngày Giao Dịch
- 3) Chi phí đầu tư trung bình trên mỗi Đơn Vị Quỹ nếu đầu tư một khoản cố định định kỳ tại NAV vào Ngày Giao Dịch đầu tiên của mỗi quý

Chìa khóa để đạt được lợi ích này là khi số lượng Đơn Vị Quỹ được mua nhiều hơn với giá thấp sẽ làm giảm chi phí đầu tư trung bình. Trong trường hợp của ông ABC, chi phí đầu tư trung bình cho mỗi đơn vị trước thời điểm đầu tư định kỳ Quý 3 đạt 13.037 đồng (mười ba nghìn không trăm ba mươi bảy đồng) cho mỗi Đơn Vị Quỹ trong khi giá của Đơn Vị Quỹ tại thời điểm đầu tư là 9.000 đồng (chín nghìn đồng) (và như vậy khoản đầu tư của ông ABC đang ghi nhận một khoản lỗ đáng kể). Tuy nhiên khoản đầu tư định kỳ trong quý 3 đã làm giảm chi phí đầu tư trung bình cho mỗi Đơn Vị Quỹ xuống còn 11.341 đồng (mười một nghìn ba trăm bốn mươi một đồng). Với khoản đầu tư này, ông ABC sẽ ghi nhận lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư vào cuối quý 4, sau sự phục hồi của NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ.

Tuy nhiên, nhà đầu tư cần lưu ý rằng NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ biến động. Trước khi thực hiện bất kỳ chương trình đầu tư định kỳ SIP nào, nhà đầu tư cần lưu ý rằng chương trình này không đảm bảo mang lại lợi nhuận hoặc không đảm bảo nhà đầu tư không bị thua lỗ.

10.2 Sử Dụng Các Lệnh Tự Động Hoặc Lệnh Chờ Để Thực Hiện Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP

Các nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản cố định hàng tháng hoặc hàng quý. Tuy nhiên để tiết kiệm chi phí giao dịch, chu kỳ thông thường là hàng tháng hoặc hàng quý. Đại Lý Phân Phối sẽ có thể hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc đưa ra một chương trình SIP và tần suất thanh toán phù hợp. SIP cho phép thực hiện các chương trình tiết kiệm một cách kỷ luật. Trong suốt 12 tháng đầu của chương trình SIP, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ không nên thay đổi mức đầu tư và/hoặc tần suất thanh toán (xem phần 10.4 dưới đây) và lệnh thực hiện SIP với Đại Lý Phân Phối và các lệnh thanh toán với ngân hàng của mình không nên thay đổi.

Nhiều ngân hàng tại Việt Nam cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp giúp nhà đầu tư có thể thực hiện một chương trình SIP. VCB, cổ đông lớn của VCBF, cung cấp các dịch vụ này thông qua dịch vụ Ngân hàng trực tuyến của mình cũng như thông qua mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch rộng khắp. Lệnh chờ thanh toán tại các ngân hàng cho phép các nhà đầu tư thực hiện một chương trình SIP với một số tiền và tần suất thanh toán cố định mà không cần phải nộp thêm các ủy nhiệm chi cho ngân hàng.

Lệnh chờ thanh toán thực hiện chương trình SIP cần được nộp tại ngân hàng mà nhà đầu tư có tài khoản.

10.3 Khoản Đầu Tư Tối Thiểu Cho Chương Trình SIP

Mức đầu tư tối thiểu áp dụng cho chương trình SIP cũng giống như mức đầu tư tối thiểu áp dụng cho trường hợp nhà đầu tư mua Đơn Vị Quỹ lần đầu hoặc các lần tiếp theo. Cụ thể, để tham gia chương trình SIP, nhà đầu tư mới cần thực hiện đầu tư như sau:

- Điền đơn đăng ký, mở tài khoản và thực hiện khoản đầu tư đầu tiên tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng). Khoản đầu tư này là khoản đầu tư bắt buộc trước khi tham gia SIP và không được coi là khoản thanh toán ban đầu cho chương trình SIP; và
- Định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý của chương trình SIP, nhà đầu tư phải đầu tư số tiền tối thiểu là 1.000.000 VNĐ (Một triệu đồng).

Các chương trình SIP có thời hạn tối thiểu là 1 (một) năm và có thể được tiếp tục không hạn định. Việc mua lại Đơn Vị Quỹ được thực hiện trên nguyên tắc nhập trước xuất trước. Do đó các Đơn Vị Quỹ ban đầu được mua theo Đơn Đăng Ký sẽ được mua lại trước, sau đó đến các Đơn Vị Quỹ được mua vào ngày tiếp theo, dù các lệnh mua đó được thực hiện theo một hoặc nhiều thỏa thuận SIP hay không.

10.4 Ngày Thanh Toán và Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho các khoản đầu tư SIP

Ngày SIP là ngày thứ mười hàng tháng hoặc hàng quý. Nhà đầu tư cần thanh toán cho khoản đầu tư SIP hoặc cung cấp cho ngân hàng của họ lệnh chờ thanh toán SIP để Ngân Hàng Giám Sát nhận được tiền mua trước khi hết giờ làm việc của ngày mùng mười hàng tháng (cho SIP thanh toán hàng tháng) và vào ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười (cho SIP thanh toán hàng quý). Ngân Hàng Giám Sát hạch toán Đơn Vị Quỹ cho khoản đầu tư theo SIP vào Ngày Giao Dịch kế tiếp sau khi xác nhận nhận được tiền mua theo SIP.

10.5 Giảm Phí Cho Chương Trình SIP

Nhà đầu tư được giảm 20,0% (hai mươi phần trăm) Phí Mua nếu đồng ý đầu tư theo SIP cho 12 (mười hai) tháng liên tục, áp dụng cho SIP trả theo chu kỳ hàng tháng hoặc hàng quý. Nếu nhà đầu tư chấm dứt hoặc dừng SIP hoặc chuyển đổi sang quỹ khác trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày bắt đầu thực hiện chương trình, nhà đầu tư sẽ phải trả thêm một khoản phí bán là 0,4% (không phải bốn phần trăm)/NAV ngoài khoản Phí Bán thông thường khi bán Đơn Vị Quỹ đã mua và đã được hưởng khoản giảm trừ Phí Mua theo SIP.

Nhà đầu tư không phải trả lại khoản giảm trừ Phí Mua cho SIP nếu dừng trong bất kỳ thời gian nào sau 12 (mười hai) tháng đã cam kết;

Để minh họa, nếu nhà đầu tư tham gia chương trình SIP với số tiền đóng hàng tháng là VNĐ 2.000.000 (hai triệu đồng), nhưng sau 6 (sáu) tháng nhà đầu tư dừng tham gia chương trình SIP và bán 50% số tiền đã đầu tư, thì Phí rời chương trình SIP sẽ được tính như Bảng 8 phí dưới. Để đơn giản, giả định NAV của Quỹ sẽ không thay đổi và thuế nếu có sẽ không bao gồm trong ví dụ.

Bảng 8: Ví dụ giảm Phí Mua trong chương trình SIP

Mục	Đơn vị	Số tiền
Khoản tiền mua SIP sau 6 tháng:	VND	$2.000.000 \times 6 = 12.000.000$
Phí Mua SIP:	%	$2,0\% \times (1 - 20,0\%) = 1,6\%$
Tổng Phí Mua SIP phải trả trong 6 tháng:	VND	$= 12.000.000 \times 1,6\% = 192.000$
Khoản phí giảm trừ trong 6 tháng	VND	$= 12.000.000 \times 0,4\% = 48.000$
Phí Bán và Phí rời SIP:		
Lệnh bán (50.0% số tiền đã đầu tư) sau 6 tháng	VND	6.000.000
Phí Bán phải trả:	VND	$1,0\% \times 6.000.000 = 60.000$
Phí rời SIP (0.4%):	VND	$0,4\% \times 6.000.000 = 24.000$
Tổng Phí Bán và Phí rời SIP:	VND	$60.000 + 24.000 = 84.000$
Tổng Phí Bán và Phí rời SIP theo % số tiền bán:	%	$84.000 / 6.000.000 = 1,40\%$

10.6 Chấm dứt chương trình SIP và phí rời SIP

Thỏa thuận SIP được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- i) Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ hủy hoặc chấm dứt Thỏa Thuận SIP;
- ii) Đến thời điểm đóng sổ lệnh cho chương trình SIP như quy định chi tiết tại phần 10.4 ở trên, thanh toán theo Thỏa Thuận SIP không về tài khoản của Quỹ;
- iii) Quỹ mà nhà đầu tư đầu tư vào theo thỏa thuận SIP bị thay đổi và khoản thanh toán tiếp theo được chuyển đổi sang một quỹ khác.

Phí rời quỹ 0.4% sẽ được thu vào thời điểm đơn vị quỹ mua theo thỏa thuận SIP được mua lại theo một trong ba trường hợp nêu trên nếu việc chấm dứt này diễn ra trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thỏa thuận SIP.

Phí rời SIP sẽ được thu trong các trường hợp sau:

- iv) Bán lại đơn vị quỹ được mua theo chương trình SIP; hoặc
- v) Chuyển đổi đơn vị quỹ được mua theo chương trình SIP sang một quỹ khác do VCBF quản lý

Nếu một trong các trường hợp trên diễn ra trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thỏa thuận SIP, phí rời SIP sẽ được thu tính trên NAV của đơn vị quỹ bán lại hoặc chuyển đổi.

XI. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

1. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá Trị Tài Sản Ròng (NAV) cho mỗi Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.

NAV là tổng giá trị thị trường của các tài sản của Quỹ trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.

$$\text{NAV/Đơn Vị Quỹ} = \frac{(\text{Tổng giá trị thị trường của tài sản của Quỹ} - \text{Tổng nợ của Quỹ})}{\text{Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ}}$$

NAV được tính cho mỗi Ngày Giao Dịch của Quỹ như được định nghĩa tại Mục X.1 của Bản Cáo Bạch này và sẽ được tính làm tròn đến 2 (hai) số thập phân bằng cách làm tròn xuống số thập phân thứ ba.

Ví dụ sau đây cho minh họa cách tính NAV của Quỹ cho một Ngày Định Giá T cụ thể theo các giá định được đưa ra:

Bảng 9: Bảng tính toán NAV giả định của một Quỹ

Khoản mục	Đơn vị	Giá trị
Thị giá của tất cả chứng khoán tại ngày T-1	VNĐ	80.000.000.000,00
Tiền và tương đương tiền tại ngày T-1	VNĐ	6.000.000.000,00
Tài sản khác tại ngày T-1	VNĐ	2.000.000.000,00
Nợ của Quỹ tại ngày T-1	VNĐ	10.000.000.000,00
Số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành tại T-1	Đơn vị	7.000.000,00
Tổng tài sản tại ngày T-1		88.000.000.000,00
Trừ nợ của Quỹ tại ngày T-1		<u>10.000.000.000,00</u>
NAV của Quỹ tại Ngày Định Giá T	=	78.000.000.000,00
<i>NAV trên một Đơn Vị Quỹ:</i>	=	78.000.000.000 / 7.000.000 = 11.142,85 VNĐ /đơn vị

NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và sẽ được công bố trên trang web của VCBF, www.vcbf.com, và trên các trang web hoặc các phương tiện truyền thông khác theo yêu cầu của Luật trong vòng 2 (hai) ngày kể từ Ngày Định Giá với điều kiện các trang điện tử này hoạt động bình thường. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho VCBF những sai sót trong tính toán NAV muộn nhất là ngày làm việc kế tiếp kể từ khi phát hiện ra sai sót.

2. NGÀY ĐỊNH GIÁ

Ngày Định Giá là ngày xác định NAV của Quỹ, bao gồm tất cả các Ngày Giao Dịch (hiện tại là Thứ Tư hàng tuần) và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

3. ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN

3.1. Giá Trị Của Tài Sản

Việc định giá tài sản của Quỹ, bao gồm cả các quyền, và việc tính toán NAV của Quỹ sẽ phải theo các quy tắc và quy định áp dụng cho từng thời điểm, được quy định trong Điều Lệ và sẽ được kiểm toán hàng năm. Chính sách kế toán phải phù hợp với các quy định hiện hành. Chính sách định giá tài sản của Quỹ được quy định tại Sổ Tay Định Giá, được phê chuẩn bởi Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát với các nội dung cơ bản như sau:

1. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ

1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	+ Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Trái phiếu		
5	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá sạch “Clean price” từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận. Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.

6	Trái phiếu không niêm yết	<p>+Giá yết (giá sạch - clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>+ Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
7	Trái phiếu biến động bất thường	<p>Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 5 ở trên.</p> <p>Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn $\pm 10,0\%$ khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau:</p> <p>+ Giá sạch “Clean price” từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp Chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.</p>
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao	<p>- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02)</p>

	dịch Chứng khoán Hà Nội.	<p>tuần tính đến Ngày Định Giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các phương pháp định giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
9	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<p>- Giá giao dịch bình quân của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày Định Giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
10	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch	<p>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:</p> <p>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</p> <p>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so</p>

		<p>sánh; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận</p>
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</p> <p>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
13	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max}\{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
14	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày Định Giá
15	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá
Các tài sản khác		
16	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay

	định giá
--	----------

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá được liệt kê cho mỗi loại tài sản sẽ được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới.
- Hướng dẫn chi tiết các phương pháp Chiết khấu dòng tiền, phương pháp chi số định giá so sánh được quy định tại Sổ Tay Định Giá.
- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày Định Giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;

2. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:

1. Giá trị cam kết là giá trị quy đổi ra tiền mà Quý là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
2. Khi tính giá trị cam kết, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ² điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ³

2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ⁴ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thông nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác định sau khi đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

3.2. Sổ Tay Định Giá và Hội Đồng Định Giá

Trong trường hợp không có giá thị trường cho một khoản đầu tư của Quỹ, VCBF sẽ áp dụng Sổ Tay Định Giá tuân thủ với Pháp Luật và phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc xác định một phương pháp định giá để có thể ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư đó cho mỗi trường hợp cụ thể. Ước tính giá trị hợp lý là xác định một cách hợp lý nhất giá trị có thể bán được của khoản đầu tư trong một giao dịch hiện tại giữa hai bên sẵn sàng tham gia giao dịch. Việc định giá khoản đầu tư này sẽ được phê chuẩn của Hội Đồng Định Giá và nếu cần thiết, sẽ được phê chuẩn bởi Ban Đại diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cho mục đích xác định NAV của Quỹ.

Mục đích của Hội Đồng Định Giá là giám sát việc định giá của các khoản đầu tư của Quỹ, nghiên cứu và giải quyết bất kỳ vấn đề nào phát sinh trong định giá và đảm bảo

VCBF áp dụng thống nhất thông lệ quốc tế và trong nước trong việc xác định giá trị của các khoản đầu tư.

Nhà đầu tư nên lưu ý rằng chế độ kế toán Quỹ Mở theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định khác của Luật được ưu tiên hơn các thông lệ quốc tế tốt nhất trong trường hợp những quy định cụ thể được ban hành có thể khác với thông lệ quốc tế tốt nhất. Do đó, việc áp dụng chế độ kế toán theo quy định của Luật có thể làm NAV cao hơn hoặc thấp hơn so với nếu áp dụng thông lệ quốc tế. Sự khác biệt quan trọng giữa quy định hiện hành và thông lệ quốc tế xảy ra trong việc ghi nhận các khoản phải thu (chẳng hạn như mua cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua cổ phiếu), mà theo quy định của Luật chỉ có thể xảy ra vào ngày thanh toán và ngày xác nhận của trung tâm lưu ký (trong trường hợp cổ phiếu thưởng hoặc quyền mua) (thay vì vào ngày giao dịch hoặc ngày không hưởng quyền theo tiêu chuẩn quốc tế).

XII. CÁC LOẠI PHÍ VÀ CHI PHÍ

1. PHÍ GIAO DỊCH

Các loại phí và chi phí liên quan trực tiếp đến việc giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do nhà đầu tư trả và không được tính vào chi phí của Quỹ. VCBF bảo lưu quyền thay đổi biểu phí này.

Các khoản phí giao dịch như sau:

1.1 Phí Mua

Phí Mua có thể được áp dụng khi nhà đầu tư mua các Đơn Vị Quỹ. Phí Mua được tính bằng tỷ lệ phần trăm giá trị của Lệnh Mua. Tùy thuộc vào giá trị mua của từng Lệnh Mua, dù là mua lần đầu hay mua định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý, hay các lần mua tiếp theo, Phí Mua được tính trên giá trị thanh toán bởi nhà đầu tư cho mỗi Lệnh Mua tại Ngày Giao Dịch như sau:

Bảng 10: Biểu Phí Mua

Giá trị của Lệnh Mua – đồng	Phí Mua (% giá trị Lệnh Mua) (*)	Phí Mua (% NAV tương đương) (**)
1.000.000 VNĐ đến 500.000.000 VNĐ	2,0%	2,041%
Trên 500.000.000 VNĐ đến 1.000.000.000 VNĐ	1,5%	1,523%
Trên 1.000.000.000 VNĐ đến 10.000.000.000 VNĐ	1,0%	1,010%
Trên 10.000.000.000 VNĐ đến 20.000.000.000 VNĐ	0,5%	0,503%
Trên 20.000.000.000 VNĐ	0,0%	0,000%

(*) Phí mua trong thời gian IPO được tính trên mệnh giá Đơn Vị Quỹ và Nhà đầu tư đăng ký mua trong thời gian IPO sẽ được hưởng mức giảm trừ 20% Phí Mua.

(**) Cho mục đích tham khảo, số lượng Đơn Vị Quỹ được phát hành theo NAV sau khi trừ Phí Mua tính trên giá trị Lệnh Mua.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Phí Mua.

Nhà đầu tư tham gia Chương Trình Đầu Tư Định Kỳ SIP hàng tháng hoặc hàng quý trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục sẽ được giảm trừ 20% Phí Mua như quy định chi tiết tại Mục X.9.4.

VCBF có thể thay đổi Phí Mua bất kỳ lúc nào. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

1.2 Phí Bán

Nhà đầu tư được khuyến khích nắm giữ các Đơn Vị Quỹ như một phần của các khoản đầu tư dài hạn và chương trình tiết kiệm hưu trí. Quỹ mở không được thiết kế cho mục đích mua bán ngắn hạn. Việc nhà đầu tư thường xuyên mua đi và bán lại Đơn Vị Quỹ, vốn được thiết kế để đạt được lợi nhuận dài hạn sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư khi đầu tư vào Quỹ cũng như lợi nhuận của Quỹ. Phí Bán được áp dụng cho NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ theo thời gian nắm giữ như sau:

Bảng 11: Biểu Phí Bán

Thời Gian Nắm Giữ	Phí Bán (% của NAV)
01 tháng hoặc ngắn hơn	3,0%
Trên 01 tháng đến 12 tháng	1,0%
Trên 12 tháng đến 24 tháng	0,5%
Trên 24 tháng	0,0%

Thời gian nắm giữ được tính toán cho mỗi lần mua, bán sử dụng phương pháp mặc định là mua trước, bán trước.

Phí Bán sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các nhà đầu tư khi thực hiện các Lệnh Bán và được hạch toán vào Quỹ như là một khoản thu nhập của Quỹ.

VCBF có thể thay đổi Phí Bán bất kỳ lúc nào. VCBF có quyền thay đổi cơ cấu phí để có thể thêm vào các hạn chế bán, áp dụng giá bán khác hoặc phí chống pha loãng như đã đề cập tại Mục IV.11. Mọi thay đổi về mức phí sẽ được cập nhật trong Bản Cáo Bạch này.

1.3 Phí Chuyển Đổi Quỹ

Ngoại trừ trường hợp được miễn phí Chuyển Đổi Quỹ theo quy định của pháp luật, Phí Chuyển Đổi là mức chênh lệch giữa Phí Mua của Quỹ mục tiêu với Phí Mua của Quỹ rời đi tại thời điểm thực hiện việc chuyển đổi nếu sự khác biệt này là lớn hơn không.

Lệnh Chuyển Đổi Quỹ sẽ không bị tính Phí Bán. Thời gian nắm giữ các Đơn Vị Quỹ của Quỹ mục tiêu được tính lại từ thời điểm chuyển đổi.

1.4 Phí Chuyển Nhượng

Nhà đầu tư phải trả một mức Phí Chuyển Nhượng duy nhất là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) cho mỗi giao dịch chuyển nhượng Đơn Vị Quỹ. Phí Chuyển Nhượng do người thực hiện chuyển nhượng thanh toán.

2. CHI PHÍ ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ QUỸ

Chỉ có các loại phí và các chi phí liên quan trực tiếp hoặc đóng góp vào các hoạt động và điều hành của Quỹ mới được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ. Xin lưu ý các phí dưới đây là các mức đang áp dụng và các phí này có thể sẽ thay đổi trong tương lai. Các chi phí này bao gồm:

2.1 Phí Quản Lý

Phí quản lý được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho VCBF. Phí quản lý hàng năm cho Quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên NAV như sau:

Bảng 12: Biểu Phí Quản Lý

Quỹ	Phí Quản lý (% của NAV/năm)
Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (VCBF-TBF)	1,5%/năm

Tổng phí quản lý, phí quản trị quỹ và phí đại lý chuyển nhượng không vượt quá các mức tối đa theo quy định của pháp luật.

2.2 Phí Ngân Hàng Giám Sát

Phí Ngân Hàng Giám Sát là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 21.000.000 VND (Hai mươi một triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng cho đến ngày 24 tháng 12 năm 2014. Phí Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát.

2.3 Phí Lưu Ký

Phí lưu ký là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 21.000.000 VND (Hai mươi một triệu đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng cho đến ngày 24 tháng 12 năm 2014. Phí lưu ký, bao gồm phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán của từng Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám Sát.

Tổng Phí Ngân Hàng Giám Sát và Phí Lưu Ký sẽ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

2.4 Phí Quản Trị Quỹ

Phí Quản Trị Quỹ là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 105.000.000 VND (Một trăm linh năm triệu đồng) một năm. Mức phí tối thiểu được

miễn áp dụng cho đến ngày 24 tháng 12 năm 2014. Phí Quản Trị Quỹ, được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho đơn vị Quản Trị Quỹ.

2.5 Phí Đại Lý Chuyển Nhượng

Phí Đại Lý Chuyển Nhượng là 0,04% (bốn điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 10.500.000 VND (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) một tháng. Mức phí tối thiểu được miễn áp dụng cho đến ngày 24 tháng 12 năm 2014. Phí Đại Lý Chuyển Nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Đại Lý Chuyển Nhượng.

2.6 Phí Kiểm Toán

Phí Kiểm Toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

2.7 Phụ Cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các trách nhiệm. Thù lao của các thành viên độc lập của Ban Đại Diện Quỹ sẽ là 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng một năm và sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện Quỹ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Đại Hội Nhà Đầu Tư đã thông qua mức ngân sách này là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng mỗi năm.

2.8 Chi Phí Khác

- Phí môi giới cho các giao dịch của quỹ;
- Chi phí in ấn, ví dụ in các tài liệu cho nhà đầu tư theo quy định Pháp Luật;
- Phí định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết;
- Chi phí phát sinh cho bất kỳ Đại Hội Nhà Đầu Tư hay cuộc họp nào của Ban Đại Diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ;
- Phí trả cho cơ quan quản lý khi xin giấy chứng nhận IPO và giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.
- Phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác theo Luật cho phép;
- Thuế và các loại phí bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- Các chi phí khác được Pháp Luật cho phép.

XIII. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên công ty:	Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2/12/2005
Trụ sở chính:	Tầng 15, Toà nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	04 – 39364540
Fax:	04 – 39364 542
Chi nhánh:	Tầng 14, Centec Tower, 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh
Thời hạn hoạt động:	30 năm
Vốn Điều Lệ:	265 (Hai trăm sáu mươi lăm) tỷ Đồng

1.1 Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

- Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“VCBF”) là công ty liên doanh giữa ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam, Vietcombank (“VCB”), nắm giữ 51,0% (năm mươi một phần trăm), và công ty quản lý quỹ toàn cầu, Franklin Templeton (“FTI”), nắm giữ 49,0% (bốn mươi chín phần trăm).
- VCBF cung cấp các cơ hội đầu tư đa dạng tại Việt Nam thông qua dịch vụ Quản lý Tài Sản (“QLTS”) và Quản lý Quỹ Đầu Tư (“QLQĐT”).
- VCBF có tổng cộng 10 nhân viên đầu tư với thời gian làm việc tại VCBF trung bình gần 5 năm. VCBF có tổng cộng 7 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của SSC.
- VCBF hiện đang quản lý tổng tài sản (“AUM”) trị giá khoảng 1,7 nghìn tỷ VNĐ (một phẩy bảy nghìn tỷ đồng), tương đương 81,3 triệu USD (tám một phẩy ba triệu đô la Mỹ) tính đến thời điểm 31/12/2012, trong đó 191,7 tỷ VNĐ (một trăm chín một phẩy bảy tỷ đồng) thuộc 2 (hai) quỹ đầu tư vào các công ty tư nhân (“PE”) và 1,5 nghìn tỷ VNĐ (một phẩy năm nghìn tỷ đồng) thuộc các hợp đồng ủy thác quản lý tài sản và các danh mục đầu tư được chỉ định khác.
- VCBF thành lập bộ phận QLTS vào giữa năm 2009, dựa trên nền tảng thế mạnh quản lý tài sản toàn cầu của FTI và kinh nghiệm về thị trường trong nước có được từ sự thành công của Quỹ đầu tư vào các công ty tư nhân. Các danh mục đầu tư ủy thác từ các khách hàng tổ chức có mục tiêu đầu tư, thời hạn đầu tư và tỷ trọng trái phiếu, cổ phiếu khác nhau phù hợp với yêu cầu của từng nhà đầu tư. Danh mục ủy thác của VCBF có kết quả hoạt động thường xuyên tốt hơn so lợi nhuận tham chiếu.
- Trang thông tin điện tử của VCBF: www.vcbf.com

1.2 Ban Điều Hành của VCBF

Ông Avinash D. Satwalekar, CFA
Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư

Ông Avinash Satwalekar gia nhập VCBF vào tháng 5 năm 2012. Ông giám sát tất cả các hoạt động chung và hoạt động đầu tư của Quỹ do VCBF quản lý.

Trước khi gia nhập VCBF, ông Avinash Satwalekar là giám đốc quản lý danh mục đầu tư và chuyên viên phân tích và phân tích cấp cao của bộ phận dịch vụ tư vấn đầu tư Franklin Portfolio Advisors (“FPA”), một bộ phận của Franklin Templeton Portfolio Advisors (“FTPA”). Ông là thành viên của nhóm quản lý danh mục chứng khoán có vốn hóa nhỏ tăng trưởng cao của Franklin (Franklin Small Cap Growth) và là quản lý danh mục chính cho các tài khoản với chiến lược đầu tư chứng khoán vốn hóa nhỏ của FPA. Ông Avinash Satwalekar có 16 (mười sáu) năm kinh nghiệm đầu tư.

Ông Satwalekar có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học Bombay, Ấn Độ và bằng MBA về tài chính của Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania. Ông là thành viên của hiệp hội CFA và là thành viên Hiệp Hội CFA San Francisco (CFASF).

Ông Nguyễn Trung Nam
Phó Tổng Giám đốc VCBF

Ông Nam chính thức gia nhập vào VCBF từ tháng 18 tháng 3 năm 2014 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội. Ông cũng là một thành viên của Hội Đồng Quản Trị.

Ông Nam làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCB”) từ năm 2002 và nắm giữ nhiều chức vụ trong bộ phận thanh toán của Vietcombank.. Ông từng là thư ký Tổng Giám Đốc từ năm 2009 đến năm 2011 và là Phó Chánh Văn phòng kiêm Thư ký Tổng Giám Đốc từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 1 năm 2013. Trước khi gia nhập VCBF, ông là Trưởng phòng Tổng hợp thanh toán Hội sở chính của Ngân hàng.

Ông Nam tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Monash, Úc, Thạc sỹ Kinh tế Phát triển của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội - Viện khoa học xã hội Hà Lan và Cử nhân của trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội, Việt Nam.

1.3 Ban Điều Hành Quỹ

Ông Avinash D. Satwalekar, CFA
Tổng Giám đốc, Giám đốc Đầu tư

Trong vị trí kiêm nhiệm Giám Đốc Đầu tư, Ông Avinash Satwalekar giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ và sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc phân bổ tài sản, các quyết định đầu tư và thoái vốn của Quỹ (xem chi tiết ở phần XIII.1.2 ở trên)

Bà Ngô Phương Anh
Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư

Bà Phương Anh gia nhập VCBF từ tháng 4 năm 2006 và làm việc tại văn phòng Hồ Chí Minh. Ngoài trách nhiệm liên quan đến quỹ mở, Bà Phương Anh là Trưởng phòng Quản lý Danh mục phụ trách một số danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức. Trước đó bà Phương Anh là Trưởng phòng Phân tích chịu trách nhiệm giám sát và phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Bà bắt đầu làm việc tại VCBF với vị trí chuyên viên đầu tư trong nhóm đầu tư cổ phần tư nhân, phụ trách ngành dược phẩm, sản xuất thực phẩm và các ngành sản xuất khác. Bà Phương Anh có 9 (chín) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và kiểm toán.

Bà Phương Anh có bằng Thạc sỹ Kinh tế Tài chính của Đại học Gothenburg, Thụy Điển, và bằng Cử nhân Quản trị Doanh nghiệp chuyên ngành Đầu tư, Tài chính và Ngân hàng loại giỏi của Đại học Wisconsin – Madison, Hoa Kỳ.

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga, CFA
Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư

Bà Nga gia nhập VCBF vào tháng 6 năm 2006 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội.

Ngoài trách nhiệm liên quan đến quỹ mở, Bà Nga là Trưởng phòng Quản lý Danh mục phụ trách một số danh mục đầu tư cho một số nhà đầu tư tổ chức. Trước đó bà Nga là Trưởng phòng Phân tích chịu trách nhiệm giám sát, và phê duyệt các kiến nghị đầu tư của đội ngũ phân tích. Bà bắt đầu làm việc tại VCBF với vị trí chuyên viên đầu tư trong nhóm đầu tư cổ phần tư nhân, phụ trách ngành dịch vụ tài chính và hàng tiêu dùng. Bà Nga có 12 (mười hai) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và kiểm toán.

Bà Nga có bằng Thạc sỹ Thương mại (Cao cấp), với hai chuyên ngành Tài chính ứng dụng và Kế toán, Đại học Queensland, Úc và có bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán của Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà còn là thành viên Hiệp hội CFA Singapore.

1.4 Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF

Hội đồng Quản trị VCBF bao gồm 5 thành viên đại diện cho các bên liên doanh, chịu trách nhiệm về mặt chiến lược phát triển của VCBF. Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều có vai trò tích cực và có đóng góp quan trọng dựa trên nền tảng kinh nghiệm về thị trường trong nước và thế giới.

- **Bà Nguyễn Thị Kim Oanh**

Chủ tịch Hội đồng quản trị VCBF và Phó Tổng Giám đốc VCB

Bà Oanh là Chủ tịch Hội đồng quản trị của VCBF từ ngày 19/05/2015.

Bà Oanh có bằng Thạc sỹ Tài chính của Đại học New South Wales, Úc và là Cử nhân Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

- **Ông Stephen Grundlingh**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị VCBF và Giám đốc Khu vực Đông Nam Á, FTI

Ông Grundlingh tham gia vào Hội đồng quản trị vào tháng 11 năm 2008 và trước đây là Tổng Giám đốc của VCBF từ khi FTI trở thành cổ đông của VCBF vào tháng 2 năm 2008 đến tháng 11 năm 2008.

Ông Stephen tốt nghiệp Cử nhân Luật và Chính trị của trường Đại học Stellenbosch, Nam Phi.

- **Ông Phạm Chí Quang**
Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Trưởng phòng Đầu tư và Kinh doanh Vốn của VCB

Ông Quang được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF vào tháng 11 năm 2010.

Ông Quang có bằng Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Thạc sỹ Kinh tế Phát triển Khoa nghiên cứu xã hội của Đại học Erasmus, Rotterdam, Hà Lan và bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (chuyên ngành tập trung chiến lược) của trường Đại học Edinburg, Vương quốc Anh.

- **Ông Dennis Lim**
Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Giám đốc Điều hành cấp cao và Giám đốc Quản lý Danh mục FTI

Ông Dennis Lim là Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF từ tháng 3 năm 2008 và cũng nằm trong Hội đồng Đầu tư của quỹ cổ phần tư nhân nước ngoài của VCBF.

Ông Lim có bằng Cử nhân của Trường đại học Quốc gia Singapore và có bằng Thạc sỹ của Trường đại học Wisconsin-Milwaukee, Hoa Kỳ.

- **Ông Nguyễn Trung Nam**
Thành viên Hội đồng Quản trị VCBF và Phó Tổng Giám đốc VCBF

Ông Nam gia nhập VCBF vào tháng 3 năm 2014 và làm việc tại Trụ sở chính ở Hà Nội. Ông còn là Phó Tổng Giám đốc VCBF (xem Mục XIII.1.2 ở trên để biết thêm thông tin).

2. CÁC BÊN LIÊN DOANH CỦA VCBF

2.1 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”)

- Niêm yết trên HOSE (mã: VCB), với tổng vốn hóa xấp xỉ 2,95 (hai phẩy chín mươi lăm) tỷ đô la Mỹ (tính đến 31/12/2013), VCB được xem là ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam trong nhiều mảng hoạt động dựa trên năng lực tài chính mạnh và dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam
- VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam với tổng tài sản trị giá 22,2 (hai mươi hai phẩy hai) triệu đô la Mỹ (tính đến 31/12/2013).

- VCB có mạng lưới rộng khắp với trên 13.700 (mười ba nghìn bảy trăm) nhân viên, với một hội sở chính và 79 (bảy mươi chín) chi nhánh và 300 (ba trăm) phòng giao dịch trên khắp cả nước.
- VCB dẫn đầu thị trường về mảng ngân hàng bán buôn tại Việt Nam và có vị trí vượt trội về mảng tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế với thị phần khoảng 20% (hai mươi phần trăm), cũng như mảng cho vay cho ngành xuất khẩu. VCB cũng dẫn đầu thị trường giao dịch ngoại hối.
- VCB thường xuyên được ghi nhận là ngân hàng được quản lý tốt nhất và minh bạch nhất tại Việt Nam, vì vậy có vị thế tốt, đặc biệt là trong điều kiện khó khăn.
- VCB đã công bố hợp tác chiến lược với Ngân hàng Mizuho vào tháng 9/2011, trong đó Mizuho mua lại 15% (mười lăm phần trăm) cổ phần của ngân hàng. Việc hợp tác chiến lược này sẽ giúp tăng cường năng lực toàn cầu cho VCB.
- Trang thông tin điện tử của VCB: www.vietcombank.com.vn

2.2 Franklin Templeton (“FTI”)

- FTI là công ty quản lý quỹ toàn cầu được thành lập tại New York năm 1947. Niêm yết trên sàn chứng khoán New York, NYSE (Mã: BEN) với tổng vốn hóa 36,42 tỷ USD (ba mươi sáu phẩy bốn mươi hai tỷ Đô la Mỹ) (tại ngày 31/12/2013). FTI có mặt trên toàn cầu với hơn 30 (ba mươi) văn phòng phục vụ cho khách hàng đến từ 150 quốc gia.
- FTI quản lý đầu tư cho các cá nhân, tổ chức, quỹ hưu trí, quỹ tín thác, các tổ chức hợp danh và các khách hàng khác trên toàn cầu. FTI cung cấp các giải pháp đầu tư bao gồm quỹ tương hỗ, Quỹ tiết kiệm hưu trí và Quỹ tiết kiệm cho giáo dục đại học. Các sản phẩm đầu tư được cung cấp bởi ba nhóm quản lý đầu tư độc lập đẳng cấp quốc tế: Franklin, Templeton và Mutual Series. Tổng tài sản FTI đang quản lý tính đến 30/09/2013 đạt 879,1 tỷ USD (Tám trăm bảy mươi chín phẩy một tỷ đô la Mỹ).
- Trong số 106 (một trăm linh sáu) quỹ, 32 (ba mươi hai) quỹ của FTI được Morningstar xếp hạng bốn hoặc năm sao tại ngày 31/7/2013, tức là Quỹ này nằm trong top 34,0% (ba mươi tư phần trăm) quỹ hoạt động tốt nhất trong Quỹ được xếp hạng theo phương pháp đánh giá lợi nhuận điều chỉnh theo rủi ro của Morningstar.
- Phương thức tổ chức quản lý thông qua ba nhóm quản lý quỹ đầu tư độc lập giúp FTI cung cấp các kinh nghiệm đầu tư chuyên sâu và riêng biệt đối với các phân lớp tài sản chủ yếu và các phương thức đầu tư khác nhau trên một cơ sở hạ tầng đồng nhất. Do đó FTI cung cấp đến cho nhà đầu tư các cơ hội đa dạng hoá đầu tư thực sự và “kinh nghiệm của đa số với các thể mạnh đồng nhất”.
- FTI có mặt rộng khắp tại Châu Á và là một trong những quỹ đầu tư nước ngoài sớm nhất tại Việt Nam với việc thành lập quỹ Templeton Vietnam Opportunities Fund, Inc, một quỹ đóng niêm yết trên sàn chứng khoán New York giữa những năm 90 thế kỷ trước, do Tiến sỹ Mark Mobius quản lý và có văn phòng đại diện tại Việt Nam kể từ năm 2008. FTI trở thành đối tác liên doanh với VCB tại VCBF vào năm 2008.

- Trang thông tin điện tử của FTI: www.franklintempleton.com

3. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại Diện Quỹ được lập ra để giám sát hoạt động của VCBF và các nhà cung cấp dịch vụ với đại đa số thành viên độc lập với VCBF và với Ngân Hàng Giám Sát để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư. Vai trò và chức năng của Ban Đại Diện Quỹ được điều chỉnh bởi Luật và Điều lệ (như được tóm tắt ở Mục XVII).

Ban Đại Diện Quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra bằng phương pháp lấy ý kiến trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Các ứng cử viên của Ban Đại Diện Quỹ như sau:

1. Ông Nguyễn Trung Kiên – Thành viên độc lập - Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

Ông Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư và tư vấn đầu tư. Ông là sáng lập viên và hiện đang giữ chức vụ Giám đốc công ty TNHH MDKT, một công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư, tư vấn, môi giới bất động sản, tư vấn quản lý. Trước đó ông đã từng đảm nhiệm các vị trí chuyên viên cao cấp về đầu tư tại Tập đoàn Temasek Holding, Singapore, Chuyên viên cao cấp trong bộ phận phát triển của Ngân hàng OCBC, Singapore, Chuyên viên về cấu trúc tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Commonwealth của Úc, New York, Mỹ và Chuyên viên phân tích của ngân hàng đầu tư Credit Suisse First Boston, Singapore.

Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của Đại học Chicago (Hoa Kỳ), bằng Cử nhân Tài chính Ứng dụng của Đại học Macquarie (Úc) và bằng Cử nhân thương mại của Đại học Macquarie (Úc).

2. Bà Phạm Thị Phương Nhi – Thành viên độc lập

Bà Nhi có 10 năm kinh nghiệm kế toán, kiểm toán. Bà Nhi hiện là Trưởng phòng kế toán công nợ Công ty TNHH Novellus System, Vietnam. Bà đã đảm trách các vị trí chuyên viên định giá, quản lý kế toán tại các công ty IBM Việt Nam, Queensland Treasury Corporation (Úc) và kiểm toán viên chính tại KPMG Việt Nam.

Bà Nhi có bằng Thạc sỹ thương mại (cao cấp), hai chuyên ngành Tài chính thực hành và Kế toán chuyên nghiệp của Đại học Queensland (Úc) và có bằng Cử nhân kinh tế đối ngoại của Đại học Ngoại thương (Việt Nam). Bà đang hoàn thành giai đoạn cuối cùng để lấy chứng chỉ của Hiệp hội Kế toán viên công chứng Anh quốc (ACCA).

3. Bà Nguyễn Thu Hương – Thành viên

Bà Hương có 9 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực luật. Bà Hương gia nhập VCBF từ tháng 4 năm 2010 và hiện chịu trách nhiệm về toàn bộ các vấn đề pháp lý của VCBF. Trước khi tham gia VCBF, bà là trưởng phòng tư vấn luật đầu tư tại tập đoàn Investconsult, một tập đoàn chuyên tư vấn đầu tư trong và ngoài nước và chuyên viên pháp lý tại Bộ Tư Pháp Việt Nam.

Bà Hương tốt nghiệp Thạc Sĩ Luật của trường Đại Học Nagoya, Nhật Bản và có bằng cử nhân Luật của Đại Học Quốc Gia Hà Nội, chuyên ngành Luật Kinh Tế.

4. NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

4.1 Ngân Hàng Giám Sát và Lưu ký

- Deutsche Bank AG - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Đăng ký Kinh doanh số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995
- Giấy phép Hoạt động Lưu ký số 09/GP HĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000
- Địa chỉ: Tầng 14, 65 Lê Lợi, Tòa nhà Saigon Center, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: +848 6299 9000 Fax: +848 3824 4602
- Hoạt động kinh doanh chính: các dịch vụ ngân hàng và tài chính như được cấp phép trong Giấy phép.

Ngân Hàng Giám Sát thực hiện vai trò giám sát các hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong quản trị và điều hành Quỹ và phải độc lập với Công ty Quản lý Quỹ, có các nhân viên đủ trình độ, năng lực để thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong vai trò của mình và đảm bảo rằng tất cả tài sản của Quỹ được đăng ký và lưu ký đầy đủ.

Ngân hàng Lưu ký sẽ lưu ký tất cả chứng khoán và các công cụ khác thuộc về Quỹ một cách an toàn để đảm bảo các việc mua bán các chứng khoán và các công cụ khác được thực hiện một cách suôn sẻ và kịp thời khi cần thiết để bảo vệ lợi ích tốt nhất của nhà đầu tư, và đảm bảo rằng tất cả các quyền lợi liên quan đến tài sản được bảo vệ. Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thu phí từ Quỹ theo hợp đồng dịch vụ lưu ký.

4.2 Đại Lý Phân Phối

Danh sách Đại Lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới UBCK theo quy định của Pháp Luật. Danh sách Đại lý Phân phối tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2014 như sau:

1. Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (“SSI”)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Đăng ký kinh doanh số: 03/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 4 năm 2002.

2. Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (“VCBS”)

Địa chỉ: Tầng 17, Cao ốc Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đăng ký kinh doanh số: 09/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 4 năm 2002.

3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“VCB”)

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Giấy phép lưu ký số 14/GPHDLK do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 5 năm 2003.

Danh sách các Điểm Nhận Lệnh được liệt kê tại Phụ Lục 2. Các thay đổi về danh sách Đại Lý Phân Phối và Điểm Nhận Lệnh sẽ được cập nhật tại Phụ Lục này và được thông báo trên trang điện tử của VCBF, www.vcbf.com.

4.3 Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật và không được là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ như được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ.

4.4 Tư Vấn Pháp lý

Công ty Luật TNHH Baker & McKenzie (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội
Phòng 1001, tầng 10, Indochina Plaza Hà Nội
239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
Đăng ký kinh doanh số: 81/BTP/GP do Bộ Tư Pháp cấp ngày 10 tháng 8 năm 2009 .

4.5 Tài Khoản Giao Dịch Chứng Khoán

Quỹ sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán ở các công ty chứng khoán sau:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
72 Nguyễn Huệ,
Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Đăng ký kinh doanh số: 03/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 24 tháng 4 năm 2002

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
67 Hàm Nghi
Phường Nguyễn Thái Bình
Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh
Đăng ký kinh doanh số: 068/UBCK-GP ngày 06 tháng 11 năm 2007

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 17, Cao ốc Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Đăng ký kinh doanh số: 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002.

4.6 Đại Lý Được Ủy Quyền

4.6.1 Đại Lý Chuyển Nhượng

Deutsche Bank AG Chi nhánh Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Tầng 14, 65 Lê Lợi, Toà nhà Saigon Center, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: +848 6299 9000 Fax: +848 3824 4602
Đăng ký Kinh doanh số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995
Giấy phép Hoạt động Lưu ký số 09/GP HĐLK do Uỷ Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000

VCBF đã kiểm tra và xác nhận rằng Chi nhánh Hồ Chí Minh của Ngân hàng Deutsche Bank AG có thể cung cấp các dịch vụ theo yêu cầu và có đủ trang thiết bị, bao gồm hệ thống công nghệ và lưu trữ dữ liệu, để thực hiện các nghĩa vụ của Đại Lý Chuyên Nhượng theo các quy định của pháp luật và có đủ khả năng để giải quyết các khiếu nại của nhà đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ cũng xác nhận rằng Chi nhánh Hồ Chí Minh của Ngân hàng Deutsche Bank AG đã đăng ký với SSC để tiến hành các dịch vụ này theo hai Giấy phép hoạt động trên và đăng ký này vẫn còn hiệu lực.

4.6.2 Quản Trị Quỹ

Deutsche Bank AG Chi nhánh Hồ Chí Minh

Đăng ký Kinh doanh số số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995

Địa chỉ: Tầng 14, 65 Lê Lợi, Toà nhà Saigon Center, TP Hồ Chí Minh

Giấy phép Hoạt động Lưu ký số 09/GP HDLK do Ủy Ban Chứng Khoán cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000

XIV. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VCBF có nghĩa vụ, theo Điều lệ và theo thông lệ quốc tế tốt nhất, tại mọi thời điểm hoạt động vì lợi ích của nhà đầu tư và quản lý một cách công bằng, minh bạch đối với tất cả các quỹ do Công ty quản lý. Bộ phận kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công Ty sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát các xung đột lợi ích thực tế hoặc có khả năng xảy ra. Trong trường hợp xung đột lợi ích phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ để thống nhất phương án khắc phục nhằm giảm thiểu hoặc quản lý các xung đột đó.

Giao dịch với người có liên quan của VCBF sẽ cấu thành xung đột lợi ích tiềm tàng. Người Có Liên Quan của VCBF bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB), Công ty Franklin Templeton Investments Singapore (“FTI”), thành viên Hội Đồng Quản Trị của VCBF, thành viên Ban Điều Hành (Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc) của VCBF và các tổ chức, cá nhân khác được coi là người có liên quan của VCBF theo quy định của Pháp Luật. Quỹ có thể có một số giao dịch với các bên được coi là người có liên quan của VCBF như sau:

Bảng 13: Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tên của người có liên quan trong giao dịch	Bản chất giao dịch	Bản chất quan hệ
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (“VCBS”)	Giao dịch chứng khoán Phân phối chứng chỉ quỹ Đầu tư vào Quỹ	“VCBS” là Đại Lý Phân Phối 100% thuộc quyền sở hữu của VCB và VCB sở hữu 51% của VCBF
Vietcombank (“VCB”)	Gửi tiền có kỳ hạn Phân phối chứng chỉ quỹ Đầu tư vào Quỹ	VCB sở hữu 51% vốn của VCBF
Công ty Franklin Templeton Investments (“FTI”)		FTI sở hữu 49% vốn của VCBF

Trong tất cả các trường hợp, các giao dịch phải là giao dịch công bằng và vì lợi ích của nhà đầu tư.

Tất cả các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích tiềm tàng phải được tư vấn và chấp thuận bởi VCBF và phải được công bố cho nhà đầu tư. Tuy nhiên VCBF sẽ cố gắng hết sức để tránh các giao dịch có thể gây ra xung đột lợi ích mà không thể quản lý được một cách thích đáng.

Người có liên quan của VCBF được phép giao dịch Đơn Vị Quỹ theo phương thức giống như các nhà đầu tư khác như quy định tại Mục X.

Theo Pháp Luật, tất cả các giao dịch Đơn Vị Quỹ của Ban Điều Hành và nhân viên phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và sau khi thực hiện giao dịch.

XV. THUẾ

Thông tin cung cấp ở đây chỉ cho mục đích chung và được dựa trên các quy định Pháp Luật và thực tiễn hiện đang áp dụng tại Việt Nam, và không thể được coi là tư vấn liên quan đến các vấn đề về thuế hoặc pháp luật của việc đầu tư của nhà đầu tư hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ vào Quỹ. Nhà đầu tư và Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ cần nhận thức rằng các quy định về thuế có liên quan và việc diễn giải các quy định này có thể thay đổi. Không có sự đảm bảo rằng quy định về thuế hiện hành tại thời điểm đầu tư vào các Đơn Vị Quỹ sẽ tồn tại vô hạn định.

Do các quy định về thuế áp dụng cho từng cá nhân cụ thể, từng nhà đầu tư /Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ nên tham khảo ý kiến tư vấn của các nhà tư vấn thuế chuyên nghiệp của mình đối với các nghĩa vụ thuế cụ thể và những vấn đề về tài chính của việc đầu tư vào Quỹ.

Bản tóm tắt sau đây phác thảo các vấn đề liên quan về thuế áp dụng đối với nhà đầu tư dựa trên Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, Luật số 26/2012/QH13 ngày 22 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 06 năm 2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 về sửa đổi đối với Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt là Thông tư 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng tư năm 2012, Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 08 năm 2006 và Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010, và Công văn số 336/TCT-TNCN ngày 24 tháng 01 năm 2014.

Bảng 14: Tóm tắt các loại thuế áp dụng cho các nhà đầu tư

Nhà đầu tư	Thuế đối với nhà đầu tư phát sinh từ		
	Cổ tức	Bán lại Đơn Vị Quỹ	Quà tặng/ Thừa kế
Cá nhân cư trú là người Việt Nam	5% (*)	0,1% giá trị giao dịch ^(*) hoặc 20% của lãi ròng (Áp dụng thuế suất nào do nhà đầu tư tùy chọn. Tuy nhiên, điều kiện để	10% * giá trị chứng khoán cao hơn 10 triệu VNĐ

		áp dụng thuế suất 20% là nhà đầu tư đã đăng ký thuế, có mã số thuế tại thời điểm làm thủ tục quyết toán thuế và xác định được thu nhập tính thuế của từng loại chứng khoán. Tuy nhiên, thậm chí trong trường hợp này, mức thuế suất 0.1% của giá trị giao dịch được áp dụng cho mỗi giao dịch chuyển nhượng. Mức thuế tạm trả sẽ được khấu trừ khi tiến hành quyết toán thuế năm theo thuế suất 20% trên lãi ròng)	
Cá nhân cư trú là người nước ngoài	5% (*)	Như trên (*)	10% * giá trị chứng khoán cao hơn 10 triệu VNĐ
Nhà đầu tư là tổ chức trong nước	22% (20% kể từ ngày 1/1/2016) ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế (*)	Lợi nhuận từ việc bán Đơn Vị Quỹ được gộp vào thu nhập chịu thuế của nhà đầu tư tổ chức, thuế suất 22% (thuế suất 20% kể từ 1/1/2016)	Lợi nhuận từ Quà tặng/Thừa kế Đơn Vị Quỹ sẽ được gộp vào thu nhập chịu thuế của nhà đầu tư tổ chức, thuế suất 22% (thuế suất 20% kể từ 1/1/2016)
Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài	22% (20% kể từ ngày 1/1/2016), ngoại trừ trường hợp cổ tức được phân phối đã nộp thuế (*)	0,1% giá trị giao dịch (*)	0,1% giá trị giao dịch (**)
<p>(*) Khấu trừ thuế tại nguồn (**) Không có quy định cụ thể về việc đánh thuế nhà đầu tư tổ chức nước ngoài nhận quà tặng/thừa kế dưới hình thức chứng khoán. Tuy nhiên, việc nhận quà tặng/thừa kế sẽ dẫn đến giao dịch chuyển nhượng chứng khoán. Theo quy định tại Thông tư 60/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2012, mức thuế đánh trên giao dịch chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% giá trị chuyển nhượng của chứng khoán. Tuy nhiên, Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 5308/CT-TTHT ngày 13/7/2012 và công văn số 5929/CT-TTHT ngày 7/8/2012 hướng dẫn thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được áp dụng trên giá trị quà tặng/thừa kế dưới hình thức chứng khoán căn cứ vào Thông tư số 60/2012/TT-BTC. Theo như quy định tại Thông tư 60/2012/TT-BTC, thuế suất 5% thuế thu nhập doanh nghiệp áp cho các thu nhập từ “dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan”. Vì vậy, cơ sở pháp lý của mức thuế suất 5% trong các công văn này cần có hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính và cơ quan thuế có liên quan.</p>			

Thuế suất cho nhà đầu tư như nêu tại Bảng 14 nêu trên chỉ mang tính mô tả về thuế theo Pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư phải tự tìm hiểu về mức thuế thực áp dụng đối với trường hợp của mình và việc thu thuế tại nguồn sẽ được thực hiện phù hợp với Pháp luật áp dụng tại thời điểm đóng thuế, mức thuế này có thể khác biệt so với quy định nêu tại Bảng 14 nêu trên. Không có một thông báo nào về việc khác biệt giữa mức thuế phải đóng với mức thuế như nêu tại Bảng 14 sẽ được đưa ra, nhà đầu tư phải tự xin ý kiến tư vấn về thuế về trường hợp của mình.

XVI. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Năm Tài Chính của Quỹ kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

1. BÁO CÁO CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Hàng tháng, quý, năm VCBF sẽ gửi thông kê giao dịch, sao kê tài khoản giao dịch, tài khoản phụ, báo cáo giá trị NAV và các thay đổi NAV của Quỹ và các báo cáo khác theo luật định cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

Đối với nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, VCBF sẽ gửi thông kê giao dịch và sao kê tài khoản phụ nếu Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có yêu cầu bằng văn bản. Thời hạn cung cấp thông tin là trong vòng 5 (năm) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ.

2. BÁO CÁO QUỸ

VCBF sẽ công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các thông tin sau:

- a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán ;
- b. Báo cáo hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản lý Quỹ, theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu do SSC quy định.
- c. Bản cáo thống kê phí giao dịch của hoạt động đầu tư của quỹ hàng năm và bán niên.
- d. Báo cáo tài chính của Quỹ theo niên độ bán niên và cả năm theo mẫu SSC quy định.
- e. Báo cáo hoạt động của quỹ và thống kê phí giao dịch cũng sẽ được bổ sung vào Bản cáo bạch cập nhật sau một năm hoạt động và sẽ được cập nhật ít nhất một lần một năm.

3. BÁO CÁO BẤT THƯỜNG

Các báo cáo bất thường sẽ được cung cấp cho nhà đầu tư trong trường hợp có những diễn biến hoặc hoạt động bất thường của Quỹ phát sinh, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các báo cáo về việc phân phối lợi nhuận, báo cáo trước khi hợp nhất hoặc sát nhập quỹ hay sau các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư uỷ quyền cho Ban Đại Diện Quỹ

4. GỬI BÁO CÁO

Các báo cáo sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư thông qua trang thông tin điện tử của VCBF, hoặc gửi đến địa chỉ thư điện tử của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ. Các báo cáo sẽ được cung cấp tới các Đại Lý Phân Phối nếu có yêu cầu. Công bố thông tin sẽ được thực hiện trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính bán niên; và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền yêu cầu từ chối nhận các báo cáo này.

XVII. TÓM TẮT ĐIỀU LỆ

Điều Lệ của Quỹ bao gồm 13 chương, 63 điều và 3 phụ lục. Nội dung của Điều Lệ được tóm tắt như sau:

Chương I: Các quy định chung

Chương này cung cấp thông tin liên quan đến tên, địa chỉ, nguyên tắc tổ chức của Quỹ, đại diện theo pháp luật của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát của Quỹ. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng) khi thành lập và mỗi Đơn Vị Quỹ có cùng mệnh giá 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)

Chương II: Quy định về mục tiêu đầu tư, chính sách đầu tư và hạn mức đầu tư

Chương này quy định các mục tiêu, chiến lược và hạn mức đầu tư, hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ và phương pháp lựa chọn đầu tư. Nội dung của các quy định tại chương này cũng được quy định cụ thể tại Chương VI và Chương VII của Bản Cáo Bạch này.

Chương III: Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, Sổ Đăng Ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, Giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Quyền và nghĩa vụ của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đều được quy định cụ thể tại Chương này. Sổ Đăng Ký Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ chính hay còn gọi là Sổ Chính là tài liệu chứng nhận quyền sở hữu của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ đối với Chứng Chỉ Quỹ, lưu những thông tin cần thiết về Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và số lượng Đơn Vị Quỹ họ sở hữu. Thông tin về giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, phí, giá mua và bán Đơn Vị Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 16 và Điều 18 của Điều Lệ. Nội dung của 2 điều này cũng được phản ánh tại Chương X và Chương XII của Bản Cáo Bạch.

Chương IV: Đại Hội Nhà Đầu Tư

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ là Đại Hội Nhà Đầu Tư. Tất cả Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ trong Sổ Đăng Ký đều có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên hoặc bất thường. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức vào ngày 15 tháng 4 hàng năm. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường có thể được tổ chức theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ được tiến hành khi số lượng Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất 51,0% (năm mươi một phần trăm) của số lượng Đơn Vị Quỹ đang lưu hành. Nếu trong thời hạn 30 (ba mươi) phút kể từ thời

điểm đại hội được ấn định bắt đầu, mà số lượng tham dự cần thiết không đủ, đại hội sẽ không được tiến hành. Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất bị giải tán, cuộc họp đại hội lần thứ hai sẽ được tiến hành mà không cần đủ số lượng Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có mặt theo quy định trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đã định cho Đại Hội Nhà Đầu Tư lần thứ nhất.

Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền:

- a. Thông qua các sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Hợp đồng Giám sát;
- b. Thay thế Ngân Hàng Giám Sát.
- c. Thông qua những thay đổi cơ bản về chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ hoặc kế hoạch phân phối lợi nhuận;
- d. Thông qua việc hợp nhất hoặc sáp nhập Quỹ;
- e. Tạm dừng giao dịch Chứng Chi; chia tách Quỹ;
- f. Giải thể Quỹ;
- g. Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên Ban Đại Diện Quỹ; thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động thường niên của Quỹ;
- h. Thông qua việc tăng phí thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát;
- i. Chấm dứt và thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ;
- j. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp Luật.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b đến điểm i nêu trên nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Chương V: Ban Đại Diện Quỹ

Ban Đại Diện Quỹ được thành lập để đại diện cho quyền lợi của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và quyết định các vấn đề khác theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ban Đại Diện Quỹ sẽ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba thành viên độc lập với Công Ty Quản Lý Quỹ. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng các tiêu chí bao gồm có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cấm thành lập hoặc quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm, hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc có bằng cử nhân thuộc một trong các chuyên ngành đó.

Ban Đại Diện Quỹ sẽ thông qua danh sách tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; danh sách các ngân hàng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được ủy quyền đầu tư; các giao dịch tài sản của Quỹ trong thẩm quyền giao dịch của mình dưới dạng đàm phán và mua hoặc bán chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán không được đăng ký giao dịch, thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý các tổn thất phát sinh trong quá trình hoạt động, quyết

định các vấn đề xung đột giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám sát; yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời về Quỹ dưới quyền quản lý và giám sát.

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư và yêu cầu thông tin về Quỹ và việc thực thi các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư từ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thành viên của Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc miễn nhiệm trong một trong các trường hợp sau:

- a. miễn nhiệm theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. vi phạm một cách nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thích đáng;
- d. chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc các nguyên nhân khác theo quy định của Luật để thực hiện vai trò là thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. bị kiện cáo hoặc truy tố, hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác mà có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ

Một cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba thành viên có mặt, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất 51% (năm một phần trăm). Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập thành biên bản. Chủ tọa và thư ký được bổ nhiệm tại cuộc họp, nếu được bổ nhiệm, cùng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.

Chương VI. Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank, được thành lập theo giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 là Công Ty Quản Lý Quỹ của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm phải đáp ứng các yêu cầu:

1. Được thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
2. Độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để quản lý quỹ mở;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ.

Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm, hoạt động một cách công bằng và trung thực cho Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong các trường hợp mà xung đột lợi ích là không thể tránh khỏi. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị của mình có đầy đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà đầu tư và tuân thủ Điều lệ, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.

Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào chính Quỹ đó; sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà mình quản lý; sử dụng tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc khách hàng mình đang quản lý danh mục để đầu tư vào Quỹ; sử dụng tài sản

của Quỹ để cho vay hoặc đảm bảo bất kỳ khoản vay nào của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc bất kỳ người liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho mình hoặc cho người liên quan hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào khác; thực hiện bất cứ hoạt động vi phạm Pháp Luật nào khác và vi phạm các hạn chế trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:

- a. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
- b. Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi; hoặc
- c. Hợp nhất hoặc sáp nhập với một công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho công ty kế thừa của Công Ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.

Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

Chương VII: Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
2. Không được là người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký; và
4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ.

Ngân Hàng Giám Sát tại bất kỳ thời điểm nào phải hoạt động vì lợi ích của Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, giám sát việc quản lý tài sản của Quỹ và đảm bảo và chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với tài sản của Quỹ trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức lưu ký phụ. Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và hệ thống quản

trị có đủ năng lực và cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ và tuân thủ theo Pháp Luật, Điều Lệ và Hợp Đồng Giám Sát.

Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán;
- b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
- c. Quỹ bị giải thể;
- d. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất 6 (sáu) tháng cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chấm dứt hợp đồng giám sát nếu việc chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát cho ngân hàng giám sát mới do Quỹ lựa chọn được hoàn thành.

Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Công Ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyên nhượng. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.

Chương IX: Đại Lý Phân Phối

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chi Quỹ nếu tổ chức đó đáp ứng các điều kiện sau:

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chi quỹ với UBCKNN;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chi Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chi Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.

Hoạt động và nguyên tắc phân phối chứng chi quỹ được quy định chi tiết tại Điều 44 và 45 của Điều Lệ.

Chương X: Kiểm toán, Kế toán và chế độ Báo cáo

Công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn và Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền. Đồng tiền sử dụng trong kế toán và giao dịch của Quỹ là Đồng Việt Nam. Năm tài chính của Quỹ được xác định là năm dương lịch kết thúc ngày 31.12. Nếu Quỹ hoạt động dưới 3 tháng trong năm đầu tiên, năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ kết thúc vào ngày 31.12 của năm tiếp theo.

Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm tính toán NAV nhưng cũng có thể thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Phương pháp xác định NAV được đưa ra dựa trên hướng dẫn định giá được Công Ty Quản Lý Quỹ lập và được Ngân Hàng Giám Sát chấp nhận. Sở tay định giá quy định các nguyên tắc định giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán phái sinh và các tài sản khác. Những thay đổi trong hướng dẫn định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ đồng ý. Một Hội Đồng Định Giá sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ lập ra để xác định giá hợp lý trong trường hợp hướng dẫn định giá không có quy định hoặc quy định không rõ ràng.

Ngân Hàng Giám Sát phải xác nhận NAV và NAV trên một Đơn Vị Quỹ. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được bồi thường thiệt hại trong trường hợp các giao dịch được thực hiện dựa trên NAV không chính xác với sai số trên 0,75% (không phải bảy mươi lăm phần trăm) cho Quỹ trái phiếu và trên 1,0% (một phần trăm) cho Quỹ khác. Khi Quỹ bị định giá sai và gây thiệt hại cho Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ, Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ sẽ được Quỹ đền bù. Nếu Quỹ chịu thiệt hại, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ phải đền bù cho Quỹ.

Chương XII: Lợi nhuận và chi phí của Quỹ

Lợi nhuận được phân phối theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có sẵn lợi nhuận để phân phối và sau khi được Ban Đại Diện Quỹ thông qua. Lợi nhuận có thể được trả bằng tiền hoặc để Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ tái đầu tư vào Quỹ. Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ có quyền ghi rõ sự lựa chọn của mình là nhận tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ trong đơn đăng ký. Chi phí hoạt động của Quỹ được quy định chi tiết tại Điều 57 của Điều Lệ. Chương XII.2 của Bản Cáo Bạch cũng cung cấp thông tin chi tiết liên quan đến chi phí hoạt động của Quỹ.

Chương XIII: Các quy định khác

Hợp nhất, sát nhập hoặc chia tách Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua. Quỹ có thể được thanh lý và giải thể nếu Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định như vậy hoặc nếu NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng) trong vòng 6 (sáu) tháng liên tiếp.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải hành động một cách công bằng đối với tất cả Quỹ, và thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và có khả năng xảy ra. Trong trường hợp nảy sinh xung đột lợi ích, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại Diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

Sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trừ trường hợp việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật hoặc chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay

đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Điều Lệ Quỹ có hiệu lực trong thời gian không xác định.

11/2015

XVIII. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Cơ sở pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của Quỹ là các văn bản pháp lý sau:

1. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ngày 23 tháng 9 năm 2013.
4. Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011
5. Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ ngày 5 tháng 9 năm 2011;
6. Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty Quản lý Quỹ ngày 05 tháng 12 năm 2012;
7. Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 15 tháng 4 năm 2009.
8. Thông tư 213/2012/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 6 tháng 12 năm 2012.
9. Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở ngày 15 tháng 11 năm 2012.
10. Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng về Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2009;
11. Thông tư 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 5 tháng 4 năm 2012.
12. Các văn bản pháp lý liên quan khác.

XIX. LIÊN LẠC

Để biết thêm thông tin chung, xin liên hệ:

Công Ty Liên Doanh Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng khoán Vietcombank
Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank
198 Trần Quang Khải
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 3 936 4540
Fax: (84-4) 3 936 4542

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Tầng 14, Tòa nhà Centec
72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-8) 3 8270 750
Fax: (84-8) 3 8270 751

Với các câu hỏi về sản phẩm và dịch vụ, xin liên hệ:

Nhân viên Quan hệ Khách hàng
Email: Investor@vcbf.com hoặc NhaDauTu@vcbf.com
Điện thoại: (84-8) 3 8270 750

XX. CAM KẾT

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ở đây và các tài liệu đính kèm.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ



Avinash Deepak Satwalekar
Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC

1. Đơn Đăng Ký Mở Tài Khoản và Các Mẫu Biểu Giao Dịch
2. Danh sách các Điểm Nhận Lệnh và Địa điểm cung cấp Bản Cáo Bạch
3. Cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam
4. Điều Lệ Quỹ được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư ngày 15 tháng 4 năm 2014 và có hiệu lực vào ngày 16 tháng 4 năm 2014

PHỤ LỤC 1
ĐƠN ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN VÀ CÁC MẪU
BIỂU GIAO DỊCH



PHIẾU LỆNH MUA/ SUBSCRIPTION ORDER

QUỸ MỞ CỦA VCBF/VCBF OPEN-ENDED FUNDS

(Nhà phân phối sẽ điền vào) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi đăng ký mua thêm Đơn vị Quỹ mở của VCBF
I/we apply for additional Units in VCBF Open-Ended Funds
Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị Quỹ của Tôi/Chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh mua này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn.

Please complete this order form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Tôi/Chúng tôi yêu cầu đầu tư vào các Quỹ mở sau của VCBF:

I/we request investment in the following Open-Ended Funds of Vietcombank Fund Management:

Tên Quỹ/Fund Name

Số tiền đầu tư (bằng số)^{*)} Investment
Amount (in numbers) *)

*)bằng đồng Việt Nam đã bao gồm phí đăng ký mua /amount in Vietnam Dong including subscription fee

NGUỒN VỐN VÀ CHI TIẾT THANH TOÁN/SOURCE OF FUNDS AND PAYMENT DETAILS

Nguồn vốn/Source of funds

Vui lòng đánh dấu vào ô mô tả chính xác nhất nguồn vốn của khoản đầu tư này hoặc ghi rõ nếu là nguồn khác:
Please tick the box that best describes the source of funds for this investment or specify if other:

Thu nhập từ lương
Employment income

Tiền gửi ngân hàng/tiền tiết kiệm
Bank deposit/savings account

Bán tài sản/bất động sản
Asset/Property sale

Thừa kế
Inheritance

Ghi rõ nếu là nguồn khác:
If other please specify:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date (dd/mm/yyyy)

Khoản đầu tư sẽ được trả vào
The Investment Amount will be paid on

từ tài khoản ngân hàng của tôi/
from my/our following bank account:

Tên tài khoản/Account Name:

Tên ngân hàng/Chi nhánh/Bank Name / Branch

Số tài khoản /Account Number:

Mã SWIFT / BIC/Bank SWIFT / BIC Code:

Số thanh toán /Remittance Number:

Số tham chiếu lệnh thanh toán / Remittance Reference:

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ/SIGNATURES AND DECLARATIONS

- Tôi/Chúng tôi ở đây xác nhận rằng tôi/chúng tôi là người được hưởng lợi của các Đơn vị Quỹ đã được mua hoặc thông tin về người được hưởng lợi được nêu tại Đơn Đăng Ký.
I/we hereby confirm that I/we are the beneficial owner of the Units being purchased or the beneficial owner is as stated in Application Form
- Tôi/Chúng tôi đăng ký mua Đơn vị của (các) Quỹ như đã chỉ rõ, và xác nhận rằng đã nhận được, đọc và hiểu (các) tài liệu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư có liên quan đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho (các) quỹ tương ứng, và chấp nhận Điều lệ, các điều khoản và điều kiện chi tiết trong Bản Cáo Bạch và Đơn Đăng Ký.
I/we apply for Units of the fund(s) indicated, and confirm having received, read and understood the relevant investor information document(s) especially the objectives and investment policy (ies), the risk factors and the charges applicable to the relevant fund(s), and individually accept the charter, terms and conditions detailed in the Prospectus and Application.

Nhà đầu tư /Người đại diện được ủy quyền thứ nhất /Account Holder/1st
Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai / 2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối /Distributor Name:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận /Time and Date received

Thời gian và ngày chuyển /Time and Date Transmitted



LỆNH BÁN/REDEMPTION ORDER

(Nhà phân phối sẽ điền) (to be inserted by Distributor)

QUỸ MỞ CỦA VCBF/VCBF OPEN-ENDED FUNDS

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi đăng ký bán Đơn vị Quỹ mở của VCBF
I/We apply for a redemption of VCBF Open-Ended Fund

Vui lòng điền đầy đủ lệnh bán này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn. Please complete this redemption order in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị Quỹ của Tôi/Chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Tôi/Chúng tôi yêu cầu bán Đơn vị của các Quỹ mở sau của VCBF:

I/we request the redemption of the following Open-Ended Fund Units of Vietcombank Fund Management:

Vui lòng ghi rõ số tiền muốn được trả sau khi bán HOẶC số lượng đơn vị quỹ muốn bán

Please indicate EITHER the redemption amount that is to be paid OR the number of units to be redeemed:

Tên Quỹ/Fund Name	Trị giá bán ¹⁾ /Redemption Amount ¹⁾	HOẶC OR	Số lượng Đơn vị Number of Units	HOẶC OR	Tất cả Đơn vị All Units
					<input type="checkbox"/>

1) Bằng tiền Đồng, không bao gồm các loại phí bán và thuế/ In Vietnam Dong, exclusive of redemption fee and taxes

CHỮ KÝ/SIGNATURES

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất /Account Holder/1st
Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai / 2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Tên Đại lý phân phối /Distributor Name:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận /Time and Date received

Thời gian và ngày chuyển /Time and Date Transmitted



LỆNH CHUYỂN ĐỔI/SWITCHING ORDER

(Nhà phân phối sẽ điền) (to be inserted by Distributor)

QUỸ MỞ CỦA VCBF/VCBF OPEN-ENDED FUNDS

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi đăng ký chuyển đổi Đơn vị Quỹ mở của VCBF
I/We apply for a switch of Units in VCBF Open-Ended Funds
Số tài khoản Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của tôi/chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh chuyển đổi này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn đã được điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn. Please complete this order form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Tôi/Chúng tôi yêu cầu chuyển đổi từ Đơn vị của các Quỹ mở sau của VCBF:

I/we request switching out of the following Open-Ended Funds of Vietcombank Fund Management:

Xin ghi rõ số tiền muốn được chuyển đổi HOẶC số lượng đơn vị quỹ muốn chuyển đổi:

Please indicate the amount that is to be switched out OR the number of units to be switched out:

Tên Quỹ/Fund Name	Khoản tiền muốn chuyển đổi ¹⁾ /Switch out Amount ¹⁾	HOẶC OR	Số lượng Đơn vị Number of Units	HOẶC OR	Tất cả Đơn vị All Units
					<input type="checkbox"/>

1) Bằng tiền Đồng, không bao gồm các loại phí chuyển đổi và thuế/In Vietnam Dong, exclusive of any applicable switching fee and taxes

VÀ/AND

Tôi/Chúng tôi yêu cầu chuyển đổi sang (mua) Đơn vị của các Quỹ mở sau của VCBF:

Tên Quỹ/Fund Name

I/we request the proceeds to be switched in (invested) in the following Open-Ended Funds of Vietcombank Fund Management:

CHÍNH SÁCH CỔ TỨC CỦA VIỆC CHUYỂN ĐỔI QUỸ/ DIVIDEND POLICY OF SWITCH IN FUND

Vui lòng chỉ rõ nếu bạn muốn trả cổ tức vào tài khoản hay tái đầu tư:

Please specify if you wish to have dividends paid to your account or to have dividends reinvested:

Trả vào tài khoản
Paid to bank account

Tái đầu tư
Reinvested

Xin lưu ý cổ tức sẽ được tái đầu tư nếu không phương án nào được lựa chọn
Please note that dividends will be reinvested if no choice is made.

CHỮ KÝ/SIGNATURES

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất /Account Holder/1st
Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai / 2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign.

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối /Distributor Name:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:



LỆNH CHUYỂN NHƯỢNG/TRANSFER ORDER

(Nhà phân phối sẽ điền) (to be inserted by Distributor)

QUỸ MỞ CỦA VCBF
VCBF OPEN-ENDED FUNDS

SỐ ĐĂNG KÝ:
APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi đăng ký chuyển nhượng Đơn vị Quỹ mở của VCBF
I/we apply for a transfer of Units in VCBF Open-Ended
Các Quỹ/Funds.
Số tài khoản Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của tôi/chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh chuyển nhượng này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển lệnh đã được điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn.
Please complete this order form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Tôi/Chúng tôi yêu cầu chuyển nhượng quyền sở hữu đơn vị của các Quỹ mở sau của VCBF:
I/we request the transfer of ownership of Units of the following Open-Ended Funds of Vietcombank Fund Management:

Tên quỹ/Fund Name	Số lượng Đơn vị /Number of Units
-------------------	----------------------------------

VÀ Tôi/Chúng tôi yêu cầu chuyển nhượng quyền sở hữu đơn vị của các Quỹ mở sau của VCBF nêu trên cho:
AND I/we request the transfer of ownership of Units of the above Open-Ended Funds of Vietcombank Fund Management to:

CHỦ TÀI KHOẢN CÁ NHÂN
INDIVIDUAL ACCOUNT HOLDER

hoặc/or

CHỦ TÀI KHOẢN TỔ CHỨC
INSTITUTIONAL ACCOUNT HOLDER

Ông/Mr. Bà/Ms. |

Dành cho cá nhân: Họ /Tên/For individuals: Last / Given
Name

For Institutional: Company Names

Xin đánh dấu vào ô mô tả chính xác nhất lý do chuyển nhượng / Please tick the box that best describes the reason for the transfer:

Quà tặng / Gift Thừa kế / Inheritance Theo lệnh của tòa / By court order *) Khác (xin nêu rõ): / Other (please specify):

*) Xin cung cấp giấy tờ liên quan/Please provide supporting documentation

ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN/ACCOUNT REGISTRATION

Người nhận hiện không phải là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của VCBF và Đơn Đăng Ký hoàn chỉnh được đính kèm/The recipient is not an existing Unitholder of VCBF funds and a completed Application Form is attached.

Người nhận hiện là Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của các Quỹ của VCBF với (các) số Tài khoản Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ/The recipient is an existing Unitholder of VCBF funds with Unitholder Account Number(s):

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ/SIGNATURES AND DECLARATIONS

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất /Account Holder/1st
Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai / 2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối /Distributor Name:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận /Time and Date received

Thời gian và ngày chuyển /Time and Date Transmitted



PHIẾU THAY ĐỔI CHI TIẾT ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ CHANGE OF INVESTOR REGISTRATION DETAILS

(Nhà phân phối sẽ điền) (to be inserted by Distributor)

QUỸ MỞ CỦA VCBF/VCBF OPEN-ENDED FUNDS

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi đề nghị thay đổi thông tin đăng ký của tôi/chúng tôi
I/we request a change of my/our registration details.
Số tài khoản Người Sở Hữu Đơn Vị Quỹ của tôi/chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ phiếu đăng ký này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn.
Please complete this form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Tôi/Chúng tôi yêu cầu sửa các chi tiết sau trong đơn đăng ký của tôi/chúng tôi:

I/we request the following details of my/our application form to be amended:

Xin chọn ô thích hợp những thay đổi liên quan đến đơn đăng ký mà bạn muốn thay đổi.

Vui lòng **CHỈ** điền các chi tiết thay đổi. Các phần không có thay đổi gì đề nghị **BỎ TRỐNG** hoặc **GẠCH ĐI**.

Please tick as appropriate which changes to your application form you wish to have amended.

Please enter **ONLY** the details of the Investor Registration details that are to be amended.

All sections not requiring amendment are to be left **BLANK** or **DELETED**.

1. Thay đổi địa chỉ:
Address Change:

2. Thay đổi ngân hàng:
Bank Change:

3. Thay đổi khác:
Other Changes:

1. THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ/CHANGE OF ADDRESS

Tôi/Chúng tôi đề nghị cập nhật chi tiết địa chỉ/liên hệ của tôi/chúng tôi (xin chọn và điền vào ô thích hợp)

I/we request to update the address/contact details of my/our (please tick and complete as appropriate):

Chủ tài khoản (dành cho các nhà đầu tư cá nhân)
Account Holder (for individual investors)

Địa chỉ đăng ký Trụ sở chính (dành cho các nhà đầu tư tổ chức)
Registered Head Office Address (for institutional investors)

bao gồm địa chỉ cư trú địa chỉ cư trú địa chỉ thư tín được điều chỉnh như sau:
of which the residential address correspondence address is to be amended as follows:

Địa chỉ mới (số nhà, đường, quận, huyện, mã bưu chính (nếu có), tỉnh, nước)
New Address (house number, street, district, town, postcode (if any) province, country)

Số điện thoại chính
Primary telephone number

Số điện thoại phụ
Alternate telephone or fax no.

Email
E-Mail address

Người nhận (tên *):
Attention to contact person (name)*:

*) chỉ áp dụng cho các nhà đầu tư tổ chức/applicable for institutional investors only

Các bảng sao kê và báo cáo sẽ được gửi đến (xin chọn ô phù hợp)
Statements and reports are to be sent to (please tick as appropriate):

Địa chỉ thư tín ở trên
Mailing address above:

Địa chỉ email
E-mail address:

2. THAY ĐỔI TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG/CHANGE OF BANK ACCOUNT

Tôi/Chúng tôi đề nghị tài khoản ngân hàng của tôi/chúng tôi cho tất cả các thanh toán được thay bằng tài khoản sau:

I/we request my/our bank account for all payments to be changed to the following account:

Tên tài khoản (phải là tên của Chủ Tài khoản)/ Account Name
(must be name of Account Holder):

Tên ngân hàng/Chi nhánh/Bank Name / Branch

Số tài khoản Account Number:

Mã SWIFT/BIC Bank SWIFT / BIC Code:

3. CÁC THAY ĐỔI KHÁC*/OTHER CHANGES *

*) Đối với những thay đổi chi tiết của tài khoản này, tài liệu bổ sung có thể được yêu cầu, vui lòng liên hệ với nhà phân phối để biết thêm chi tiết.

Supporting documents may be required for changes to these account details; please contact your distributor for details.

Tôi/chúng tôi đề nghị thay đổi chi tiết của tài khoản như sau (xin đánh dấu và điền vào ô thích hợp):
I/we request that the following change(s) is (are) made to by account details (please tick and complete as appropriate):

3.1 Thay đổi đại diện được ủy quyền (chỉ dành cho các nhà đầu tư tổ chức)/Change of Authorised Representative (for institutional investors only)

Người đại diện được ủy quyền
thứ nhất
1st Authorised Representative

Người đại diện được ủy quyền thứ hai (chỉ dành cho các nhà đầu tư tổ chức)
2nd Authorised Representative (for institutional investors only)

Họ
Family Name

Tên
Given Names

Ông/Bà
Mr./Ms.

Ngày sinh
(ngày/tháng/năm)
Date of Birth (dd/mm/yyyy)

3.2 Thay đổi ủy quyền/Change of Authorisation

Chúng tôi xác nhận rằng người đại diện được ủy quyền có thể ký chỉ định giao dịch/We declare that authorised representatives may sign transaction instructions

Riêng/Separately
hoặc/or

Chung/Jointly

3.3 Thay đổi chính sách cổ tức/Change of Dividend Policy

Dành cho Tất cả quỹ, hoặc chỉ cho quỹ:
For all funds, or only for the fund:

Tên quỹ/fund name:

Tôi/chúng tôi muốn các cổ tức:
I/we wish to have dividends:

Trả vào tài khoản
Paid to bank account

Tái đầu tư
Reinvested

3.4 Thay đổi những người được hưởng lợi/Change of Beneficial Owners

Tôi/chúng tôi xác nhận rằng những Người được hưởng lợi sau cho tài khoản của tôi/chúng tôi không còn là người được hưởng lợi cho tài khoản của tôi/chúng tôi.

I/we declare that the following Beneficial Owners of my/our account is no longer a beneficial owner of my/our account.

Họ/Family Name

Tên/Given Names

Ông/Bà/Mr./Ms.

và không có người được hưởng lợi mới
and there is no new beneficial owner

và người được hưởng lợi mới là:
and the new beneficial owner is as follows:

Họ/Family Name

Tên/Given Names

Ông/Bà/Mr./Ms.

Địa chỉ cư trú/ Residential Address

Sinh tại quốc gia (viết tên nước tiếng Anh nếu không phải Việt Nam)
Country of birth (write in English if not Vietnam)

Nơi sinh
Place of birth

Ngày sinh
(ngày/tháng/năm)
Date of Birth (dd/mm/yyyy)

Quốc tịch/Nationality

Số CMND/ Số hộ chiếu/ID card number/Passport Number

3.5 Thay đổi tình trạng Bên liên quan/Change of Status of Related Parties ("PEP")

Tôi/Chúng tôi không còn là bên liên quan đến VCBF
I/We are no longer a Related Party to Vietcombank Fund Management

Xin đánh dấu vào ô này nếu bạn trở thành bên liên quan đến VCBF, nghĩa là bạn trở thành nhân viên hay Thành viên Hội Đồng Quản Trị, hay có trực tiếp liên quan (cha mẹ, anh em ruột, con cái) với nhân viên hay Thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc trong trường hợp nhà đầu tư tổ chức là công ty con của VCBF và cung cấp chi tiết bên dưới:
Please tick this box if you have become a related party to Vietcombank Fund Management, meaning that you have become an employee or a Board member, or are directly related (parents, siblings, children) to an employee or Board member or in the case of an institutional investor is an affiliated company to Vietcombank Fund Management and provide details below:

Tên bên liên quan/Related Party Name:

Mối quan hệ với VCBF/Relationship to Vietcombank Fund Management

3.6 Thay đổi tình trạng ảnh hưởng chính trị/Change of Status of Political Exposed Person ("PEP")

Tôi/Chúng tôi không còn là Người có ảnh hưởng chính trị ("PEP")
I/We are no longer a Political Exposed Person ("PEP")

Vui lòng đánh dấu vào ô này nếu nhà đầu tư hoặc người được hưởng lợi đã trở thành Người có ảnh hưởng chính trị ("PEP"), có nghĩa là họ hoặc người có liên quan với họ có vị trí quan trọng đối với công chúng, như là quan chức cấp cao của chính phủ, lãnh đạo công ty quốc doanh hoặc tổ chức quốc tế và cung cấp các thông tin về PEP dưới đây:
Please tick this box if any investor or beneficial owner has become a Political Exposed Person ("PEP"), meaning that they or their related person hold an important public function in the public interest, such as a senior government official, leader of state-owned company or international organisation and provide details of the PEPs below:

PEP 1:

Họ/Family Name:

Tên/Given Names:

PEP 2:

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ/SIGNATURES AND DECLARATIONS

Tôi/Chúng tôi ở đây xác nhận rằng các thông tin trên là chính xác, và yêu cầu thay đổi đăng ký của tôi/chúng tôi
I/we hereby confirm that the above information is correct, and request amendment of my/our registration.

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất / Account Holder/
1st Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai /2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.
Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối/Distributor Name:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận /Time and Date received

Thời gian và ngày chuyển /Time and Date Transmitted



PHIẾU HỦY LỆNH/CANCELLATION ORDER

QUỸ MỞ CỦA VCBF/VCBF OPEN-ENDED FUNDS

(Nhà phân phối sẽ điền) (to be inserted by Distributor)

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi đăng ký hủy (những) Lệnh sau của Đơn vị Quỹ mở của VCBF

I/We request the following Order(s) for Units in open-ended funds of Vietcombank Fund Management is cancelled.

Xin điền đầy đủ phiếu này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển phiếu đã được điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn. Please complete this form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Số tài khoản Người sở hữu đơn vị quỹ của tôi/chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Tôi/Chúng tôi không có số tài khoản Người sở hữu đơn vị quỹ
I/We do not have a Unitholder Account Number.

Tôi/Chúng tôi yêu cầu hủy (những) Lệnh sau cho các Quỹ mở của VCBF (xin đánh dấu và điền vào ô thích hợp):

I/we request the following Order(s) for Open-Ended Funds of Vietcombank Fund Management is cancelled (please tick box and complete as appropriate):

Loại lệnh/Order Type: Ngày đặt lệnh/Date of Order (dd/mm/yyyy): Số đơn/Application Number:

<input type="checkbox"/> Lệnh mua Subscription Order		
<input type="checkbox"/> Lệnh bán Redemption Order		
<input type="checkbox"/> Lệnh chuyển đổi Switching Order		
<input type="checkbox"/> Lệnh chuyển nhượng Transfer Order		

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ/SIGNATURES AND DECLARATIONS

1. Tôi/Chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đề nghị hủy (những) Lệnh trên đây.
I/we confirm that I/we request to cancel the above Order.

2. Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc hủy (những) Lệnh trên chỉ có thể thực hiện được nếu Lệnh hủy được Đại lý Chuyển nhượng nhận trước thời gian đóng sổ lệnh vào ngày Giao dịch. Những Lệnh hủy nhận được sau thời gian đóng sổ lệnh không thể thực hiện được và những Lệnh mà tôi/chúng tôi đã đặt sẽ được thực hiện mặc dù Lệnh hủy đã được đưa ra.
I/We understand that the cancellation of the above Order(s) can only occur if this Cancellation Order is received by the Transfer Agent prior to the time that the order book is closed for the Trading Day on which the Orders I/we wish to cancel are to be executed. Cancellation Orders received after this time cannot be implemented, and the Orders I/we have already given will be executed although this Cancellation Order has been made.

3. Tôi/ Chúng tôi xác nhận rằng khoản thanh toán mà tôi/chúng tôi đã chuyển cho Ngân Hàng Giám Sát cho một Lệnh đã bị hủy căn cứ trên Lệnh hủy này sẽ được hoàn trả sau khi trừ phí liên quan tới tài khoản ngân hàng mà tôi/chúng tôi đã thực hiện thanh toán.
I/ We hereby confirm that any bank payment received by the Supervising Bank for an Order that is cancelled by way of this Cancellation Order shall be repaid net of charges to my/our bank account from which the payment was made.

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất /Account Holder/1st
Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai / 2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:

(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối /Distributor Name:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận /Time and Date received

Thời gian và ngày chuyển /Time and Date Transmitted



THỎA THUẬN CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ SYSTEMATIC INVESTMENT PLAN AGREEMENT

QUỸ MỞ CỦA VCBF
VCBF OPEN-ENDED FUNDS

SỐ ĐĂNG KÝ:
APPLICATION NUMBER:

(Nhà phân phối sẽ điền)
(to be inserted by Distributor)

Tôi/Chúng tôi muốn ký kết Thỏa thuận Chương trình Đầu tư Định kỳ với VCBF về quỹ mở.
I/We wish to enter a Systematic Investment Plan Agreement with Vietcombank Fund Management for open-ended funds.
Số Tài khoản Người Sở hữu đơn vị quỹ của tôi/chúng tôi là:
My/Our Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ đăng ký này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn đã được điền đầy đủ này cho Đại lý Phân phối của bạn.
Please complete this form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

Tôi/Chúng tôi không có Số Tài khoản Người Sở hữu Đơn vị quỹ
I/We do not have a Unitholder Account Number.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ/SYSTEMATIC INVESTMENT PLAN

Tôi/Chúng tôi muốn tham gia Chương trình Đầu tư Định kỳ với thời hạn ít nhất là 12 tháng để đầu tư vào (những) quỹ sau:
I/We wish to enter the Systematic Investment Plan for a period of at least 12 months to invest in the following fund(s):

Tên quỹ/Fund Name

Khoản đầu tư (bằng số) */ Investment Amount (in numbers) *

*) bằng đồng Việt Nam bao gồm phí mua/amount in Vietnam Dong including subscription fee

Tôi/Chúng tôi sẽ sắp xếp để việc thanh toán cho Chương trình Đầu tư Định kỳ được nhận vào ngày thứ 10 của:
I/We will arrange for the payments for this Systematic Investment Plan to be received on the 10th day of:

mỗi tháng:
every month:

mỗi quý:
every quarter:

Tôi sẽ thanh toán từ tài khoản của tôi với:
I/will make payments from my account with:

chỉ định ngân hàng tự động thanh toán*):
standing instructions to the bank *):

sắp xếp khác:
other arrangements:

Chương trình Đầu tư Định kỳ của tôi/chúng tôi sẽ bắt đầu:
My/our Systematic Investment Plan will commence:

vào ngày ký bên dưới
on the date of signature below:

từ
from
(ngày/tháng/năm)
(dd/mm/yyyy)

*) xem bản ví dụ ở trang kèm theo
*)see sample attached on next page

CHỮ KÝ VÀ TUYÊN BỐ/SIGNATURES AND DECLARATIONS

- Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng Chương trình Đầu tư Định kỳ của tôi/chúng tôi cho khoảng thời gian 12 tháng từ lúc bắt đầu và sẽ được giảm 20% của phí mua với điều kiện các khoản thanh toán được thực hiện vào các thời điểm thỏa thuận trong 12 tháng này.
I/We hereby agree that my/our Systematic Investment Plan is a commitment for a period of 12 months from the date of commencement, and that the rebate of 20% of the subscription fees is granted on condition that payments are made at the agreed periods for this 12 month period.
- Tôi/Chúng tôi đồng ý không làm gián đoạn Chương trình Đầu tư Định kỳ cho 12 tháng kể từ lúc bắt đầu chương trình. Nếu vì bất kỳ lý do gì, các thanh toán theo Chương trình Đầu tư Định kỳ này không được thực hiện cho giai đoạn 12 tháng này, khi những Đơn vị quỹ này được bán ra, các Đơn Vị Quỹ này sẽ phải chịu phí bán cùng với khoản phí 0.4% trên tài sản ròng của các Đơn Vị Quỹ đã mua theo Chương trình Đầu tư Định kỳ.
I/we hereby agree not to discontinue the Systematic Investment Plan for 12 months from the date of its commencement, and if, for any reason, payments due under this Systematic Investment Plan are not made during this 12 month period, an exit fee of 0.4% of the Net Asset Value of all Units purchased under the Systematic Investment Plan shall be deducted in addition to the redemption fee when these Units are redeemed.
- Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng việc chuyển đổi các Quỹ đã mua theo Chương trình Đầu tư Định kỳ sẽ làm gián đoạn Chương trình Đầu tư Định kỳ.
I/We hereby agree that a switching of Funds purchased under the Systematic Investment Plan will constitute a discontinuation of the Systematic Investment Plan.

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất /Account Holder/1st
Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai / 2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/DISTRIBUTOR DETAILS

Mã số Đại lý phân phối/Distributor Number:

Tên Đại lý phân phối /Distributor Name:

Tên và Chữ ký của Nhân viên Phân phối:
Name and Signature of Distributor Officer:

Nhân viên nhận lệnh/Name of Person receive the Order:

Nhân viên kiểm soát/Name of Supervisory Officer:

Thời gian và ngày nhận /Time and Date received

Thời gian và ngày chuyển /Time and Date Transmitted



MẪU LỆNH GIAO DỊCH CHỈ ĐỊNH CỦA NGÂN HÀNG CHO CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ
SAMPLE STANDING BANK SYSTEMATIC INVESTMENT PLAN

(Nhà phân phối sẽ điền) (to be inserted by Distributor)

QUỸ MỞ CỦA VCBF/VCBF OPEN-ENDED FUNDS

SỐ ĐĂNG KÝ:

APPLICATION NUMBER:

Tôi/Chúng tôi yêu cầu các chỉ định thanh toán định kỳ dưới đây cho chương trình đầu tư định kỳ của Tôi/Chúng tôi vào Quỹ mở của VCBF

I/We request the following standing payment instructions for my/our systematic investment plan in open-ended funds of Vietcombank Fund Management.

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị Quỹ của tôi/chúng tôi là:
 My/Our Unitholder Account Number is:

Vui lòng điền đầy đủ lệnh này bằng chữ viết hoa và mực đen hoặc xanh, và ký vào tất cả các chỗ theo yêu cầu. Vui lòng chuyển đơn điền đầy đủ này cho Đại Lý Phân Phối của bạn. Please complete this form in full using BLOCK capitals and black or blue ink, and sign it at the places indicated. Please return the completed form to your Distributor.

(Vui lòng kiểm tra với ngân hàng của bạn xem họ có chấp nhận mẫu lệnh giao dịch có chỉ định này hay không hay Ngân hàng của bạn có mẫu lệnh chuẩn riêng cho giao dịch có chỉ định)
 (Please check with your bankers whether they support standing instructions or have standard forms for standing instructions.)

Gửi đến/To:

(Xin điền: Tên Ngân hàng và địa chỉ)
 (Insert: Bank name and address)

Tôi/Chúng tôi yêu cầu ngân hàng thực hiện các giao dịch có chỉ định sau cho tài khoản của tôi/chúng tôi:
 I/we hereby request you to implement the following standing instructions for my/our account:

Tên tài khoản/Account Name:

Số tài khoản/Account Number:

cho (các) thanh toán sau đến/for the following payment(s) to:

Người nhận (Họ tên)
 Recipient (Fund Name)

Số tài khoản ngân hàng
 Bank Account Number

Số tiền
 (bằng đồng Việt Nam)
 Amount (in Vietnam Dong)

--	--	--

Số tài khoản Người sở hữu Đơn vị
 Quỹ/Unitholder Account Number:

và/and tham chiếu khác (không bắt buộc)/additional reference (optional):

Mã tham
 chiếu/with the
 reference:

Ngày(ngày/tháng/năm)
 Date: (dd/mm/yyyy)

(Các) thanh toán trên được thực hiện định kỳ theo
 The payment(s) above is/are to be executed every

tháng/
 month

quý, bắt đầu từ/quarter,
 beginning on:

để thanh toán được trả vào tài khoản ngân hàng nêu trên của Quỹ trễ nhất vào ngày thứ 10 hàng tháng hoặc vào ngày thứ 10 của tháng đầu tiên của mỗi quý cho việc thanh toán hàng quý.

so that the payment is received on the above Bank Account for the Fund at the latest on the 9th day of every month or, for quarterly payments, on the 9th day of the beginning of the month of each quarter.

Nhà đầu tư / Người đại diện được ủy quyền thứ nhất
Account Holder/1st Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Người đại diện được ủy quyền thứ hai
2nd Authorised representative:

Họ tên/Full name:
(bằng chữ/in writing)

Chữ ký/Signature:

Địa điểm/Place:

Ngày(ngày/tháng/năm)
Date: (dd/mm/yyyy)

Lưu ý: Trong trường hợp đồng ủy quyền cho Người đại diện được ủy quyền, tất cả các Người đại diện được ủy quyền đều phải ký.

Note: In case of joint authorisation of authorised representatives, all representatives must sign

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

PHỤ LỤC 2

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM NHẬN LỆNH VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH

Danh sách các Điểm Nhận Lệnh

STT	Điểm Nhận Lệnh	Địa chỉ	Liên hệ
1	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Trụ sở chính TP Hồ Chí Minh	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-4) – 3824 2897 Fax: (84-4) – 3824 2997
2	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội	1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4) – 3936 6321 Fax: (84-4) – 3936 6311
3	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn Phòng Giao dịch Trần Bình Trọng, Hà Nội	25 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4) 3941 3382 Fax: (84-4) 3941 3385
4	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, Chi nhánh Mỹ Đình, Hà Nội	Tầng G, Tòa nhà The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	Tel: (84-4) 3794 6699 Fax : (84-4) 3794 6677
5	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, Chi nhánh Nguyễn Công Trứ, TP Hồ Chí Minh.	92-94-96-98 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Nghé, Q1, TP Hồ Chí Minh	Tel : (08) 3821 8567 Fax : (08) 3821 3867
6	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, Chi nhánh Hải Phòng	22 Lý Tự Trọng, Hồng Bàng, Hải Phòng	Tel : (031) 3569123 Fax : (031) 3569130
7	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, Chi nhánh Nha Trang	Tầng 3, Cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, Nha Trang	Tel : (058) 3816969 Fax : (058) 381 6968
8	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn, Chi nhánh Vũng Tàu	4 Lê Lợi, TP Vũng Tàu	Tel : (064) 3521 906 Fax : (064) 3521 907
9	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Trụ sở chính tại Hà Nội	Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4) 3936 6990 Fax: (84-4) 3936 0262
10	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8) 3820 8116 Fax: (84-8) 3820 8117
11	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 10 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8)3829 7245 Fax: (84-8)3829 7228
12	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	ĐT: (84-4) 39368547 Fax: (84-4) 38241395
13	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh Hà Nội	11B Phố Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội.	ĐT: (84-4) 39746666 Fax: (84-4) 39747065
14	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh Dịch vụ khách hàng đặc biệt	Số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.	ĐT: (84-4) 39343137 Fax: (84-4) 39360049
15	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh Phú Thọ	Số 664 Sư Vạn Hạnh, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.	ĐT: (84-8) 38624807 Fax: (84-8) 38624804
16	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh Bình Tây	129 - 129A Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	ĐT: (84-8) 39600477 Fax: (84-8) 39606217

Địa điểm cung cấp Bản Cáo Bạch

STT	Địa điểm cung cấp Bản Cáo Bạch	Địa chỉ	Liên hệ
1	Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Trụ sở chính tại Hà Nội	Tầng 15, Cao ốc Vietcombank 198 Trần Quang Khải Hà Nội, Việt Nam	Tel: (84-4) 3 936 4540 Fax: (84-4) 3 936 4542
2	Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Tầng 14, Tòa nhà Centec 72 – 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tel: (84-8) 3 827 0750 Fax: (84-8) 3 827 0751
3	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Trụ sở chính TP Hồ Chí Minh	72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-4) 3824 2897 Fax: (84-4) 3824 2997
4	Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn – Chi nhánh Hà Nội	1C, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4) 3936 6321 Fax: (84-4) 3936 6311
5	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Trụ sở chính tại Hà Nội	Tầng 12, Vietcombank Tower, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tel: (84-4)3936 6990 Fax: (84-4)3936 0262
6	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1, toà nhà Green Star, số 70 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8) 3820 8116 Fax: (84-8)3820 8117
7	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 10 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 TP. Hồ Chí Minh	Tel: (84-8)3829 7245 Fax: (84-8)3829 7228



PHỤ LỤC 3
CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM

CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ

6 tháng đầu năm 2013

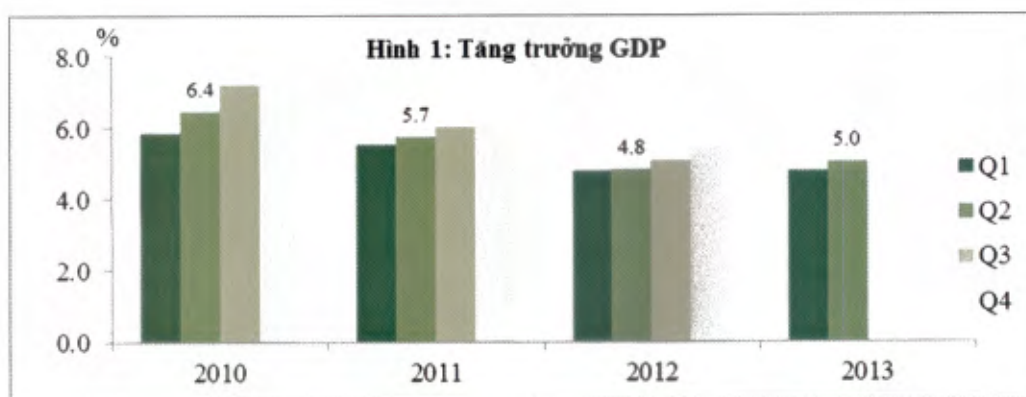
Mục Lục

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ.....	3
1. TĂNG TRƯỞNG GDP	3
2. LẠM PHÁT, CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VÀ TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG.....	5
3. THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP TỪ NƯỚC NGOÀI	6
4. TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI.....	7
5. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KHÁC	8
6. TRIỂN VỌNG.....	9
2. THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU.....	10
3. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU.....	13
1. TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ	13
3.1.1 Thị trường sơ cấp.....	13
3.1.2 Thị trường thứ cấp.....	15
3.1.3 Lợi suất trái phiếu.....	16
2. TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	16
3. TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP.....	16

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tăng trưởng GDP

Trong nửa đầu năm 2013, kinh tế tuy có dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn còn chậm do những khó khăn nội tại và ảnh hưởng của kinh tế thế giới. Trong khi nhu cầu nội địa thấp, khu vực chung Châu Âu vẫn chưa thoát khỏi khủng hoảng, kinh tế Mỹ hồi phục chậm và kinh tế Trung Quốc tiếp tục giảm tốc. Tất cả những yếu tố này cùng với gánh nặng nợ xấu của hệ thống ngân hàng tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng GDP.



Nguồn: GSO, VCBF

Mặc dù tăng trưởng Quý 2 đạt 5%, tăng nhẹ so với 4,75% của Quý 1, tăng trưởng GDP trong nửa đầu năm 2013 là 4,9% chỉ xấp xỉ bằng mức tăng cùng kỳ năm trước (4,93%) và thấp hơn nhiều so với năm 2010, 2011 và mức trung bình 10 năm trước.

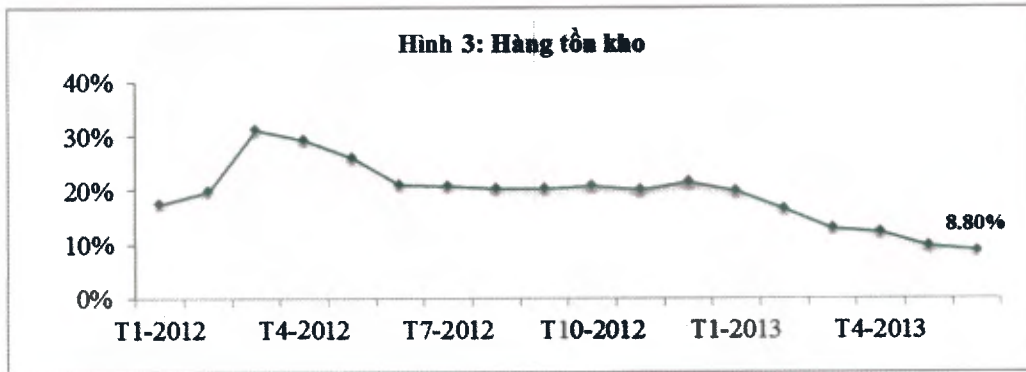
Dịch vụ là ngành kéo tăng trưởng đi lên với mức tăng 5,92% (năm 2011 và 2012 lần lượt là 6,23% và 5,29%), và đóng góp 2,51 điểm phần trăm vào tăng trưởng kinh tế chung. Ngành nông lâm nghiệp tăng trưởng yếu với 2,07% do những khó khăn trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Trong khi đó do các doanh nghiệp công nghiệp và xây dựng không tiếp cận được vốn vay và tồn kho cao nên công nghiệp chỉ tăng trưởng 5,18% và hai ngành này chỉ đóng góp 0,4 và 1,99 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung.



Nguồn: GSO, VCBF

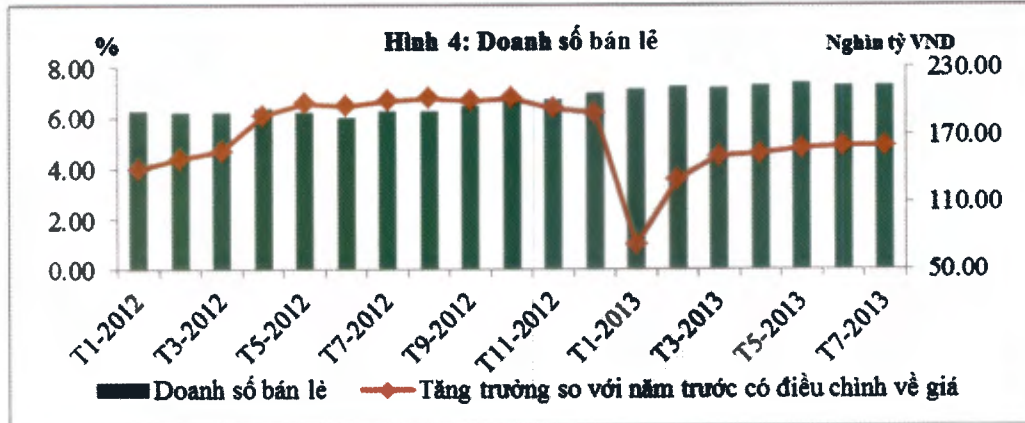
Chỉ số Sản xuất Công nghiệp (IPI) tăng 5,2% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm, thấp hơn 6,1% của năm 2012. Tuy vậy, Quý 2 có tăng nhẹ so với Quý 1 (6% so với 4,5% của Quý 1, tức là tăng 1,5% trong khi Quý 2 năm trước chỉ tăng 0,4% so với Quý 1). Chỉ số

IPI tăng chủ yếu do ngành sản xuất tăng, trong đó lĩnh vực da giấy, giấy, kim loại, hóa chất và đồ uống có chỉ số sản xuất cao nhất. Ngược lại, chỉ số sản xuất ngành khoáng sản chỉ tăng 1,9% trong 6 tháng, thấp hơn mức 4,2% cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân sụt giảm là do sản lượng dầu thô và than đá giảm. Chỉ số sản xuất và phân phối điện tăng 8,7% trong nửa đầu năm 2013, thấp hơn nhiều so với 14,7% của cùng kỳ năm ngoái. Sau đợt tăng lên 50,8 và 51 điểm trong tháng 3 và 4, PMI giảm xuống 48,8 trong tháng 5 và xuống mức thấp nhất trong vòng 11 tháng là 46,4 trong tháng 6. Thị trường nội địa yếu kéo theo hoạt động sản xuất suy giảm.



Nguồn: GSO, VCBF

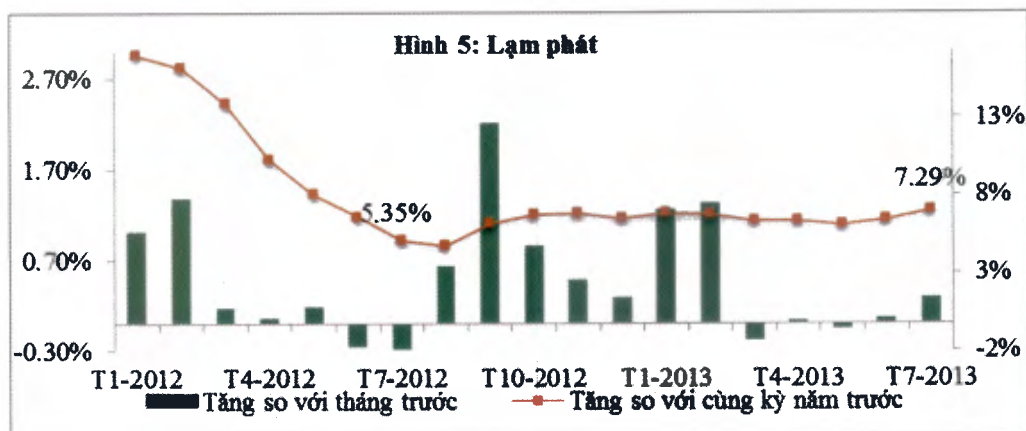
Tồn kho tăng 9,7% tính đến 1/6/2013, tiếp tục xu hướng giảm kể từ đầu năm. Tuy nhiên, giá trị tồn kho giảm chủ yếu do giảm giá. Chỉ số tồn kho trên sản lượng vẫn cao, xấp xỉ 71%.



Nguồn: GSO, VCBF

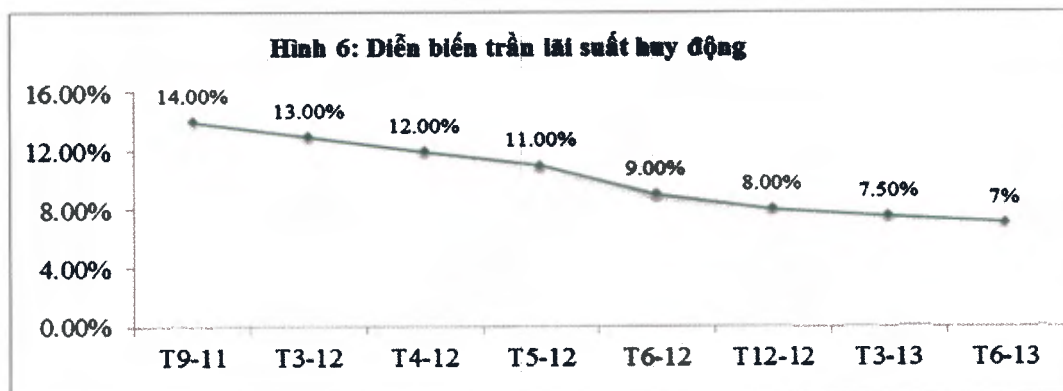
Doanh số bán lẻ vẫn thấp do nhu cầu giảm, tăng trưởng thực so với cùng kỳ đạt 4,9% (thấp hơn mức 6,7% của năm trước). Tuy nhiên, sức mua đã tăng hơn trong Quý 2 thể hiện ở mức tăng doanh số bán lẻ đạt 5,1% so với 4,5% của Quý 1.

2. Lạm phát, Chính sách Tiền tệ và Tăng trưởng Tín dụng



Nguồn: GSO, VCBF

Lạm phát trong Quý 2 tiếp tục ổn định. Chỉ số Giá Tiêu dùng (CPI) tháng 6 tăng 2,4% so với đầu năm và 6,69% so với cùng kỳ. Ngoại trừ tháng 1 và 2 của năm 2013 khi giá tăng cao do nhu cầu cho dịp Tết nguyên đán tăng, lạm phát trong những tháng sau đó đều giảm cho thấy nhu cầu nội địa tiếp tục thấp. Mặc dù áp lực lạm phát tăng có thể xảy ra vào cuối năm do ảnh hưởng trễ của chính sách tiền tệ và khả năng điều chỉnh giá điện, nhiên liệu và dịch vụ y tế ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cầu nội địa hồi phục chậm nên lạm phát năm nay được dự báo sẽ ở mức 6,5% – 7%.



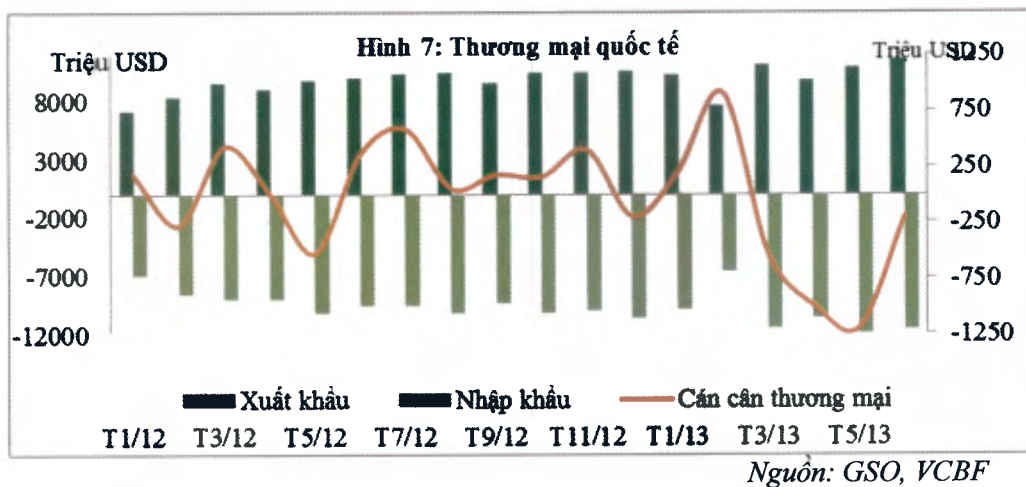
Nguồn: SBV, VCBF

Trong nửa đầu năm 2013, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã hai lần giảm trần lãi suất huy động và ba lần giảm trần lãi suất cho vay cho các lĩnh vực được ưu tiên (doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ và công nghệ cao) nhằm thúc đẩy sản xuất và đầu tư. Lần giảm lãi suất gần đây nhất là cuối tháng 6 với lãi suất trần tiền gửi VNĐ giảm từ 2% xuống 1,2% cho kỳ hạn dưới 1 tháng, 7,5% xuống 7% cho kỳ hạn từ 1 đến 6 tháng và gỡ bỏ trần lãi suất tiền gửi cho kỳ hạn trên 6 tháng. Cùng với việc giảm lãi suất huy động, trần lãi suất tiền gửi USD cũng được điều chỉnh giảm đáng kể, từ 0,5% xuống 0,25% cho khách hàng tổ chức và 2% xuống 1,25% cho khách hàng cá nhân. Động thái này nhằm hạn chế người gửi tiền chuyển đổi từ VNĐ sang USD khi lãi suất VNĐ giảm, nhằm mục đích giảm áp lực lên tỷ giá ngoại tệ và hỗ trợ dự trữ ngoại hối.

Mặc dù lãi suất giảm, tăng trưởng tiền gửi vẫn ở mức cao, đạt 8,2% vào cuối tháng 6. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng vẫn ở mức ổn định, phản ánh qua lãi suất liên ngân hàng ổn định ở mức thấp. Trong khi đó, tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 4,5% vào cuối tháng 6. Mặc dù đã có cải thiện so với Quý 1, mức tăng này vẫn còn thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 12% đã đặt ra cho năm nay. Các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận vốn ngân hàng do vấn đề nợ xấu chưa được giải quyết.

Công ty Xử lý Nợ xấu (VAMC) sẽ bắt đầu hoạt động vào tháng 7, mang đến hy vọng cho việc xử lý nợ xấu và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Bên cạnh đó, gói kích thích kinh tế của Chính phủ bao gồm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân được kỳ vọng sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tiêu thụ, cầu và đầu tư trong nước, và giúp hệ thống ngân hàng có thể cho vay nhiều hơn trong nửa cuối năm.

3. Thương mại Quốc tế và Đầu tư Trực tiếp từ nước ngoài



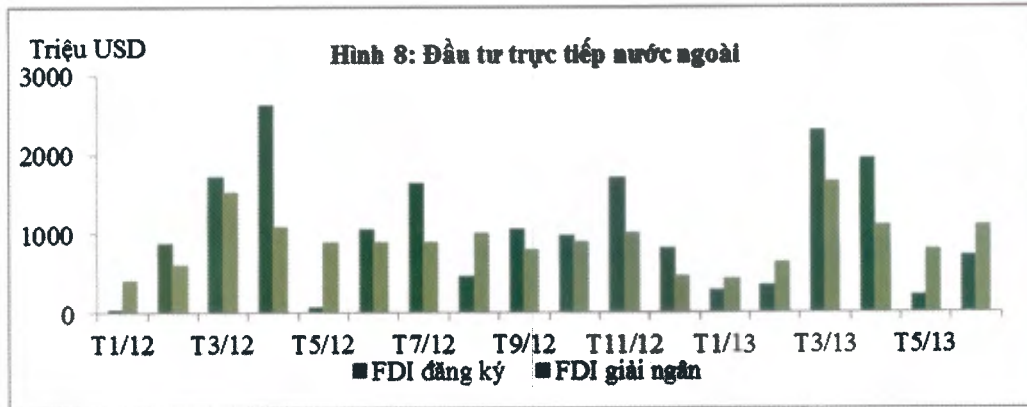
Tổng kim ngạch xuất khẩu trong nửa đầu năm 2013 đạt 62 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ (năm 2012: 23%). Sau khi điều chỉnh giá, kim ngạch xuất khẩu tăng 21,2%, ước tính giá trị đạt khoảng 64,8 tỷ USD. Như vậy, kim ngạch xuất khẩu tăng chủ yếu nhờ khối lượng xuất khẩu. Giá xuất khẩu có xu hướng giảm kể từ đầu năm do những khó khăn của các thị trường xuất khẩu, chủ yếu cho các sản phẩm cao su, hạt điều, gạo, tiêu và hải sản. Tỷ trọng nông nghiệp trong xuất khẩu theo đó cũng giảm, và tỷ trọng hàng hóa sản xuất tăng.

Tổng kim ngạch nhập khẩu trong nửa đầu năm 2013 đạt 63,4 tỷ USD, tăng 17,4% so với cùng kỳ (cao hơn nhiều so với mức tăng 7,4% trong cùng kỳ năm trước). Tỷ trọng nhập khẩu cũng thay đổi với tỷ trọng phần công nghiệp lớn hơn và tỷ trọng hàng tiêu dùng nhỏ hơn.

Việt Nam đã đối mặt với thâm hụt thương mại trở lại kể từ Quý 1, xấp xỉ 1,4 tỷ USD vào cuối tháng 6, tương đương với 2,3% kim ngạch xuất khẩu. Mặc dù có thể gây áp lực lên dự trữ ngoại hối và tính ổn định của tỷ giá, thâm hụt thương mại lại thường là dấu hiệu cho thấy sự phục hồi của sản xuất nội địa.

Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục là thành tố chính đóng góp vào thặng dư thương mại. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ghi nhận giá trị thặng dư thương mại 5,4 tỷ USD trong khi tổng thâm hụt ước tính khoảng 1,4 tỷ USD. Khối lượng thương mại tăng trong nửa đầu

năm 2013 do đóng góp từ khối FDI với hàng hóa sản xuất tăng bao gồm linh kiện điện tử, máy tính, linh kiện điện thoại và viễn thông, may mặc và da giày. Xuất khẩu từ khối FDI đóng góp 15,3 điểm phần trăm vào tổng kim ngạch xuất khẩu trong khi khối doanh nghiệp nội địa chỉ đóng góp 0,8 điểm phần trăm. Tương tự, nhập khẩu vào khối FDI chiếm tỷ trọng lớn trong tổng khối lượng nhập khẩu bao gồm máy tính, thiết bị điện tử viễn thông, điện thoại và các thành phần liên quan khác, dệt may và các nguyên liệu gia công đồ may mặc khác.

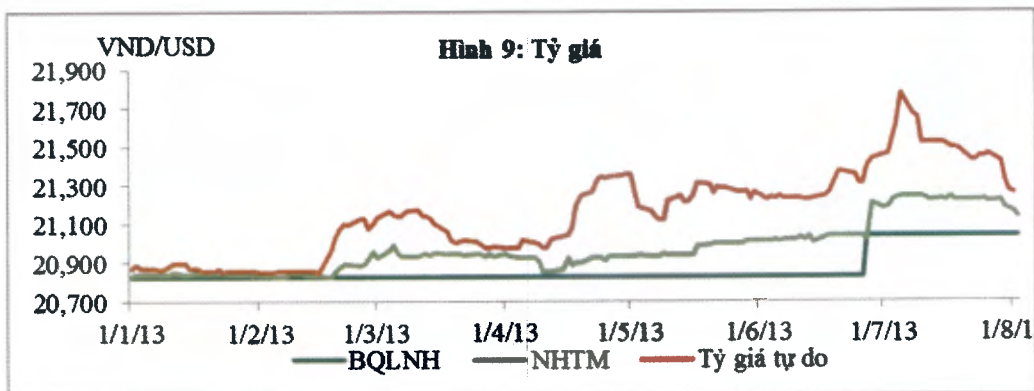


Nguồn: GSO, VCBF

Trong nửa đầu năm 2013, vốn đầu tư FDI đăng ký đạt 5,8 tỷ USD cho những dự án FDI mới, tăng 3,7% so với cùng kỳ. Vốn FDI giải ngân tăng 5,6%, ước tính đạt 5,7 tỷ USD. Ngành công nghiệp chế biến và sản xuất đóng góp 88,9% vào tổng vốn FDI vào Việt Nam. Ngành bất động sản và các ngành công nghiệp khác chiếm 4% và 7,1% tương ứng.

Trong số 45 nước và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam trong kỳ, Nhật Bản là nước dẫn đầu với 3,99 tỷ USD đầu tư mới và đầu tư thêm, chiếm 38,1% tổng giá trị thu hút đầu tư FDI vào Việt Nam. Singapore và Nga là nước đứng thứ 2 và 3 với 3,4 tỷ USD và 1,02 tỷ USD, chiếm 32,6% và 9,7% tổng vốn đầu tư FDI.

4. Tỷ giá Hối đoái



Nguồn: Bloomberg, VCBF

Áp lực lên thị trường ngoại hối tăng trong Quý 2. Kể từ giữa tháng 4, VNĐ tiếp tục mất giá trên thị trường không chính thức, với tỷ giá VNĐ/USD lên tới 21.370/21.420 tính đến cuối tháng 6. Tỷ giá của các ngân hàng thương mại cũng tăng đáng kể từ đầu tháng 5. Tỷ giá hối đoái trên thị trường liên ngân hàng đứng ở mức đỉnh 21.036 VNĐ/USD trong vài tuần. Tỷ giá ngoại tệ của các ngân hàng thương mại dao động chủ yếu do tình trạng mua USD lớn để đóng tài khoản bán không USD trước đó. Ngoài ra, áp lực lên thị trường ngoại hối còn có thể do các nguyên nhân (1) nhu cầu nhập khẩu vàng tăng do khoảng

cách chênh lệch lớn giữa giá vàng trong nước và thế giới; (2) khoảng cách giữa lãi suất tiền gửi VNĐ và USD thu hẹp lại; (3) thâm hụt thương mại xuất hiện trở lại; (4) nhà đầu tư nước ngoài giảm mạnh danh mục trái phiếu VNĐ trong tháng 6. Đến cuối tháng 6, Ngân hàng nhà nước chính thức phá giá VNĐ thêm 1%, khiến VNĐ tiến đến gần hơn với giá trị thật. Với biên độ giao dịch +/- 1%, tỷ giá trần và sàn tại các ngân hàng thương mại được điều chỉnh tăng lên VNĐ 20.826/21.246 VNĐ/USD. Ngân hàng Nhà nước cũng cắt giảm trần lãi suất tiền gửi USD từ 2% xuống 1,25% nhằm giảm nhu cầu về USD.

5. Chính sách hỗ trợ khác

- Công ty Quản lý Tài sản (VAMC) chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2013.

Ngân hàng Nhà nước ban hành Nghị định 53 về việc thành lập và hoạt động của Công ty Quản lý Tài sản (VAMC) vào tháng 5 và đang dự thảo thông tư về chế độ tài chính và cơ chế mua bán nợ xấu nhằm mục đích đẩy nhanh việc giải quyết nợ xấu và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Các tổ chức tín dụng với tỷ lệ nợ xấu từ 3% phải bán nợ xấu cho VAMC để giữ tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn. Sau khi tiếp nhận các khoản nợ xấu, VAMC sẽ hỗ trợ khách hàng vay dưới hình thức tái cơ cấu sở hữu, miễn trả lãi hoặc tiếp cận tín dụng mới với lãi suất cho vay thấp hơn. VAMC có thể xử lý nợ xấu mạnh mẽ hơn nhờ vào chính sách ưu đãi và chính sách thuế. Tổ chức tín dụng cũng có thể sử dụng trái phiếu VAMC để tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước để có thêm nguồn lực để tái cơ cấu và xử lý nợ xấu. VAMC dự kiến sẽ giải quyết 40-70 nghìn tỷ đồng các khoản nợ xấu trong năm 2013. Tuy vậy, với tổng số vốn điều lệ chỉ có 500 tỷ đồng cộng với các hiệu ứng trễ của quá trình mua bán nợ xấu, hiệu quả thực sự của VAMC vẫn là một câu hỏi lớn.

- Hoàn thực hiện Thông tư 02 thêm 1 năm.

Thông tư 02 hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 6 sẽ gây áp lực lên tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng (nợ xấu trong hệ thống ngân hàng có thể tăng đáng kể, lên đến hai chữ số) và dự phòng tín dụng của các ngân hàng thương mại sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của các ngân hàng, theo đó sẽ làm giảm mức tăng trưởng tín dụng vốn đang ở mức yếu. Hoàn thực hiện Thông tư 02 có thể làm giảm áp lực về dự phòng của ngân hàng và tỷ lệ nợ xấu tăng và giúp cho doanh nghiệp có thể tiếp cận vốn vay dễ dàng hơn. Cùng với sự ra đời của VAMC và cắt giảm lãi suất, việc hoàn thực hiện Thông tư 02 được kỳ vọng góp phần cải thiện mức tăng trưởng tín dụng.

- Gói giải cứu bất động sản 30 nghìn tỷ đồng.

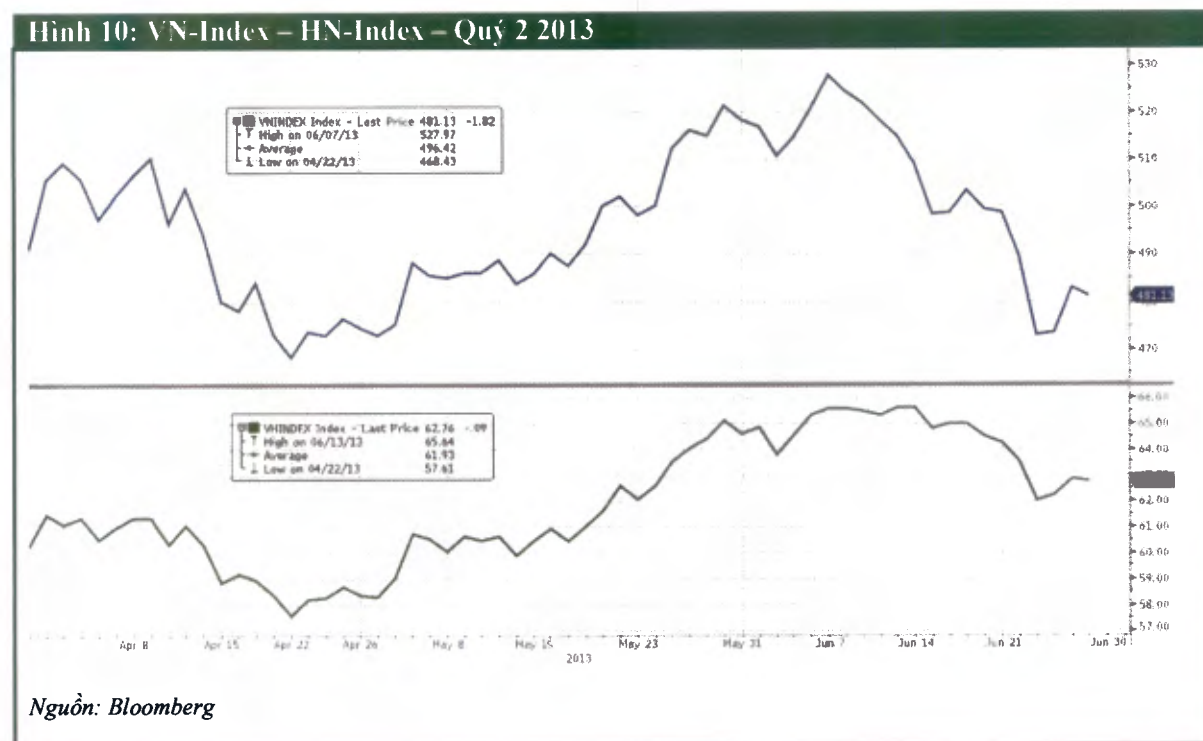
Thông tư 11 và 07 hướng dẫn mua nhà ở xã hội, trong đó, 30.000 tỷ đồng vốn vay sẽ được sử dụng để hỗ trợ các đối tượng đủ điều kiện quy định tại thông tư với ít nhất 30% dành cho các doanh nghiệp như các công ty phát triển dự án nhà ở xã hội hoặc nhà đầu tư dự án thương mại được chuyển đổi sang các dự án nhà ở xã hội. Tuy nhiên, nguồn cung cho phân khúc nhà ở này rất hạn chế, trong khi đó, khách hàng vay cá nhân phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện chặt chẽ để được vay. Vì vậy, khả năng tiếp cận 70% còn lại của gói hỗ trợ, tương đương 21 nghìn tỷ đồng gặp phải nhiều khó khăn trừ khi điều kiện vay được nới lỏng hoặc các nhóm đối tượng đủ điều kiện được mở rộng. Ngoài ra, quy mô của gói này là nhỏ so với mức tồn kho bất động sản, nên nó chỉ giúp kích thích nhẹ sức mua, và không thực sự có tác dụng làm tan băng thị trường bất động sản, bao gồm hàng loạt các căn hộ chung cư trung và cao cấp với tính thanh khoản thấp nhất và cung vượt cầu nhiều nhất.

- Quốc hội đã thông qua dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (VAT) và dự thảo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong tháng 6. Việc sửa đổi Luật thuế GTGT và thuế TNDN được kỳ vọng sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Cụ thể như sau:
 - Thuế TNDN giảm từ 25% xuống 22%, được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 và 20% từ ngày 1 tháng 1 năm 2016. Doanh nghiệp có doanh thu dưới 20 tỷ đồng/năm sẽ chịu thuế TNDN là 20%, trong đó doanh thu năm trước sẽ được lấy làm cơ sở cho thuế TNDN.
 - Thuế TNDN 10% được áp dụng đối với thu nhập từ các dự án bán và cho thuê nhà ở xã hội theo quy định trong Điều 53 của Pháp Luật về nhà ở từ ngày 1 tháng 7 năm 2013.
 - Thuế TNDN 10% được áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh báo in và thu nhập từ các hoạt động xã hội hóa trong các lĩnh vực như giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa.
 - Cắt giảm 50% thuế GTGT được áp dụng từ 01 tháng 7 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2014 đối với các hợp đồng bán, cho thuê nhà ở xã hội, bán và cho thuê căn hộ đã hoàn thiện với diện tích dưới 70 mét vuông (m²) có giá dưới 15 triệu đồng/m².

6. Triển vọng

Nhìn chung, nền kinh tế vẫn đang trong giai đoạn dò đáy do quá trình phục hồi chậm chạp và yếu. Những bất cập trong hệ thống ngân hàng (tỷ lệ nợ xấu cao và mức tăng trưởng tín dụng thấp) tiếp tục đè nặng lên nền kinh tế. Các vấn đề như hàng tồn kho cao, thị trường bất động sản đóng băng, niềm tin của người tiêu dùng thấp vẫn là những thách thức lớn đối với Việt Nam trong nửa cuối năm để đạt mục tiêu tăng trưởng 5,5% cả cả năm 2013. Tuy vậy, nếu các chính sách về tái cơ cấu kinh tế, cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp nhà nước, giải quyết các khoản nợ xấu và phá băng thị trường bất động sản được thực hiện một cách tích cực và thống nhất, nền kinh tế sẽ có những bước chuyển đổi căn bản và có cơ hội phục hồi bền vững trong dài hạn.

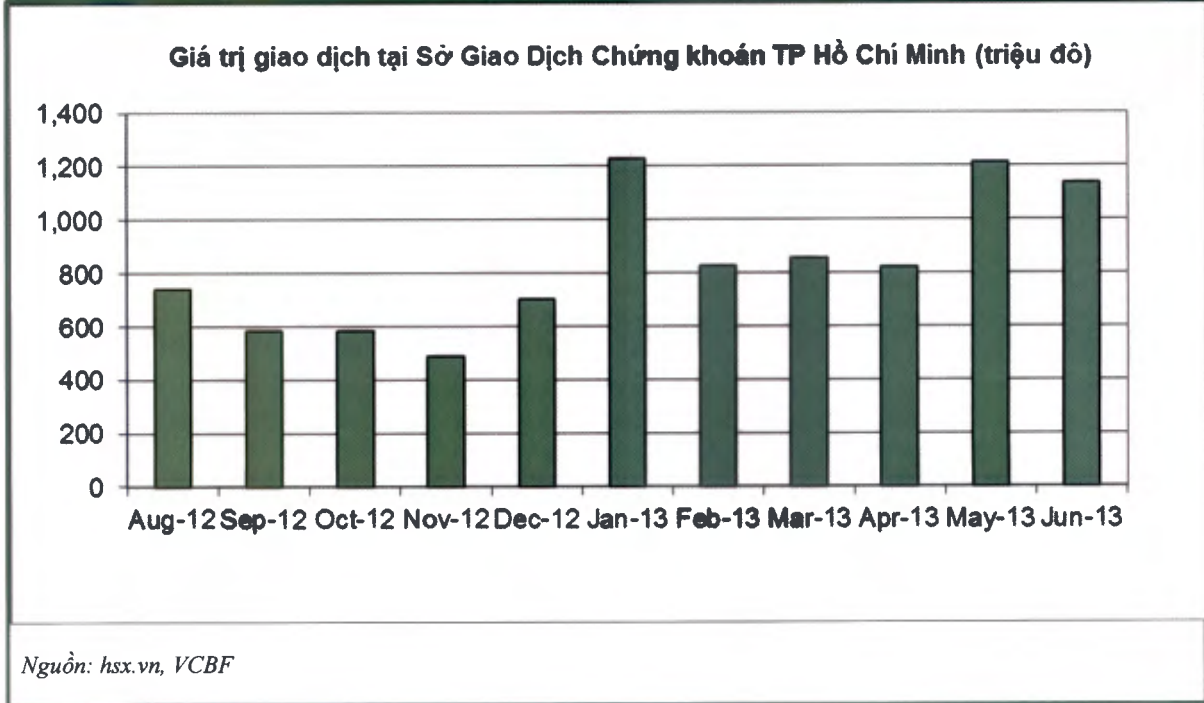
2. THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU



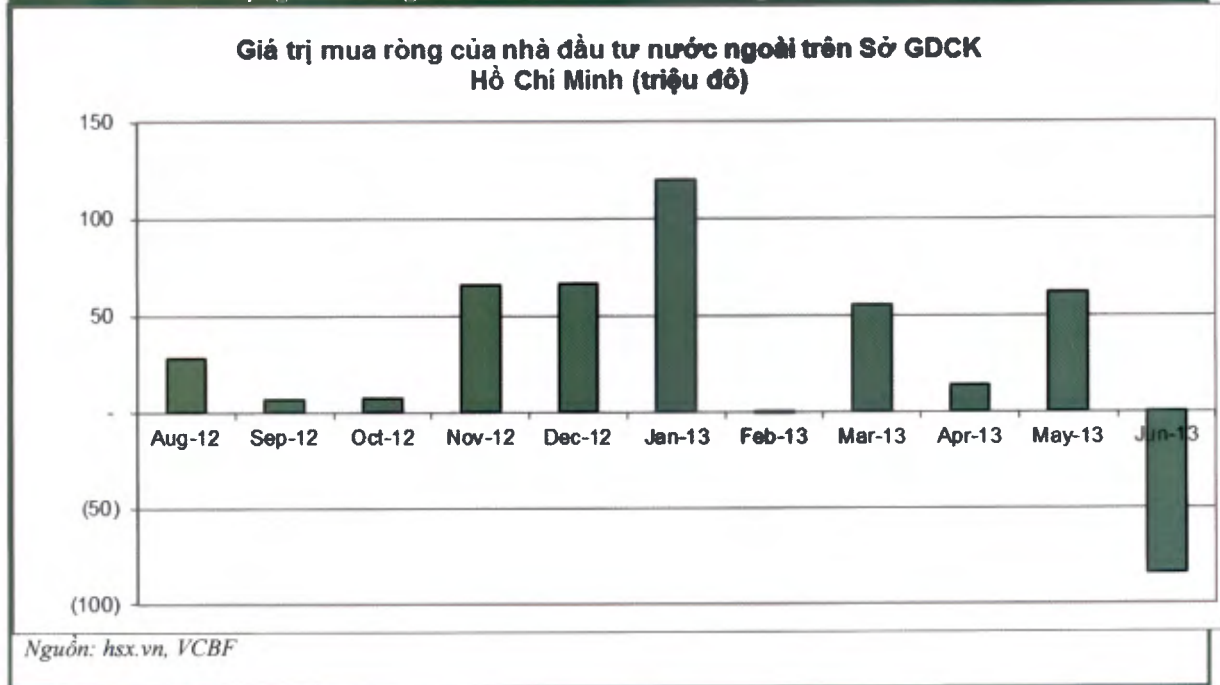
Chỉ số VN-Index giảm nhẹ 10 điểm tương đương với 2% trong Quý 2 năm 2013 trong khi chỉ số HN-Index lại tăng 4.2%. Tuy nhiên, trong cả quý, VN-Index khá giao động, với lúc cao điểm và thấp điểm chênh đến gần 60 điểm tương đương 12,1%. VN-Index biến động mạnh chủ yếu do giao dịch của các Quỹ ETF Việt Nam. Nhà đầu tư đã hủy các lệnh mua đối với các chứng chỉ quỹ ETF đồng thời đặt lệnh bán do các quan ngại về việc do Cục dự trữ Liên Bang Mỹ tuyên bố có thể sẽ ngừng gói kích thích kinh tế QE3 sớm hơn dự định và khủng hoảng thanh khoản ngân hàng tại Trung Quốc. Các nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu tập chung giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hơn Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Điều này lý giải tại sao VN-Index và HN-Index không đi theo cùng một xu hướng trong Quý 2 năm 2013.

Giá trị giao dịch trong tháng 5 và 6 cao hơn 40% so với những tháng trước và ở mức cao nhất kể từ đầu năm. Đối với giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tháng 6 là tháng có giá trị giao dịch cao nhất từ đầu năm với 257 triệu USD. Giá trị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trong tháng 6 là 84 triệu USD, cũng là tháng bán ròng cao nhất kể từ đầu năm. Mặc dù giá trị mua bán của nhà đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng không lớn so với tổng thị trường, nhà đầu tư nước ngoài (chủ yếu là các Quỹ ETF) chủ yếu mua bán các chứng khoán có vốn hóa lớn, nên ảnh hưởng khá lớn đến VN-Index.

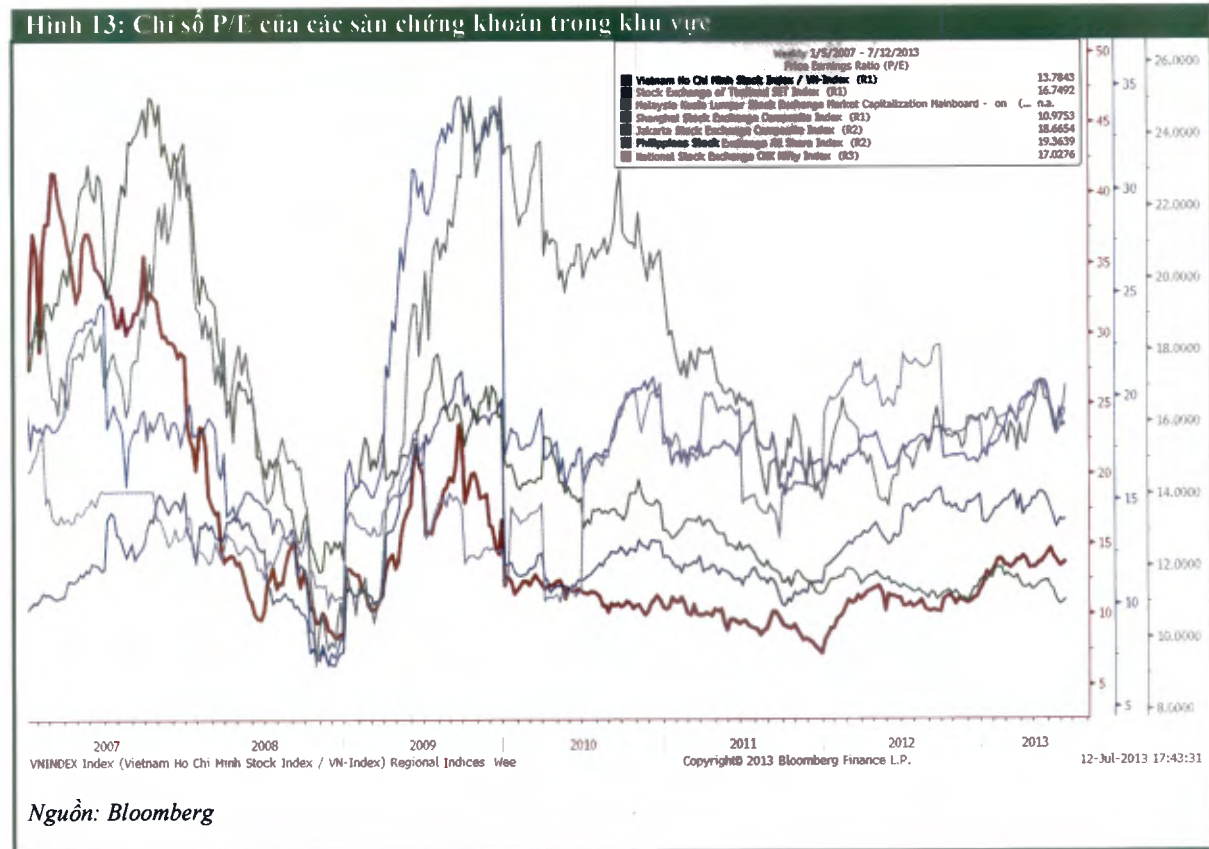
Hình 11: Giá trị giao dịch trên sàn chứng khoán HCM (từ tháng 8/2012 đến tháng 6/2013)



Hình 12: Khối lượng mua ròng của các nhà đầu tư nước ngoài trên sàn HCM



Về mặt định giá, chỉ số P/E của VN-Index ở mức 13,8x tại ngày 12/7/2013, cao hơn trước đó, nhưng vẫn thấp hơn chỉ số này của hầu hết các nước trong khu vực như Hình 14.



Hình 14: Các chỉ số cơ bản và Định giá VN-Index tại ngày 12 tháng 7 năm 2013

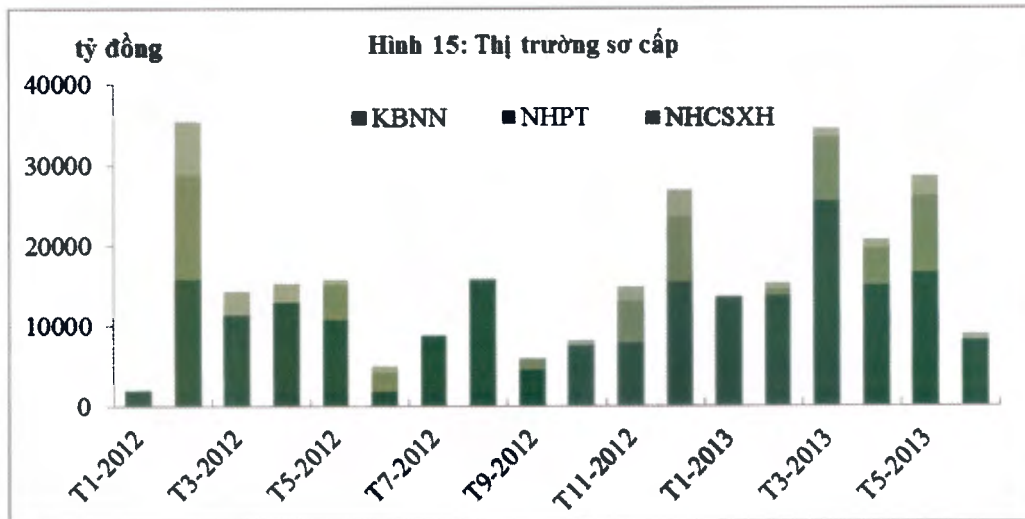
Định giá	2014	2013	Hiện tại	2012	2011	2010	2009	2008	2007	2006
P/E	9.92	11.93	13.78	11.67	8.52	10.49	12.11	13.39	24.26	25.45
P/E, triển vọng tốt	9.92	11.85	12.77	10.86	7.75	10.41	11.75	11.29	24.26	25.37
P/E hoạt động			13.78	11.66	8.51	10.48	12.11	13.36	24.24	25.45
P/B	1.81	2.04	1.78	1.52	1.2	1.88	2.21	1.6	4.62	5.52
EV/S	1.7	0	1.56	1.35	1.04	1.49	1.76	1.11	2.76	2.46
EV/EBIT			13.18	11.56	9.05	11.6	12.95	11.24	26.07	28.4
EV/EBITDA			9.99	8.45	7.18	8.71	9.72	8.28	19.07	
Cổ tức/Giá		3.44	3.57	4.57	5.31	2.9	1.71	4.25	0.84	0.58
Các chỉ số cơ bản										
Tỷ suất lợi nhuận gộp			17.79	17.25	16.92	18.42	19	16.39	16.16	16.08
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động			10.55	10.38	10.45	12.4	13.02	9.27	10.36	8.55
Tỷ suất lợi nhuận ròng			9.08	8.56	8.24	11.07	11.83	6.63	11.02	8.29
ROA	2.46	2.59	2.88	2.9	3.5	5.66	5.79	4.26	9.91	8.46
ROE	16.82	17.98	13.34	13.13	13.89	19.15	19.01	11.74	23.3	22.91

Source: Bloomberg

3. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

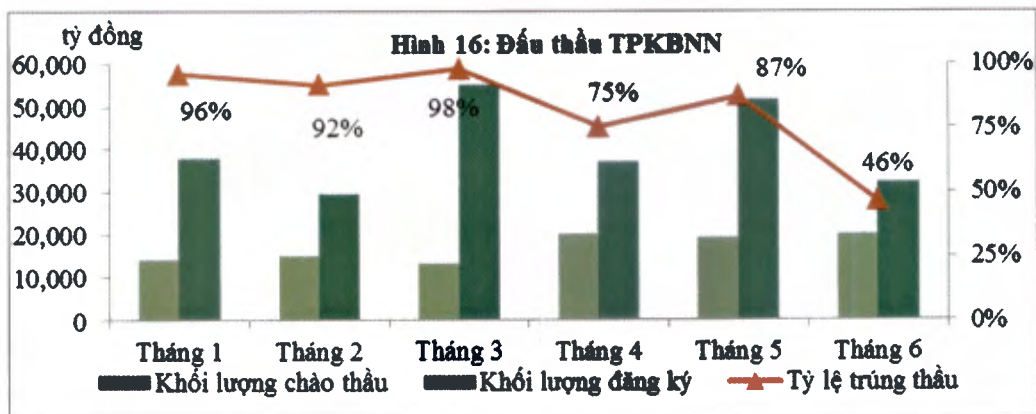
1. Trái phiếu chính phủ

3.1.1 Thị trường sơ cấp



Nguồn: HNX, VCBF

Thị trường trái phiếu sơ cấp tiếp tục xu hướng sôi động trong quý 2/2013. Tổng khối lượng trúng thầu của kho bạc Nhà nước (KBNN), ngân hàng phát triển Việt Nam (NHPTVN) và ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) đạt mức 58.188 tỷ đồng (giảm nhẹ 0,07% so với quý 1/2013). Trong đó, trái phiếu KBNN và NHPTVN chiếm 69% và 24% tổng khối lượng phát hành, trong khi trái phiếu NHCSXH chỉ chiếm 6%. Xu thế sôi động trên thị trường sơ cấp quý 2 chủ yếu do những nguyên nhân sau: 1) thanh khoản dồi dào của các ngân hàng lớn do tăng trưởng huy động cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng tín dụng; 2) các nhà đầu tư tiếp tục kỳ vọng lãi suất sẽ được giảm thêm từ 0.5-1% và 3) tổng khối lượng trái phiếu và tín phiếu đáo hạn trong quý 2 ở mức cao trong khi tín dụng tăng trưởng chậm hơn kỳ vọng khiến cho các tổ chức tín dụng tích cực tham gia vào thị trường trái phiếu để giảm chi phí cơ hội.



Nguồn: HNX, VCBF

Nhu cầu cho trái phiếu KBNN có sự khác biệt trong các tháng của quý 2. Cầu trái phiếu KBNN vẫn giữ ở mức cao trong 2 tháng đầu quý 2, đặc biệt trong tháng 5 với tổng khối lượng đăng ký đấu thầu đạt xấp xỉ 2 đến 3 lần tổng khối lượng chào thầu. Số lượng thành

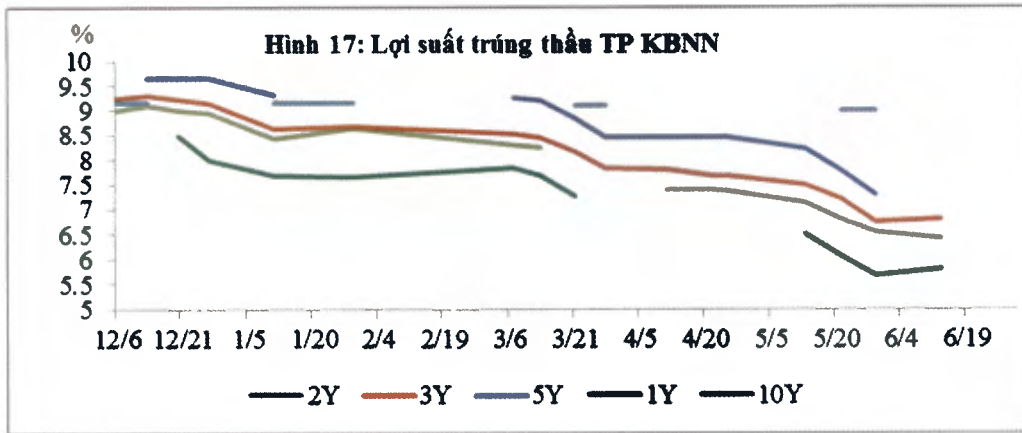
viên đấu thầu từ 12-22 thành viên và tỷ lệ trúng thầu đạt mức cao cho mỗi phiên đấu thầu. Điều này có thể giải thích bởi kỳ vọng lợi suất trái phiếu sẽ tiếp tục giảm khi mà một số ngân hàng thương mại cắt giảm lãi suất huy động đầu tháng 5 và ngân hàng Nhà nước cắt giảm thêm 1% đối với lãi suất chính sách ngày 13 tháng 5. Tuy nhiên, nhu cầu trái phiếu KBNN sụt giảm mạnh trong tháng 6 trên mọi phương diện: tổng khối lượng đăng ký, số lượng thành viên tham gia đấu thầu và tỷ lệ trúng thầu. KBNN chỉ huy động được 47% tổng khối lượng chào thầu. Nhiều phiên đấu thầu không thành công, nguyên nhân chủ yếu là do lãi suất trúng thầu liên tục giảm và được coi là chạm đáy vào giữa tháng 6, mức thấp kỷ lục trong vòng 5 năm trở lại đây.

Trong khi đó, trái phiếu NHPTVN và NHCSXH đã huy động thành công 71% và 48% trong tổng số khối lượng trái phiếu chào thầu, đặc biệt trong tháng 5, cao hơn nhiều so với tỷ lệ trúng thầu đạt mức 40% và 25% trong quý 1. Cầu trái phiếu chính phủ bảo lãnh được hồi phục trong quý 2 chủ yếu là do lợi thế về mặt lợi suất của những trái phiếu này so với trái phiếu KBNN. Mặc dù lợi suất trúng thầu TPCP bảo lãnh cũng trên đà giảm trong quý 2, tuy nhiên mức độ giảm ít hơn so với trái phiếu KBNN làm gia tăng mức chênh lệch lợi suất giữa 2 loại trái phiếu này ở tất cả các kỳ hạn.

Mức chênh lệch lợi suất trái phiếu của NHCSXH vẫn luôn cao hơn NHPTVN do tính thanh khoản thấp hơn. Không có giao dịch của trái phiếu NHCSXH trong quý 2. Tuy nhiên, do những rủi ro về mặt dài hạn, nhiều phiên đấu thầu trái phiếu chính phủ bảo lãnh kỳ hạn 5 năm và 10 năm không thành công.

Lợi suất chênh lệch	Ngân hàng PTVN				Ngân hàng CSXH		
	2 năm	3 năm	5 năm	10 năm	2 năm	3 năm	5 năm
Tháng 12	1.50%	1.40%	1.15%		1.80%	1.65%	1.39%
Tháng 1							
Tháng 2	1.15%	0.97%	0.15%	0.25%		1.26%	
Tháng 3	0.86%	0.42%	0.15%				
Tháng 4	1.4	1.25		0.3		1.2	0.84
Tháng 5	1.47	1.2	1.02			1.35	1.2
Tháng 6						0.92%	

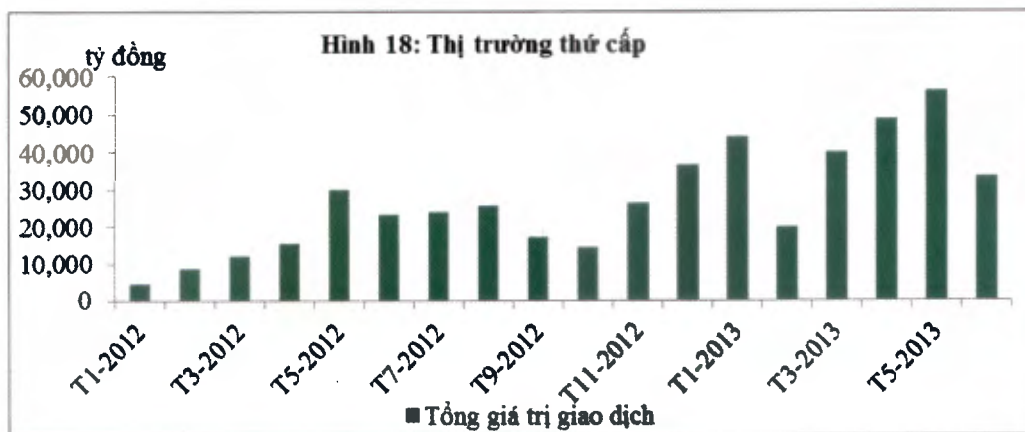
Lãi suất trúng thầu trái phiếu KBNN tiếp tục giảm mạnh trong quý 2, lợi suất trúng thầu các kỳ hạn 1,2,3 và 5 năm giảm tương ứng 1,48%, 1,41%, 1,38% và 1,54% xuống mức thấp kỷ lục vào giữa tháng 6. Tuy nhiên, từ nửa cuối tháng 6, lãi suất trúng thầu có xu hướng tăng trở lại, lợi suất tăng bật lại 0,35%, 0,2% và 0,35% đối với các kỳ hạn 2,3 và 5 năm đến thời điểm cuối tháng 6. Lãi suất trúng thầu của trái phiếu chính phủ bảo lãnh được cắt giảm thêm 0,7%-1,4% trong quý 2. Tuy nhiên, lợi suất trúng thầu TPKBNN kỳ hạn dài 10 năm gần như không thay đổi, chỉ giảm nhẹ 0,2%.



Nguồn: HNX, VCBF

Lạm phát thấp, thanh khoản dồi dào trong hệ thống ngân hàng cùng với kỳ vọng lãi suất sẽ tiếp tục giảm trong quý 2 là những nguyên nhân khiến cho lợi suất trái phiếu giảm mạnh. Tuy nhiên, mức lợi suất thấp kỷ lục vào giữa tháng 6 không bền vững do thấp hơn lãi suất huy động của các ngân hàng, khiến cho cầu trái phiếu sụt giảm mạnh từ nửa cuối tháng 6 và nhiều phiên đấu thầu TPCP thất bại. Những thông tin tích cực về tăng trưởng tín dụng trong tháng 6 cùng với việc khối ngoại bán ròng gần 50% danh mục TPCP tiền đồng đã khiến cho lợi suất trái phiếu tăng trở lại. Kỳ vọng lợi suất trái phiếu sẽ bật lại khiến cho các nhà đầu tư nhanh chóng giao dịch trên thị trường thứ cấp để chốt lời và đặt lãi suất đấu thầu ở mức cao hơn trên thị trường sơ cấp.

3.1.2 Thị trường thứ cấp

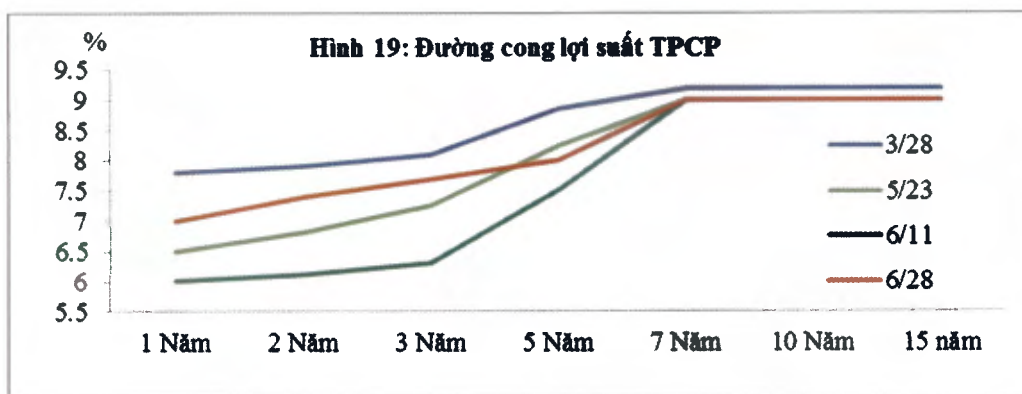


Nguồn: HNX, VCBF

Giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp tăng mạnh trong quý 2, đạt mức 138.069 tỷ đồng, tăng 34% so với quý 1 và bằng 58% giá trị giao dịch của cả năm 2012. Các nhà đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị giao dịch trên thị trường thứ cấp, chiếm 30% tổng giá trị giao dịch. Xét về mặt kỳ hạn, giao dịch chủ yếu tập trung ở các kỳ hạn ngắn dưới 3 năm, chiếm 70% tổng khối lượng giao dịch. Điều này cho thấy trái phiếu kỳ hạn ngắn thanh khoản tốt hơn kỳ hạn dài. Các kỳ hạn dài hơn 3-5 năm, 5-7 năm và dài hơn 7 năm tương ứng chiếm 20%, 4% và 6% tổng khối lượng giao dịch.

Mức tăng trưởng vượt trội của thị trường thứ cấp chủ yếu do 1) các nhà đầu tư trái phiếu đẩy mạnh giao dịch để chốt lời khi lợi suất đang ở mức thấp. 2) lãi suất liên ngân hàng thấp hơn lợi suất trái phiếu khiến cho nhiều ngân hàng đẩy mạnh giao dịch trái phiếu để đạt được lợi nhuận ngắn hạn.

3.1.3 Lợi suất trái phiếu



Nguồn: Bloomberg, VCBF

Lợi suất trái phiếu tất cả các kỳ hạn, theo số liệu từ Bloomberg, tiếp tục giảm thêm trong quý 2 năm 2013, kỳ hạn ngắn giảm mạnh hơn kỳ hạn dài khiến cho đường cong lợi suất trái phiếu dốc hơn vào giữa tháng 6. Tuy nhiên, sự phục hồi của lợi suất trái phiếu các kỳ hạn ngắn trong nửa cuối tháng 6 làm cho đường cong lợi suất trở nên thoải hơn. Theo số liệu của hiệp hội trái phiếu Việt Nam, lợi suất trái phiếu trong quý 2 giảm thêm 0,87%, 0,91%, 0,88%, 0,53% và 0,73% xuống mức 5,97%, 6,8%, 7%, 7,53% và 7,91% đối với các kỳ hạn 1,2,3,4 và 5 năm tính đến cuối tháng 6.

Các nhà đầu tư nước ngoài giảm mạnh lượng nắm giữ trái phiếu tiền đồng, bán ròng 220 triệu đôla trong tháng 6, trong đó, trái phiếu kỳ hạn dưới 3 năm chiếm 80% tổng khối lượng giao dịch. Điều này góp phần làm lợi suất trái phiếu tăng bật trở lại vào nửa cuối tháng 6. Tổng khối lượng trái phiếu đáo hạn trong tháng 7 không lớn, góp phần củng cố sự phục hồi của lợi suất trái phiếu.

2. Trái phiếu chính quyền địa phương

Thành phố Hà Nội đã huy động thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu chính quyền địa phương kỳ hạn 5 năm ở mức lợi suất 8,7% (Mức chênh lệch lợi suất là 0,9% so với trái phiếu KBNN tại thời điểm phát hành). Cầu đầu tư trái phiếu chính quyền địa phương ở mức cao, phản ánh qua việc tổng khối lượng đăng ký đấu thầu bằng 3.3 lần tổng khối lượng chào thầu. Đợt phát hành lần này nằm trong kế hoạch phát hành 5 nghìn tỷ trái phiếu trong giai đoạn 2013-2015. Tính đến cuối quý 2, mới chỉ có 3 thành phố phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, gồm có thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, và TP Hồ Chí Minh.

3. Trái phiếu doanh nghiệp

Trong 3 tháng đầu năm, tổng khối lượng lưu hành của trái phiếu doanh nghiệp giảm từ 2 tỷ đôla xuống 1 tỷ đôla do một lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong khi không có nhiều đợt phát hành mới. Cầu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như cầu huy động vốn thông qua kênh phát hành trái phiếu vẫn cao, tuy nhiên, sự bất ổn của nền kinh tế vĩ mô cũng

như vấn đề nợ xấu của hệ thống ngân hàng vẫn chưa được giải quyết đã khiến cho các nhà đầu tư quan ngại khi đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chủ yếu là do các tập đoàn lớn phát hành. Tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành của 15 doanh nghiệp lớn nhất chiếm 96% tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp, trong đó nhiều trái phiếu không được niêm yết. Thị trường thứ cấp của trái phiếu doanh nghiệp vẫn tương đối thiếu thanh khoản, cả về giá trị và tần suất giao dịch đều thấp, phản ánh rủi ro về thanh khoản của loại hình trái phiếu này. Tăng trưởng kinh tế trì trệ cùng với những quan ngại về rủi ro tín dụng doanh nghiệp là những rào cản lớn cho những đợt phát hành mới.

Trong nửa đầu năm 2013, có một vài đợt phát hành trái phiếu thành công, chủ yếu là các đợt phát hành riêng lẻ. Một số doanh nghiệp đã có kế hoạch huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong nửa cuối năm. Thị trường trái phiếu doanh nghiệp nửa cuối năm được kỳ vọng sẽ khởi sắc hơn cùng với sự phục hồi của tăng trưởng tín dụng và mặt bằng lãi suất cho vay được giảm xuống.

Lạm phát năm 2013 được kỳ vọng ở mức 6,5-7% trong khi lợi suất trái phiếu chính phủ hiện đang ở mức thấp sẽ tạo cơ hội đẩy dòng vốn đầu tư sang trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu của các doanh nghiệp lớn và có uy tín sẽ tiếp tục được tìm kiếm bởi các nhà đầu tư. Đây sẽ là cơ hội phát hành cho các doanh nghiệp có uy tín và năng lực tài chính vững chắc trong bối cảnh thanh khoản hệ thống ngân hàng đang dồi dào, các kênh đầu tư khác như vàng hay bất động sản vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro.